

ĐỀ DẪN HỘI THẢO

Tại Trường Đại học Kinh tế Nghệ An, chất lượng đào tạo đã và đang không ngừng được nâng cao nhằm đào tạo ra những sinh viên có trình độ chuyên môn cao, đáp ứng nhu cầu của xã hội. Để ngày càng nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo, trong thời gian vừa qua, Nhà trường đã tổ chức rất nhiều hoạt động như dự giờ, thao giảng, hội thảo nhằm đổi mới phương pháp dạy học, nâng cao chất lượng dạy - học. Nhiều kỹ thuật dạy học được sử dụng linh hoạt, sáng tạo, lấy người học làm trung tâm, từ đó giúp kích thích tinh thần của người học. Với triết lý giáo dục “thực tế, đón đầu, hội nhập”, tập thể cán bộ, giảng viên Trường Đại học Kinh tế Nghệ An đã và đang không ngừng cố gắng để đào tạo các khóa sinh viên ra trường đáp ứng được yêu cầu của nhà tuyển dụng. Với số lượng sinh viên Khối kinh tế tốt nghiệp hàng năm tương đối lớn, cán bộ, giảng viên các Khoa nói chung và Khoa Kế toán – Phân tích nói riêng luôn không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, đổi mới phương pháp giảng dạy để thực hiện nhiệm vụ được giao một cách tốt nhất.

Trong những năm gần đây, các kỹ thuật dạy học tích cực đã được vận dụng nhiều trong quá trình giảng dạy các học phần cho sinh viên Khối kinh tế và mang lại những tín hiệu khả quan. Theo đó, các kỹ thuật dạy học tích cực đã giúp sinh viên phát huy sự tham gia chủ động vào quá trình dạy - học, kích thích tư duy, sáng tạo và cộng tác làm việc của từng sinh viên, rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm cho sinh viên một cách đầy đủ hơn.

Tuy nhiên, trong quá trình giảng dạy, việc triển khai vận dụng các kỹ thuật dạy học cho sinh viên Khối kinh tế vẫn chưa đạt hiệu quả như mong muốn. Từ thực tế đó, để đáp ứng yêu cầu về nghiên cứu, giảng dạy và học tập các học phần cho sinh viên Khối Kinh tế, đồng thời thiết thực chào mừng 60 năm truyền thống trường Đại học Kinh tế Nghệ An, Khoa Kế toán – Phân tích tổ chức Hội thảo Khoa học cấp Khoa năm 2020 với chủ đề: **“Vận dụng kỹ thuật dạy học tích cực vào các học phần cho sinh viên khối kinh tế”** theo kế hoạch đã được Ban giám hiệu, Phòng Quản lý đào tạo-khoa học và hợp tác quốc tế phê duyệt ngày 03/07/2020.

Hội thảo nhằm mục đích:

- Giúp các đoàn viên công đoàn là các giảng viên tăng cường hoạt động tự học, tự nghiên cứu, phát huy tinh thần sáng tạo trong việc vận dụng các kỹ thuật dạy học vào hoạt động giảng dạy.

- Các đoàn viên công đoàn có cơ hội giao lưu, trao đổi và chia sẻ kinh nghiệm về quá trình giảng dạy và vận dụng các kỹ thuật dạy học phù hợp với các học phần thuộc khối ngành kinh tế nhằm nâng cao chất lượng dạy và học trong giai đoạn hiện nay.

- Là một trong những hoạt động tạo không khí sôi nổi, vui tươi và ý nghĩa trong chuỗi hoạt động chào mừng lễ kỷ niệm 60 năm truyền thống của Nhà trường.

Sau một thời gian triển khai thực hiện kế hoạch, với sự làm việc nghiêm túc của Ban tổ chức, sự cố gắng của các thành viên và khách mời, hôm nay, được sự nhất trí của Đảng ủy, Ban giám hiệu Trường Đại học Kinh tế Nghệ An, Khoa Kế toán – Phân tích tổ chức buổi hội thảo **“Vận dụng kỹ thuật dạy học tích cực vào các học phần cho sinh viên khối kinh tế”**. Kết quả mong muốn sau buổi hội thảo này, các giảng viên vận dụng, kết hợp được các kỹ thuật dạy học tích cực nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy vào các học phần cho sinh viên Khối kinh tế.

Kính mong các quý vị đại biểu, các giảng viên đến tham dự hội thảo tích cực đóng góp ý kiến, thảo luận, trao đổi để buổi hội thảo thực sự có ý nghĩa thực tiễn và đạt được mục tiêu đề ra.

Trân trọng cảm ơn!

VẬN DỤNG KẾT HỢP KỸ THUẬT PHÂN VAI VÀ KỸ THUẬT CHIA NHÓM VÀO VIỆC GIẢNG DẠY HỌC PHẦN THỰC HÀNH KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

Họ tên: ThS. Trần Thị Thanh Tâm

Đơn vị công tác: Bộ môn Kế toán, Khoa kế toán phân tích

Tóm tắt: *Kỹ thuật dạy học phân vai và kỹ thuật chia nhóm là hai trong số các kỹ thuật dạy học tích cực nhằm khai thác tính chủ động và các tiềm năng có sẵn của người học. Trong bài viết này, tác giả đã khái quát nội dung, ưu điểm và hạn chế của hai kỹ thuật này, nêu lên cách thức sử dụng và đánh giá việc áp dụng trong giảng dạy Học phần Thực hành kế toán tài chính tại Trường đại học kinh tế Nghệ An, đồng thời nêu ra một số ý kiến cá nhân để có thể nâng cao hiệu quả giảng dạy Học phần Thực hành kế toán tài chính thông qua việc sử dụng hai kỹ thuật này.*

LỜI MỞ ĐẦU

Tiêu chí đào tạo của Trường Đại học kinh tế Nghệ An là thực tế, đón đầu và hội nhập, do đó cải tiến phương pháp dạy giảng dạy và học tập theo hướng tích cực hoạt động học tập, phát huy tính chủ động sáng tạo và năng lực của sinh viên là vấn đề luôn được các Tổ bộ môn quan tâm chỉ đạo thực hiện. Hoạt động đào tạo chuyển từ dạy là chính sang học là chính, người học chủ động chiếm lĩnh kiến thức, kỹ năng và phẩm chất cho mình. Để thực hiện được điều này đòi hỏi giảng viên phải áp dụng các kỹ thuật dạy học tích cực để có thể giúp sinh viên phát huy được năng lực tự học. Có thể kể đến các kỹ thuật như kỹ thuật khăn trải bàn, kỹ thuật các mảnh ghép, sơ đồ KWL, kỹ thuật sơ đồ hóa kiến thức, kỹ thuật tia chớp, kỹ thuật XYZ, kỹ thuật bẻ cá, kỹ thuật ô bi, kỹ thuật 3 lần 3, kỹ thuật phân vai, kỹ thuật chia nhóm, ...

Đặc thù học phần Thực hành kế toán tài chính là môn học có nội dung chủ yếu là thực hành, sinh viên thao tác trực tiếp trên chứng từ và sổ sách kế toán. Qua nghiên cứu các kỹ thuật và thực tiễn giảng dạy, tác giả nhận định rằng có hai kỹ thuật có thể áp dụng hiệu quả nhất đối với môn học này đó là kết hợp kỹ thuật phân vai và kỹ thuật chia nhóm. Bài viết này sẽ phân tích, góp phần làm rõ nội dung hai kỹ thuật này, khả năng áp dụng và những điều cần lưu ý khi áp dụng để giảng dạy học phần Thực hành kế toán tài chính.

1. KHÁI QUÁT VỀ KỸ THUẬT PHÂN VAI VÀ KỸ THUẬT CHIA NHÓM

1.1. Kỹ thuật phân vai

1.1.1. Bản chất

Phân vai là phương pháp tổ chức cho sinh viên (SV) thực hành, “làm thử” một số cách ứng xử nào đó trong một tình huống giả định. Đây là phương pháp nhằm giúp sinh viên suy nghĩ sâu sắc về một vấn đề bằng cách tập trung vào một sự việc cụ thể mà các em vừa thực hiện hoặc quan sát được.

1.1.2. Quy trình thực hiện

Có thể tiến hành đóng vai theo các bước sau :

- GV chia nhóm, giao tình huống đóng vai cho từng nhóm và quy định rõ thời gian chuẩn mực, thời gian đóng vai
- Các nhóm thảo luận chuẩn bị đóng vai
- Các nhóm lên đóng vai
- GV phỏng vấn SV đóng vai
- Lớp thảo luận, nhận xét:
- GV kết luận về cách ứng xử cần thiết trong tình huống.

1.1.3. Ưu điểm và hạn chế

a, Ưu điểm:

- ✓ SV được rèn luyện thực hành những kỹ năng ứng xử và bày tỏ thái độ trong môi trường an toàn trước khi thực hành trong thực tiễn.
- ✓ Gây hứng thú và chú ý cho SV
- ✓ Tạo điều kiện làm nảy sinh óc sáng tạo của SV
- ✓ Khích lệ sự thay đổi thái độ, hành vi của SV theo chuẩn mực hành vi đạo đức và chính trị – xã hội
- ✓ Có thể thấy ngay tác động và hiệu quả của lời nói hoặc việc làm của các vai diễn.
- ✓ Phát huy được những kinh nghiệm thực tế và tư duy sáng tạo của từng cá nhân cũng như sự phối hợp chặt chẽ của cá nhân với tập thể nhóm
- ✓ Lớp học sinh động, người học tiếp thu kiến thức thông qua những hoạt động tích cực trong “vai diễn” của họ.

b, Hạn chế:

- ✓ Mất nhiều thời gian
- ✓ Phải suy nghĩ “kịch bản”, “diễn viên”
- ✓ Nếu số lượng SV nhiều thì hiệu quả không cao

1.2. Kỹ thuật chia nhóm

1.2.1. Bản chất

Kỹ thuật dạy học chia nhóm nhóm còn được gọi bằng những tên khác nhau như: Dạy học hợp tác, Dạy học theo nhóm nhỏ, trong đó sinh viên được chia thành các nhóm nhỏ, trong khoảng thời gian giới hạn, mỗi nhóm tự lực hoàn thành các nhiệm vụ học tập trên cơ sở phân công và hợp tác làm việc. Kết quả làm việc của nhóm sau đó được trình bày và đánh giá trước toàn lớp.

1.2.2. Quy trình thực hiện

Có nhiều cách chia nhóm. Chia theo cách nào là tùy thuộc vào nhiệm vụ GV giao cho sinh viên thực hiện. Có những cách chia nhóm sau :

- Theo trình độ
- Hỗn hợp trình độ
- Ngẫu nhiên

Các bước tổ chức hoạt động nhóm:

B1: Làm việc chung cả lớp

- GV chia nhóm
- GV giao nhiệm vụ
- GV hướng dẫn cách làm việc nhóm

B2: SV làm việc theo nhóm:

- SV làm việc cá nhân.
- SV nêu ý kiến cá nhân
- Nhóm thảo luận chia sẻ, thống nhất

B3: Đại diện nhóm báo cáo.

1.2.3. Ưu điểm và hạn chế

a, Ưu điểm:

- ✓ Giúp SV ghi nhớ nội dung bài học dễ dàng hơn; tri thức mà SV lĩnh hội khách quan, sâu sắc và bền vững hơn.
- ✓ Tạo cơ hội cho SV phát triển tư duy, phát triển khả năng của bản thân; chủ động học tập tích cực.
- ✓ Giúp SV yếu kém, nhút nhát thêm mạnh dạn, tự tin; tạo điều kiện cho các bạn trẻ hòa nhập.

b, Nhược điểm

- ✓ Gây ồn ào trong lớp
- ✓ Trong nhóm sẽ có một số bạn tích cực, còn một số khác sẽ ỷ lại vào các bạn trong nhóm
- ✓ Sẽ có nhiều SV không thích học theo nhóm vì muốn chứng tỏ năng lực bản thân với GV hơn là với bạn

2. VẬN DỤNG KẾT HỢP KỸ THUẬT PHÂN VAI VÀ KỸ THUẬT CHIA NHÓM TRONG GIẢNG DẠY HỌC PHẦN (HP) THỰC HÀNH KẾ TOÁN TÀI CHÍNH (THKTTC)

2.1. Đặc điểm của HP THKTTC ảnh hưởng đến việc vận dụng kết hợp kỹ thuật phân vai và kỹ thuật chia nhóm

Trong chương trình học của ngành kế toán, việc thực hành ghi sổ kế toán đóng một vai trò quan trọng đối với việc hình thành kỹ năng nghề nghiệp cho chính sinh viên ngành kế toán. Do đó, việc mô phỏng lại mô hình một bộ máy kế toán trong doanh nghiệp để sinh viên có thể trực tiếp tham gia thực hành công việc như một kế toán viên là cần thiết. THKTTC giúp sinh viên có cái nhìn tổng quan về các công việc cụ thể của nhân viên kế toán, các cách tổ chức, ghi chép vào hệ thống chứng từ, tổ chức ghi chép sổ kế toán, cách lập các báo cáo tài chính, báo cáo thuế GTGT, thuế thu nhập doanh nghiệp, các quy định về thủ tục hành chính, chế độ báo cáo, thời điểm và nơi nộp báo cáo... công việc thực hành này giống như làm kế toán thực tế tại phòng kế toán của doanh nghiệp.

Mục tiêu chung của HP THKTTC là sinh viên có thể thực hiện được các công việc kế toán phải làm trong các doanh nghiệp. Mục tiêu cụ thể là:

- SV xác định được chứng từ sử dụng trong một số giao dịch kinh tế phát sinh trong các doanh nghiệp; nhận dạng và lập được các chứng từ
- SV xác định được sổ kế toán chi tiết sử dụng theo dõi các đối tượng kế toán chi tiết; mở sổ, ghi sổ và khóa sổ kế toán chi tiết
- SV xác định được sổ kế toán tổng hợp sử dụng theo dõi các đối tượng kế toán theo từng hình thức; mở sổ, ghi sổ và khóa sổ kế toán tổng hợp
- SV lập được Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Thuyết minh báo cáo tài chính

Biểu hiện của mục tiêu này là sinh viên hoàn thành bộ tài liệu thực hành bao gồm: Chứng từ, sổ chi tiết, sổ tổng hợp, báo cáo tài chính của một mô hình doanh nghiệp giả định

HP THKTTC có nội dung chủ yếu là SV thao tác thực hành trên bộ chứng từ, sổ kế toán và báo cáo. Để thực hiện được điều đó, GV phải hướng SV vào việc hình dung quy trình của từng giao dịch chi tiết cũng như tổng hợp số liệu. Trong doanh nghiệp có rất nhiều phân hành kế toán, mỗi kế toán viên sẽ phụ trách một hoặc một số phân hành, do đó việc áp dụng kỹ thuật phân vai để mỗi bạn đóng vai như một kế toán viên sẽ phát huy được tính chủ động, tích cực làm việc của SV nhiều hơn. Bên cạnh đó, kết hợp kỹ thuật chia nhóm sẽ giúp việc đối chiếu số liệu chi tiết, tổng hợp được chính xác giữa các nhóm, đồng thời kích thích SV hoàn thành công việc của mỗi nhóm một cách nhanh và có hiệu quả nhất.

2.2. Vận dụng kết hợp kỹ thuật phân vai và kỹ thuật chia nhóm để giảng dạy HP THKTTC tại Trường Đại học kinh tế Nghệ An

Việc kết hợp kỹ thuật phân vai và kỹ thuật chia nhóm có thể thực hiện ở tất cả các tiết học của HP THKTTC. Và hiệu quả của việc kết hợp này phụ thuộc vào cách thức triển khai của GV, mức độ tương tác của SV với hoạt động này và khả năng kiểm soát của GV. Cụ thể như sau:

(1) GV chia lớp thành các nhóm có số lượng thành viên, mỗi nhóm được coi là một bộ máy kế toán của doanh nghiệp giả định. Các nhóm được cung cấp đầy đủ thông tin doanh nghiệp, bộ chứng từ, bộ sổ kế toán, bộ báo cáo tài chính đầy đủ để thực hành.

Ví dụ: Lớp có 20 SV sẽ được chia thành 4 nhóm, mỗi nhóm 5 SV và phân vai như sau:

- 1 SV đóng vai Kế toán trưởng: Trương Thị Minh Anh, thực hiện các phân hành kế toán tiền lương, chi phí, giá thành, xác định kết quả kinh doanh, kế toán nguồn vốn, lập Báo cáo tài chính.
- 1SV đóng vai Kế toán vật tư, thành phẩm, TSCĐ: Nguyễn Thị Hải Bình, thực hiện phân hành kế toán vật tư, thành phẩm, TSCĐ.
- 1SV đóng vai Kế toán bán hàng và kế toán thuế: Phạm Thị Hồng Lam, thực hiện phân hành kế toán bán hàng và lập báo cáo thuế.

- 1SV đóng vai Kế toán vốn bằng tiền và thanh toán công nợ: Phạm Hồng Thái, thực hiện phần hành kế toán vốn bằng tiền và thanh toán công nợ.

- 1SV đóng vai Thủ quỹ: Dương Thị Phương, quản lý tiền mặt

(2) Phần thực hành chứng từ kế toán:

- GV triển khai cho các nhóm tự thảo luận để đưa ra bộ chứng từ hợp lý cho từng giao dịch kinh tế phát sinh, các nhóm trao đổi thông tin và GV chốt phương án thống nhất cuối cùng.

Ví dụ: Giao dịch số 1: Anh Trần Thanh - Công ty xây dựng công trình Hà Nam - Địa chỉ: Thanh Sơn trả hết nợ tiền mua xi măng kỳ trước bằng tiền mặt.

Chứng từ kế toán lập là Phiếu chi, căn cứ để lấy số liệu là số dư công nợ của Công ty xây dựng công trình Hà Nam đầu kỳ.

- GV hướng dẫn SV thực hiện thu thập và chứng từ kế toán theo từng vai đã được phân

Ví dụ: Chứng từ Phiếu chi ở giao dịch số 1 sẽ do SV đóng vai Kế toán vốn bằng tiền lập, các SV còn lại quan sát SV trên lập Phiếu chi.

- Từng nhóm SV tiến hành ghim kẹp chứng từ kế toán theo thứ tự phát sinh.

(3) Phần thực hành sổ kế toán:

- GV triển khai cho các nhóm tự thảo luận để đưa ra hệ thống sổ chi tiết và tổng hợp hợp lý cho mô hình doanh nghiệp giả định, các nhóm trao đổi thông tin và GV chốt phương án thống nhất cuối cùng.

- GV hướng dẫn các nhóm và SV thực hiện mở, ghi và khóa sổ kế toán theo dõi các đối tượng theo từng vai đã được phân.

- GV chốt số liệu các sổ chi tiết và sổ cái tài khoản với các chỉ tiêu: đối tượng, số dư đầu kỳ, cộng phát sinh trong kỳ, số dư cuối kỳ

(4) Phần thực hành báo cáo tài chính và tờ khai thuế:.

- GV triển khai cho các nhóm tự thảo luận và lập báo cáo tài chính, tờ khai thuế

- GV chốt số liệu trên báo cáo tài chính và tờ khai thuế.

3. ĐÁNH GIÁ VÀ ĐỀ XUẤT VẬN DỤNG KẾT HỢP KỸ THUẬT PHÂN VAI VÀ KỸ THUẬT CHIA NHÓM VÀO VIỆC GIẢNG DẠY HP THPTTC TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ NGHỆ AN

3.1. Đánh giá chung

Các kỹ thuật dạy học hiện đại nói chung và hai kỹ thuật: phân vai và chia nhóm đã phát huy tác dụng tích cực ở rất nhiều môn học, cho phép phát huy được năng lực tự học của SV. Tuy nhiên, theo khảo sát của tác giả, đối với HP THKTTC, chưa có một GV nào sử dụng kỹ thuật phân vai hay kỹ thuật chia nhóm, thậm chí hầu hết các GV đang sử dụng hình thức phương pháp dạy học đơn giản là GV hướng dẫn, SV thực hành độc lập trên bộ tài liệu của mỗi người. Lý do các GV chưa sử dụng đó là số lượng SV khoảng 20 người nên GV hầu như kiểm soát được tất cả các SV trong lớp, ngoài ra kỳ vọng của các GV là tất cả các bạn đều hoàn thành bộ tài liệu của mỗi bạn ở tất cả các nội dung nên không tiến hành chia nhóm hay phân vai.

3.2. Đề xuất nhằm nâng cao hiệu quả giảng dạy HP THKTTC thông qua việc vận dụng kết hợp kỹ thuật phân vai và kỹ thuật chia nhóm

Để có thể nâng cao hiệu quả giảng dạy HP THKTTC, tác giả đề xuất việc kết hợp hai kỹ thuật dạy học nêu trên. Tuy nhiên, để áp dụng có hiệu quả thì cần chú ý và giải quyết triệt để một số vấn đề sau:

- GV chủ động về mặt kiến thức. Để làm được điều này, GV cần thường xuyên trau dồi kiến thức chuyên môn bằng cách đọc thêm tài liệu tham khảo. Việc đọc tài liệu sẽ giúp GV phát triển kiến thức, ngôn từ, phương pháp trình bày và diễn đạt. Ngoài ra, đối với HP THKTTC là môn học liên quan nhiều đến thực tế nên việc tìm hiểu thực tế cũng rất quan trọng, GV cần tìm hiểu quy trình thu thập, xử lý chứng từ và hệ thống sổ kế toán trong các doanh nghiệp thực tế để có thể đưa ra các tình huống đa dạng nhằm giúp SV có thể hình dung được công việc kế toán trong thực tế.

- Bên cạnh việc chủ động về kiến thức, GV cần chuẩn bị các bài giảng một cách kỹ càng để đảm bảo có thể ứng dụng các kỹ thuật dạy học một cách chủ động. Đối với HP THKTTC thì GV cần chuẩn bị bộ đáp án chứng từ, sổ và báo cáo để chốt kết quả với các nhóm sinh viên kịp thời.

- Như đã nêu ở trên, cả hai kỹ thuật này đều có thể áp dụng trong suốt quá trình giảng dạy HP THKTTC. Việc chia nhóm hay phân vai có thể tiến hành ngay tiết học đầu tiên, nhưng chất lượng SV không đồng đều giữa các nhóm trong lớp hay giữa các thành viên trong nhóm có thể ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện. Ngoài ra, với dung lượng 90 tiết thì việc kết hợp hai kỹ thuật này có thể bị ảnh hưởng do các bạn SV nghỉ

học, do đó GV cần có những biện pháp dự phòng xử lý như thay đổi thành viên nhóm hay phân lại hoặc phân bổ sung vai cho các thành viên.

- Khi sử dụng kết hợp hai kỹ thuật đó cũng phải đảm bảo thực hiện mục tiêu của môn học, đảm bảo tính khoa học, chính xác, logic, do đó GV luôn luôn phải quan sát, đánh giá được từng thành viên trong các nhóm về mức độ và hiệu quả thực hiện công việc, đảm bảo tính đồng đều trong công việc của mỗi cá nhân. Ngoài bộ tài liệu hoàn thiện của từng nhóm thì GV có thể khuyến khích mỗi thành viên hoàn thiện bộ tài liệu của cá nhân bằng hình thức đánh giá và cộng điểm.

KẾT LUẬN

Với quan điểm dạy học tích cực như hiện nay, để việc giảng dạy có hiệu quả cao, giảng viên cần biết áp dụng linh hoạt cho phù hợp với từng nội dung kiến thức và tình hình lớp học. Không có phương pháp hay kỹ thuật nào là vạn năng. Mỗi kỹ thuật đều có những ưu điểm và nhược điểm nhất định. Việc kết hợp hai kỹ thuật tác giả nêu trong bài viết là hữu hiệu khi giảng dạy HP THKTTC nhưng sẽ hiệu quả hơn nếu giảng viên xử lý được các nhược điểm của hai kỹ thuật đó và biết cách phối hợp với các kỹ thuật khác.

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Thị Hà (2017), *Vận dụng quan điểm dạy học tương tác nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy các môn toán tại Trường đại học kinh tế Nghệ An*, Thông tin khoa học kinh tế kỹ thuật, Xí nghiệp in cổ phần phát hành sách Nghệ An, Số 14, tháng 12/2017, Trang 41-45.
- [2] Ninh Thị Bạch Diệp (2016), *Một số loại sơ đồ hệ thống hóa kiến thức trong dạy sinh học*, Tạp chí khoa học Đại học Tân Trào, Số 2 tháng 3 năm 2016, Trang 46-50.
- [3] Nguyễn Thị Hoa (2017), *Vận dụng sơ đồ KWWL và kỹ thuật sơ đồ hóa kiến thức vào việc giảng dạy môn kế toán quản trị*, Hội thảo khoa học Trường Đại học kinh tế Nghệ An.

ỨNG DỤNG KỸ THUẬT KWL VÀO DẠY HỌC PHẦN BẢO HIỂM XÃ HỘI

Họ và tên: ThS. Lê Thị Dung

Đơn vị: Bộ môn Ngân hàng – Bảo hiểm; Khoa Tài chính – Ngân hàng.

Tóm tắt: Bài viết trình bày một số vấn đề cơ bản về lý luận kỹ thuật dạy học KWL gồm khái niệm, mục tiêu, cách thức tổ chức thực hiện, các yêu cầu khi áp dụng và ưu, nhược điểm của kỹ thuật KWL. Đồng thời, ứng dụng của kỹ thuật này vào học phần Bảo hiểm Xã hội, và minh họa thông qua nội dung cụ thể là “Bảo hiểm Thai sản”.

Từ khóa: Kỹ thuật KWL, Bảo hiểm Xã hội, Bảo hiểm Thai sản

LỜI MỞ ĐẦU

Kỹ thuật dạy học là những biện pháp, cách thức hành động của giảng viên và sinh viên trong các tình huống hành động nhỏ nhằm thực hiện và điều khiển quá trình dạy học. Các kỹ thuật dạy học là những đơn vị nhỏ nhất của phương pháp dạy học. Áp dụng các kỹ thuật dạy học tích cực trong hoạt động dạy học là một hướng đang nhận được sự quan tâm của lãnh đạo và các thầy cô giáo Trường Đại học Kinh tế Nghệ An, tích cực nâng cao chất lượng đào tạo. Một trong các kỹ thuật dạy học đã được tôi vận dụng trong bài dạy của mình đó là kỹ thuật KWL. Kỹ thuật này sẽ giúp giảng viên đánh giá được sinh viên đã có kiến thức nền tảng gì để lựa chọn nội dung và định hướng cho sinh viên mở rộng thêm nội dung bài học. Đồng thời các em cũng có thể tự đánh giá bản thân và học hỏi từ bạn bè. Từ đó phát huy sự tham gia tích cực của sinh viên vào quá trình dạy học, kích thích tư duy, sự sáng tạo và sự cộng tác làm việc của sinh viên.

1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ LÝ LUẬN VỀ KỸ THUẬT DẠY HỌC KWL.

1.1. Thế nào là kỹ thuật KWL?

KWL do Donna Ogle giới thiệu năm 1986, vốn là một hình thức tổ chức dạy học hoạt động đọc hiểu. Sinh viên bắt đầu bằng việc động não tất cả những gì các em đã biết về chủ đề bài đọc. Thông tin này sẽ được ghi nhận vào cột K của biểu đồ. Sau đó sinh viên nêu lên danh sách các câu hỏi về những điều các em muốn biết thêm trong chủ đề này. Những câu hỏi đó sẽ được ghi nhận vào cột W của biểu đồ. Trong quá trình đọc hoặc sau khi đọc xong, các em sẽ tự trả lời cho các câu hỏi ở cột W. Những thông tin này sẽ được ghi nhận vào cột L.

Phát triển kỹ thuật KWL thành KWLH: Cột H được thêm vào biểu đồ KWL là để khuyến khích sinh viên tiếp tục tìm tòi, nghiên cứu. Sau khi sinh viên đã hoàn tất nội

dung ở cột L, các em có thể muốn tìm hiểu thêm về một thông tin. Các em sẽ nêu biện pháp để tìm thông tin mở rộng. Những biện pháp này sẽ được ghi nhận ở cột H. (H: cách thức để sinh viên tìm tòi, nghiên cứu mở rộng thêm về chủ đề học)

1.2. Mục đích sử dụng biểu đồ KWL

Biểu đồ KWL phục vụ cho các mục đích sau:

- Tìm hiểu kiến thức có sẵn của sinh viên về chủ đề được đưa ra.
- Đặt ra mục tiêu cho hoạt động tìm hiểu nội dung bài học.
- Giúp sinh viên tự theo dõi và đánh giá quá trình lĩnh hội kiến thức.
- Tạo cơ hội cho sinh viên diễn tả ý tưởng của các em vượt ra ngoài khuôn khổ bài học.

1.3. Sử dụng biểu đồ KWL như thế nào?

- Chọn chủ đề (nội dung bài học) để sinh viên tìm hiểu.
- Tạo bảng KWL. Giảng viên vẽ một bảng lên bảng, ngoài ra, mỗi sinh viên cũng có một mẫu bảng của các em. Có thể sử dụng mẫu sau.

K(Know) – Điều tôi biết	W (Want) – Điều tôi muốn biết	L (Learn) – Điều tôi học được

Sau khi đã biết về nội dung chủ đề, đề nghị sinh viên động não nhanh và nêu ra các từ, cụm từ có liên quan đến chủ đề. Cả giảng viên và sinh viên cùng ghi nhận hoạt động này vào cột K. Hoạt động này kết thúc khi sinh viên đã nêu ra tất cả các ý tưởng. Tổ chức cho sinh viên thảo luận về những gì các em đã ghi nhận.

+ Một số lưu ý tại cột K (Điều em biết)

Chuẩn bị những câu hỏi để giúp sinh viên động não. Đôi khi để khởi động, sinh viên cần nhiều hơn là chỉ đơn giản nói với các em: "Hãy nói những gì các em đã biết về..."

Khuyến khích sinh viên giải thích. Điều này rất quan trọng vì đôi khi những điều các em nêu ra có thể là mơ hồ hoặc không bình thường.

Hỏi sinh viên xem các em muốn biết thêm điều gì về chủ đề. Cả giảng viên và sinh viên ghi nhận câu hỏi vào cột W. Hoạt động này kết thúc khi sinh viên đã nêu ra tất cả các ý tưởng. Nếu sinh viên trả lời bằng một câu phát biểu bình thường, hãy biến nó thành câu hỏi trước khi ghi nhận vào cột W.

+ Một số lưu ý tại cột W (Điều em muốn biết – Điều em hỏi)

Hỏi những câu hỏi tiếp nối và gợi mở. Ví dụ:

"Em nghĩ mình sẽ biết thêm được điều gì sau khi em học chủ đề này?"

Chọn một ý tưởng từ cột K và hỏi: "Em có muốn tìm hiểu thêm điều gì có liên quan đến ý tưởng này không?"

Chuẩn bị sẵn một số câu hỏi của riêng bạn để bổ sung vào cột W. Có thể giảng viên mong muốn sinh viên tập trung vào những ý tưởng nào đó, trong khi các câu hỏi của sinh viên lại không mấy liên quan đến ý tưởng chủ đạo của chủ đề. Chú ý là không được thêm quá nhiều câu hỏi của GV. Thành phần chính trong cột W vẫn là những câu hỏi của sinh viên.

Yêu cầu SV đọc và tự điền câu trả lời mà các em tìm được vào cột L. Trong quá trình học, sinh viên cũng đồng thời tìm ra câu trả lời của các em và ghi nhận vào cột W. Sinh viên có thể điền vào cột L trong khi học hoặc sau khi đã học xong chủ đề đó.

+ Một số lưu ý tại cột L (Điều em học)

Ngoài việc bổ sung câu trả lời, khuyến khích sinh viên ghi vào cột L những điều các em cảm thấy thích. Để phân biệt, có thể đề nghị các em đánh dấu những ý tưởng của các em. Ví dụ các em có thể đánh dấu tích vào những ý tưởng trả lời cho câu hỏi ở cột W, với các ý tưởng các em thích, có thể đánh dấu sao.

Đề nghị sinh viên tìm kiếm từ các tài liệu khác để trả lời cho những câu hỏi ở cột W mà bài học không cung cấp câu trả lời. (Không phải tất cả các câu hỏi ở cột W đều được bài học trả lời hoàn chỉnh). Có thể tiến hành thảo luận để cùng đưa ra những thông tin ghi nhận ở cột L.

Khuyến khích sinh viên nghiên cứu thêm về những câu hỏi mà các em đã nêu ở cột W nhưng chưa tìm được câu trả lời. Các em có thể về tìm hiểu thêm thông qua các nguồn khác để tìm câu trả lời cho mình.

2. ỨNG DỤNG KỸ THUẬT KWL VÀO GIẢNG DẠY HỌC PHẦN BẢO HIỂM XÃ HỘI

2.1. Sự phù hợp của việc ứng dụng kỹ thuật KWL vào giảng dạy học phần Bảo hiểm Xã hội

Học phần Bảo hiểm Xã hội đang giảng dạy tại Trường Đại học Kinh tế Nghệ An có 6 chương với nội dung tương đối nhiều, tính thực tiễn cao. Việc ứng dụng các phương

pháp giảng dạy chủ động như: thảo luận nhóm, tình huống, phỏng vấn, giải quyết vấn đề, ... và các kỹ thuật dạy học tích cực như: mảnh ghép, công não, XYZ, tranh luận ủng hộ phản đối, tia chớp, KWLH, sơ đồ tư duy,... là cần thiết. Trong đó, kỹ thuật dạy học KWL có tính phù hợp cao. Một số nội dung của học phần Bảo hiểm Xã hội phù hợp ứng dụng kỹ thuật KWL là: Chế độ Hưu trí, Chế độ Thai sản, Chế độ BHXH tự nguyện, bảo hiểm y tế... Kỹ thuật KWL phát huy tác dụng nhất trong học phần Bảo hiểm xã hội khi bên cạnh lựa chọn các nội dung mang tính liên kết và phức hợp, đồng thời giảng viên cần đưa ra các tình huống thực tiễn trong nền kinh tế để sinh viên vận dụng giải quyết vấn đề.

2.2. Minh họa ứng dụng kỹ thuật KWL vào nội dung “Chế độ bảo hiểm thai sản” trong học phần Bảo hiểm xã hội

2.2.1. Tại sao có thể vận dụng kỹ thuật KWL trong giảng dạy chủ đề Chế độ Bảo hiểm thai sản?

Khi đặt câu hỏi: Điều kiện để người lao động được hưởng chế độ thai sản? thì sinh viên đều liệt kê được một số trường hợp điển hình người lao động được hưởng chế độ thai sản ví dụ như lao động nữ mang thai, lao động nữ sinh con. Điều này có thể lý giải bởi trong cuộc sống sinh viên đã tiếp xúc, quan sát và có cái nhìn nhận về phụ nữ mang thai, sinh con và nghỉ sau sinh; Ngoài ra trong tiết học trước Giảng viên đã yêu cầu sinh viên tìm hiểu về chế độ Bảo hiểm thai sản trong Luật BHXH.

Nội dung trong chủ đề không chỉ tác động vào nhận thức mà còn tác động vào kỹ năng, thái độ của sinh viên. Chính vì vậy để sinh viên có thể tự biết được chế độ bảo hiểm xã hội mà mình có thể được hưởng khi mình trở thành người lao động và có đóng BHXH.

2.2.2. Tiến trình thực hiện

Bước 1: Yêu cầu lấy ra 1 tờ giấy và chia làm 4 cột.

K	W	L	H
– Điều đã biết	– Điều cần biết	– Điều học được	– Hướng nghiên cứu

Chủ đề 2: Chế độ Bảo hiểm thai sản

Tên sinh viên:

K: Điều đã biết

W: Điều cần biết

L: Điều học được

H: Hướng nghiên cứu

Bước 2: Yêu cầu sinh viên liệt kê một số trường hợp điển hình người lao động được hưởng chế độ thai sản, thời gian nghỉ sinh hiện tại quy định là bao nhiêu tháng? Giảng viên có thể đặt câu hỏi: Luật Bảo hiểm Xã hội quy định về điều kiện được hưởng, thời gian hưởng, mức hưởng chế độ thai sản khác nhau giữa các thời kỳ hay không? Nếu có, thì theo Luật Bảo hiểm xã hội mới nhất quy định điều kiện được hưởng, thời gian hưởng, mức hưởng chế độ thai sản?

Bước 3: Sinh viên đặt câu hỏi: Hãy đặt ra những câu hỏi, vấn đề liên quan đến điều kiện được hưởng, thời gian hưởng, mức hưởng chế độ thai sản mà SINH VIÊN quan tâm?

Ví dụ: Người lao động nam có được hưởng chế độ bảo hiểm thai sản không?

Gia đình chồng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, vợ không tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc thì vợ mang bầu và sinh con có được hưởng chế độ bảo hiểm thai sản không?...

Bước 4: Giảng viên giới thiệu những nội dung cơ bản trong bài học. Đưa ra các tình huống để sinh viên phân biệt các đối tượng được hưởng, thời gian hưởng, mức hưởng chế độ thai sản và cách tính thời gian và số tiền người lao động được hưởng trong các ví dụ, liên hệ thực tiễn.

Bước 5: Giảng viên thu giấy của một số sinh viên, trả lời một số câu hỏi trong ô W, hoặc hỏi các bạn khác để giúp sinh viên tự trả lời.

Bước 6: Yêu cầu sinh viên ghi vào ô L những gì mà mình đã học được.

Bước 7: Thu sản phẩm của sinh viên và đọc, phản hồi cho sinh viên những thông tin mà sinh viên cần đọc thêm để trả lời câu hỏi do em đặt ra.

Bước 8: Yêu cầu sinh viên ghi thêm vào ô H những gì mà sinh viên muốn tìm hiểu sau khi học nội dung Chế độ Bảo hiểm thai sản. Giảng viên có thể để các em trao đổi với nhau về chính những điều mà các em muốn tìm hiểu thêm.

2.2.3. Kết quả thực hiện kỹ thuật KWL

- Sinh viên hứng thú trong việc bàn luận những đối tượng được hưởng chế độ bảo hiểm thai sản theo quy định của luật BHXH mới nhất.
- Sinh viên đưa ra và giải quyết những vấn đề liên quan đến thời gian hưởng, mức hưởng bảo hiểm thai sản. Khi sinh viên có khả năng liên hệ thực tế từ những kiến thức được học thì đồng thời sinh viên cũng hình thành kỹ năng tổ chức các hoạt động khi ra trường và làm việc tại các công ty.
- Sinh viên thực hành được kỹ năng trình bày vấn đề, tư duy logic và định hướng kiến thức và phát triển bản thân sau khi kết thúc bài học.
- Giảng viên nắm được mức độ quan tâm của sinh viên đối với vấn đề Chế độ Bảo hiểm thai sản để từ đó có thể tác động vào vùng phát triển gần nhất giúp sinh viên hiểu và vận dụng nội dung bài học.

2.2.4. Những lưu ý khi sử dụng kỹ thuật KWL

- Tùy theo chủ đề, nội dung bài học mà Giảng viên nên sử dụng kỹ thuật nào hoặc linh động thay đổi hình thức vận dụng nào cho phù hợp với mục đích giảng dạy. Với những chủ đề mà sinh viên đã có lượng kiến thức nhất định, cần hệ thống và tác động vào thái độ thì kỹ thuật này phát huy được ưu điểm của nó.
- Việc Giảng viên nắm được những gì mà sinh viên đang biết là điều cần thiết để Giảng viên gợi ý những câu hỏi để định hướng sinh viên trong việc tự tìm ra câu trả lời.
- Giảng viên có thể sử dụng sản phẩm của sinh viên để chấm điểm và kiểm tra mức độ nhận thức thay đổi qua từng các ô để gợi ý sinh viên hướng đến việc trả lời câu hỏi.
- Sinh viên có thể học qua bạn mình bằng cách thảo luận nhóm sau các ô. Sau khi thảo luận nhóm, cần có sản phẩm của nhóm được trình bày bằng các sản phẩm khác nhau để sinh viên được làm việc theo nhóm.

KẾT LUẬN

Cùng với các kỹ thuật dạy học tích cực, kỹ thuật KWL là một trong số những kỹ thuật hiện đại giúp Giảng viên gần gũi với sinh viên, định hướng cho sinh viên giải quyết vấn đề và xâu chuỗi những nội dung được học. Trên đây chỉ là một số kinh nghiệm cá nhân khi vận dụng kỹ thuật này trong giảng dạy. Tôi tin rằng các anh chị, các bạn đồng nghiệp đã từng áp dụng kỹ thuật này sẽ có nhiều chia sẻ hay hơn. Rất

mong nhận được ý kiến đóng góp của các thầy cô để nội dung tham luận thêm hoàn chỉnh giúp cho giảng dạy đạt hiệu quả cao.

Tài liệu tham khảo

1. John Biggs and Catherine Tang (2003), *Teaching for Quality Learning at University*, The Society for Research into Higher Education.
2. Prof. Bern Meier, TS. Nguyễn Văn Cường (2009), *Lý luận dạy học hiện đại*, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
3. TS. Nguyễn Trọng Hoàn (2017), *Đổi mới phương pháp dạy học, chú trọng phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực sinh viên*, Bộ Giáo dục & Đào tạo.
4. Nguyễn Thành Hải, Phùng Thúy Phương, Đồng Thị Bích Thủy (2010), *Giới thiệu một số phương pháp giảng dạy cải tiến giúp sinh viên học tập chủ động và trải nghiệm đạt các chuẩn đầu ra theo CIDO*, Đại học Quốc Gia Tp. Hồ Chí Minh.
5. ThS. Nguyễn Văn Mỹ (2014), *Đổi mới phương pháp giảng dạy ở bậc đại học*, Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn.

**VẬN DỤNG MỘT SỐ KỸ THUẬT DẠY HỌC TÍCH CỰC TRONG VIỆC
GIẢNG DẠY CÁC HỌC PHẦN KẾ TOÁN CHO SINH VIÊN KHỐI KINH TẾ
TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ NGHỆ AN.**

Họ tên: ThS. Trần Thị Hương Trà

Đơn vị công tác: Bộ môn Kế toán, Khoa kế toán phân tích

Tóm tắt: *Trong xu thế hội nhập, thời đại công nghiệp 4.0 thì môi trường kinh tế thay đổi liên tục đã đặt ra yêu cầu về chất lượng đội ngũ nhân lực ngày càng cao, chính vì thế nó sẽ kéo theo sự thay đổi về tư duy đào tạo, chất lượng đào tạo gắn với thực tế của sinh viên ngành kinh tế nói riêng và của các ngành học khác nói chung. Việc thay đổi về tư duy đào tạo chính là đổi mới phương pháp dạy học tích cực là điều rất cần thiết không chỉ Trường Đại học kinh tế Nghệ An mà tất cả các trường cao đẳng và đại học hiện nay. Trong mỗi phương pháp dạy học tích cực để hiệu quả thì cần phải biết vận dụng các kỹ thuật dạy học sao cho phù hợp và linh hoạt trong từng môn học, và đối tượng người học. Bài viết này trao đổi một số ý kiến cá nhân về việc “Vận dụng các kỹ thuật dạy học tích cực trong việc giảng dạy các học phần Kế toán đối với sinh viên khối kinh tế tại Trường Đại học Kinh tế Nghệ An”, giúp sinh viên có thể nắm kiến thức và vận dụng kiến thức một cách linh hoạt và sáng tạo dựa vào năng lực của bản thân.*

LỜI MỞ ĐẦU

Trong thời đại thông tin, khối lượng tri thức mà con người phải tiếp nhận là rất lớn. Do đó nhà trường không thể cung cấp cho người học một khối lượng tri thức đủ để họ sử dụng trong suốt cuộc sống và lao động. Vì vậy, nhà trường chỉ có thể trao cho họ cách thức truy nhập thế giới tri thức vô tận đó. Có nghĩa là việc giảng dạy không chỉ đơn thuần là cung cấp tri thức mà phải dạy cả khả năng khám phá và nghiên cứu để phục vụ việc học tập liên tục suốt đời. Trong xu thế đổi mới phương pháp dạy học tích cực hiện nay, đặc biệt là việc áp dụng đào tạo tín chỉ thì việc vận dụng một số phương pháp dạy học tích cực nhằm phát huy năng lực của người học là điều rất cần thiết. Tuy nhiên, để vận dụng các phương pháp dạy học tích cực đó thì cần phải đưa ra các kỹ thuật dạy học cụ thể và vận dụng phù hợp với từng môn học và từng đối tượng người học một cách linh hoạt. Khoa Kế toán - Phân tích – Trường Đại học Kinh tế Nghệ An đảm nhận giảng dạy các học phần kế toán như Kế toán tài chính; kế toán thuế; kế toán quản trị; kế toán công,... Vậy làm thế nào để các giảng viên trong khoa cũng như tổ bộ

môn kế toán giảng dạy tốt và đem lại kiến thức lý thuyết và thực tế cho sinh viên một cách hiệu quả nhất? Bài viết này trao đổi một số ý kiến cá nhân về việc áp dụng một số kỹ thuật dạy học tích cực như sơ đồ KWL; kỹ thuật tia chớp; kỹ thuật “3 lần 3”; kỹ thuật đóng vai trong giảng dạy các học phần kế toán, giúp sinh viên có thể nắm kiến thức và vận dụng kiến thức một cách linh hoạt và sáng tạo dựa vào năng lực của bản thân.

1. Những vấn đề chung về việc áp dụng phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực hiện nay.

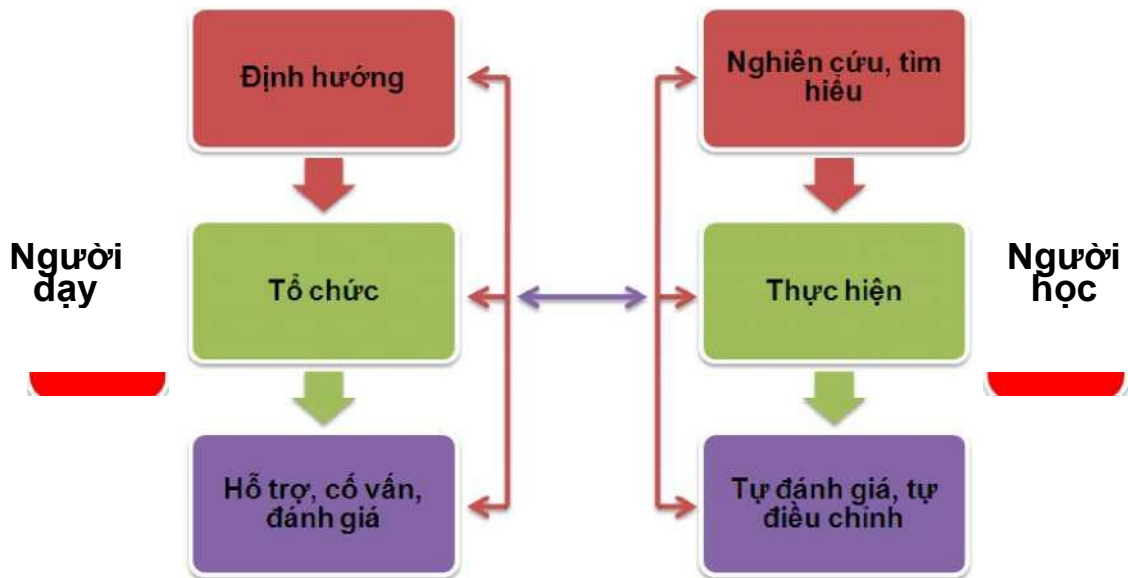
Ngày nay, việc đổi mới phương pháp giảng dạy đang được xem là một giải pháp quan trọng nhằm nâng cao chất lượng trong dạy học. Phương pháp dạy học tích cực là phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính chủ động, độc lập và sáng tạo, hướng tới việc hoạt động hóa, tích cực hóa hoạt động nhận thức của người học. Đặc trưng của các phương pháp dạy học tích cực là:

- Dạy và học thông qua tổ chức các hoạt động học tập của người học
- Dạy và học chú trọng rèn luyện phương pháp tự học
- Tăng cường học tập cá thể, phối hợp với học tập hợp tác
- Kết hợp sự đánh giá của thầy với sự đánh giá của trò

Sự chuyển biến về hoạt động trong lớp học có thể thể hiện qua sơ đồ sau:



Hoạt động của người dạy và người học trong dạy học tích cực được thể hiện ở sơ đồ



Sơ đồ 2

Trong mỗi hoạt động, mỗi phương pháp dạy học tích cực đó thì người dạy cần vận dụng linh hoạt các kỹ thuật dạy học một cách hiệu quả. Để chỉ phương pháp giáo dục hoặc dạy học theo hướng phát huy tính tích cực sáng tạo của người học, bao gồm nhiều phương pháp, hình thức, kỹ thuật cụ thể khác nhau. Một số phương pháp dạy học tích cực trong các trường Đại học hiện nay là:

- a. Phương pháp vấn đáp (đàm thoại)
- b. Phương pháp đặt và giải quyết vấn đề
- c. Phương pháp hoạt động nhóm
- d. Phương pháp đóng vai

2. Vận dụng một số kỹ thuật dạy học tích cực trong các học phần Kế toán cho sinh viên khối kinh tế tại Trường Đại học kinh tế Nghệ An

2.1. Tổng quan về môn học

Các học phần kế toán được đào tạo bao gồm Kế toán tài chính; kế toán thuế; kế toán công; kế toán quản trị; Thực hành kế toán tài chính,... là các học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành vận dụng hệ thống phương pháp khoa học của kế toán để nghiên cứu về nội dung, nguyên tắc và phương pháp kế toán. Mục tiêu của các học phần là cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản mang tính lý luận về chế độ,

thông tư hạch toán kế toán, từ đó người học có thể vận dụng một cách thành thạo vào công tác kế toán tại các doanh nghiệp sau khi ra trường. Thực hiện phương châm đổi mới phương pháp dạy học, đào tạo, đặc biệt đẩy mạnh việc áp dụng kỹ thuật dạy học tích cực trong giảng dạy, giảng viên cần quan tâm đến việc phát huy tính cực của sinh viên khi học các học phần này như: Xác định rõ mục tiêu học tập của các học phần, của từng chương, từng bài, hướng dẫn nắm vững các kiến thức cơ bản, đặt và giải quyết các vấn đề chủ yếu trong bài học, hướng dẫn đọc tài liệu, tra cứu, chuẩn bị làm bài tập. Những công việc như vậy sẽ hỗ trợ cho sinh viên tự học dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Đổi mới phương pháp dạy học phải được tiến hành đồng thời giữa đổi mới phương pháp dạy của thầy cô và đổi mới phương pháp học của trò. Có nghĩa là phải có sự hợp tác chặt chẽ giữa giảng viên và sinh viên. Trong bài viết này, tác giả tập trung nghiên cứu việc sử dụng các kỹ thuật dạy học tích cực của giảng viên gắn liền với phương pháp học tập tích cực của sinh viên đối với các học phần Kế toán tài chính như sau:

2.2. Kỹ thuật sơ đồ KWL

2.2.1. Mô tả về kỹ thuật KWL

- Kỹ thuật KWL do Donna Ogle giới thiệu năm 1986, xuất phát ban đầu vốn là một hình thức tổ chức dạy học hoạt động đọc - hiểu. Theo kỹ thuật này, người học bắt đầu bằng việc công nã tất cả những gì các em đã biết về chủ đề bài đọc. Thông tin này sẽ được ghi nhận vào cột **K** của biểu đồ. Sau đó, người học nêu lên danh sách các câu hỏi về những điều các em muốn biết thêm trong chủ đề này. Những câu hỏi đó sẽ được ghi nhận vào cột **W** của biểu đồ. Trong quá trình đọc hoặc sau khi đọc xong, các em sẽ tự trả lời cho các câu hỏi ở cột **W**. Những thông tin này sẽ được ghi nhận vào cột **L** [2].

Xuất phát từ kỹ thuật KWL, Ogle tiếp tục bổ sung thêm cột H ở sau cùng, với nội dung khuyến khích người học suy nghĩ, vận dụng vào quá trình học tập, vận dụng tiếp theo. Sau khi đã hoàn tất nội dung ở cột L, các em có thể muốn tìm hiểu thêm về một số thông tin có liên quan. Các em sẽ nêu biện pháp để tìm thông tin mở rộng. Giảng viên cũng yêu cầu người học vận dụng vào thực tiễn, giải quyết các dạng bài tập như thế nào. Tất cả những ý tưởng, yêu cầu này sẽ được ghi nhận ở cột H.

- *Mục đích sử dụng biểu đồ KWL*: Kỹ thuật “KWL” phục vụ cho các mục đích sau:

- Tìm hiểu kiến thức có sẵn của người học trước khi học bài mới/chủ đề mới
 - Đặt ra các mục tiêu cho hoạt động học tập
 - Giúp người học tự giám sát, trải nghiệm quá trình nghiên cứu của mình
 - Cho phép người học đánh giá quá trình nghiên cứu của mình.
 - Tạo cơ hội cho người học trình bày ý tưởng, tư duy của mình vượt ra ngoài khuôn khổ bài mới/chủ đề mới, được liên hệ và vận dụng vào thực tiễn
 - Đổi mới phương pháp dạy học theo hướng tích hợp tiếp cận về nội dung, hình thức tổ chức, phương pháp dạy học,...
- Tất cả những mục đích trên đều hướng tới phát triển các năng lực của người học.

- *Các bước thực hiện kỹ thuật KWLH như thế nào?*

Bước 1: Chọn bài học/chủ đề. Phương pháp này đặc biệt có hiệu quả với các bài học mang ý nghĩa gợi mở, tìm hiểu, giải thích, thời lượng phân bổ từ 2 tiết trở lên.

Bước 2: Tạo bảng KWLH. Giảng viên vẽ một bảng lên bảng (hoặc trình chiếu trên Slide), đồng thời yêu cầu mỗi nhóm (một lớp học tùy vào số lượng để chia thành 3-4 nhóm) cũng kẻ một bảng theo mẫu của giảng viên (hình dưới).

Nhóm:

K	W	L	H

Bước 3: Đề nghị người học công nã nhanh và đưa ra những nội dung liên quan đến bài học/chủ đề và ghi nhận hoạt động này vào cột K.

Bước 4: Giảng viên hãy hỏi tiếp người học xem các em muốn biết/tìm hiểu thêm những gì về bài học/chủ đề này và sẽ ghi nhận câu hỏi vào cột W.

Lưu ý: Sau khi người học đã điền đầy đủ các thông tin vào cột K và cột W, giảng viên hãy thu phiếu lại để nghiên cứu những thông tin của các nhóm đã viết ở cột K và W. Chúng ta cũng có thể tổ chức trao đổi ngay tại lớp.

Bước 5: Sau khi đã dạy xong bài học/chủ đề mới, giảng viên phát trả lại cho các nhóm phiếu KWLH đã viết trước đó, yêu cầu các nhóm đọc lại và tự điền câu trả lời mà các em tìm được (trong quá trình học tập) vào cột L.

Bước 6: Sau khi người học đã hoàn tất nội dung ở cột L, người học có thể muốn tìm hiểu thêm các thông tin có liên quan, giảng viên hãy yêu cầu các nhóm nêu biện pháp để tìm kiếm mở rộng. Giảng viên hãy khuyến khích người học nghiên cứu thêm về những câu hỏi mà các em đã nêu ở cột W nhưng chưa tìm được câu trả lời từ bài đọc, yêu cầu các nhóm vận dụng vào thực tiễn, giải quyết các dạng bài tập như thế nào. Tất cả những ý tưởng, yêu cầu này sẽ được ghi nhận ở cột H.

Bước 7: Tổ chức cho các nhóm thảo luận những thông tin các em ghi nhận ở cột L

2.2.2. Vận dụng kỹ thuật KWLH đối với học phần Kế toán tài chính 1

Đối với học phần Kế toán tài chính 1 có số tín chỉ là 4, gồm 36,5 tiết lý thuyết, 23,5 tiết là bài tập, thảo luận; gồm 4 chương chia thành 15 nội dung, mỗi buổi lên lớp là 4 tiết nên rất dễ áp dụng kỹ thuật dạy học KWLH này. Cụ thể: Với nội dung 1 là Chương 1: Những vấn đề chung về tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp, gồm :

- Vai trò, nhiệm vụ của kế toán doanh nghiệp
- Nội dung tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp
- Tổ chức bộ máy kế toán và người làm kế toán
- Hoạt động nghề nghiệp kế toán
- Khen thưởng và xử lý vi phạm.

Buổi học 4 tiết này thì giảng viên có thể vận dụng sơ đồ KWLH này như sau: Chia lớp học thành 3 – 4 nhóm (mỗi nhóm 10 người), giảng viên kẻ sơ đồ này lên bảng hoặc trình chiếu trên Slide và có thể chuẩn bị mẫu giấy A₀ cho các nhóm, Tiết 1;2 Cho các nhóm tự nghiên cứu bài học; đọc tài liệu và điền các thông tin vào sơ đồ. Tiết 3; 4 tiến hành thảo luận và giảng viên giảng giải cho người học những điều người học muốn biết, và có thể trình bày thêm những kiến thức sâu, rộng và liên hệ thực tế cho người học. Ngoài ra thì trong quá trình thảo luận giảng viên có thể vận dụng thêm các kỹ thuật dạy học tích cực khác như kỹ thuật tia chớp hay kỹ thuật 321 để bài học thêm thú vị, sinh động và dễ hiểu. Sơ đồ KWLH của nội dung 1 – Chương 1: *Những vấn đề chung về tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp* như sau:

<p style="text-align: center;">K (What we Know)</p>	<p style="text-align: center;">W (What we Want to learn)</p>	<p style="text-align: center;">L (What we Learned)</p>	<p style="text-align: center;">H (How can we learn more)</p>
<ul style="list-style-type: none"> - Kế toán cung cấp thông tin kinh tế tài chính của đơn vị kế toán cho các đối tượng sử dụng thông tin - Kiểm tra, giám sát tình hình tài chính cũng như tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; kiểm tra việc chấp hành các chính sách, chế độ về quản lý kinh tế tài chính. Tài liệu, số liệu kế toán là cơ sở để xem xét, xử lý vi phạm pháp luật. - Có 4 nhiệm vụ của kế toán (Điều 5, luật kế toán Việt Nam) - Hệ thống chứng từ và sổ sách kế toán là thuộc loại hướng dẫn tùy vào mỗi DN trên cơ sở hướng dẫn của BTC. - Hệ thống tài khoản kế toán áp dụng theo thông tư 200/2014 – BTC - Hình thức ghi sổ kế toán có 4 hình thức: <ul style="list-style-type: none"> + Hình thức NKC + Hình thức NKCT + Hình thức CTGS + Hình thức kế toán trên máy vi tính - Căn cứ điều 50; 51; 52; 53;55; 56; 61 của Luật kế toán quy định về Tiêu chuẩn, quyền hạn; chức năng; nhiệm vụ; phẩm chất,...của người làm kế toán. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các đối tượng sử dụng thông tin là ai và tại sao lại cần biết các thông tin về kế toán tài chính của DN? - Thông tin được kế toán cung cấp thông qua BCTC, vậy cách lập báo cáo tài chính như thế nào? - Cách thức lập chứng từ và sổ kế toán như thế nào? - Tại sao DN chỉ vận dụng 1 trong 4 hình thức ghi sổ? 	<ul style="list-style-type: none"> - Kế toán là công cụ quản lý kinh tế rất hiệu quả cho các nhà quản trị DN. - Nắm rõ nhiệm vụ của kế toán để vận dụng vào thực tế cho từng phần hành kế toán. - Vận dụng vào thực tế DN đúng chế độ kế toán, luật kế toán phù hợp. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu - Tham quan thực tế các DN. - Tham khảo tài liệu trên Internet

Với kỹ thuật dạy học theo sơ đồ KWLH này giảng viên có thể vận dụng cho các nội dung bài học khác của học phần Kế toán tài chính 1; 2; 3. Tùy vào từng nội dung bài học và đối tượng người học để giảng viên lựa chọn phương pháp và kỹ thuật dạy học phù hợp. Chẳng hạn như Trường Đại học kinh tế Nghệ An hiện nay áp dụng đào tạo giảng dạy theo tín chỉ bắt đầu từ Khóa 2 – ĐH chính quy và có nhiều chuyên ngành như kế toán; kinh tế; quản trị kinh doanh,...có học các học phần kế toán tài chính nên đối tượng người học là các em sinh viên chuyên ngành kế toán sẽ nghiên cứu sâu hơn và vận dụng thực tế nhiều hơn khác với các em không chuyên ngành kế toán dẫn đến việc giảng viên phải thiết kế bài học và áp dụng kỹ thuật dạy học cũng nên phong phú và linh hoạt hơn.

2.3. Kỹ thuật tia chớp

2.3.1. Mô tả kỹ thuật tia chớp

➤ Giới thiệu:

Kỹ thuật tia chớp là một kỹ thuật huy động sự tham gia của các thành viên đối với một câu hỏi nào đó, hoặc nhằm thu thông tin phản hồi nhằm cải thiện tình trạng giao tiếp và không khí học tập trong lớp học, thông qua việc các thành viên lần lượt nêu ngắn gọn và nhanh chóng (như chớp!) ý kiến của mình về câu hỏi hoặc tình trạng vấn đề.[1]

➤ Dụng cụ: Giấy bút cho thư ký của nhóm.

➤ Thực hiện:

Giảng viên chia nhóm, giao chủ đề cho nhóm, quy định thời gian phát biểu của từng thành viên (Ví dụ mỗi thành viên có 30 giây để nói).

Lần lượt từng người nói suy nghĩ của mình, tuân thủ đúng quy định về thời gian, chỉ được nói ngắn gọn 1 - 2 câu.

Bắt đầu thảo luận khi tất cả thành viên đã trình bày xong ý kiến.

➤ Lưu ý: Suy nghĩ thật nhanh và đưa ra ý kiến ngắn gọn.

➤ Ưu điểm: - Có thể áp dụng bất cứ thời điểm nào.

- Hữu ích khi sử dụng để thu thập thông tin phản hồi

➤ Hạn chế: Các ý kiến thường ngắn gọn, không đi sâu phân tích hoặc ví dụ minh họa.

2.3.2. Vận dụng kỹ thuật tia chớp đối với học phần kế toán tài chính 2

Với nội dung 1 tuần 1 của chương 5 - Kế toán lao động tiền lương và các khoản trích theo lương thì ở tiết học 2 là “Các hình thức trả lương, quỹ tiền lương và các khoản trích theo lương” gồm các nội dung:

- Các hình thức trả lương
- Quỹ tiền lương
- Các khoản trích theo lương
- BHXH phải trả cho người lao động

Ứng với bốn nội dung trên giảng viên chia lớp học thành 4 nhóm, mỗi nhóm 10 – 15 người, giao cho mỗi nhóm nghiên cứu một nội dung. Ví dụ nhóm 1 thì nghiên cứu nội dung 1 là “Các hình thức trả lương” sẽ trả lời nhanh các câu hỏi như sau: Có mấy hình thức trả lương? Đó là những hình thức gì? Đối với hình thức trả lương theo thời gian được xác định như thế nào (Theo tháng; ngày, giờ); Căn cứ vào đâu để biết được? Mức lương tối thiểu vùng hiện nay là bao nhiêu? Những DN nào áp dụng mức lương cơ sở, DN nào áp dụng mức lương tối thiểu vùng? Ngày công làm việc theo chế độ không quá bao nhiêu ngày?...

Tương tự như vậy các nội dung còn lại sẽ giao cho nhóm 2; 3; 4 và cũng sẽ nghiên cứu và trả lời nhanh chóng các câu hỏi được đặt ra trong từng nội dung của nhóm. Mỗi thành viên trong nhóm sẽ trả lời không quá 30s.

Các nhóm khác và giảng viên cùng ghi lại các ý kiến của mỗi nhóm, sau khi hoàn tất các ý kiến thì Giảng viên cùng các thành viên mỗi nhóm bắt đầu thảo luận.

Không riêng gì các học phần kế toán tài chính mà tất cả các học phần đào tạo đều có thể vận dụng kỹ thuật này trong từng nội dung bài học tại bất kỳ thời điểm lên lớp và áp dụng cho nhiều đối tượng người học.

2.4. Kỹ thuật “3 lần 3”

2.4.1. Mô tả kỹ thuật 3 lần 3

➤ Giới thiệu:

Sau khi hoàn tất nội dung cần triển khai cho người học, người dạy có thể tiến hành thu thập thông tin phản hồi thông qua kỹ thuật 3 lần 3. [1]

➤ Dụng cụ: Giấy bút cho người tham gia.

➤ Thực hiện:

Đề nghị người học cho biết ý kiến phản hồi theo quy tắc:

3 điều tốt (đạt được, thực hiện được) sau bài học.

3 điều chưa tốt (đạt được, thực hiện được) sau bài học.

3 ý kiến góp ý.

➤ **Lưu ý:**

Mỗi người tự hoàn thành phiếu phản hồi của mình, không tham khảo người khác. Phiếu phản hồi không được yêu cầu thông tin cá nhân của người học (Họ tên,...)

➤ **Ưu điểm:** Giúp người học nhìn lại đầy đủ nội dung đã học, có khả năng nhận xét, đánh giá.

➤ **Hạn chế:**

Có thể có những ý kiến khác ngoài 3 nội dung nêu trên, nhưng người học không trình bày được.

Người học có xu hướng “làm cho xong” sau một thời gian dài tập trung học tập, do đó kết quả phản hồi sẽ không có chất lượng cao.

2.4.2. Vận dụng kỹ thuật “3 lần 3” đối với học phần kế toán tài chính 3

Học phần kế toán tài chính 3 có số tín chỉ là 4, thời lượng tiết giảng là 60, bao gồm 15 nội dung giảng dạy theo đề cương tín chỉ. Đây là học phần tương đối khó và có một số nội dung bài học thường hay ra đề thi kết thúc học phần như kế toán mua bán hàng hóa trong nước; kế toán xuất nhập khẩu hàng hóa,... Chính vì thế mà giảng viên nên xem xét những nội dung bài học khó, chủ đạo thì nên sử dụng kỹ thuật “3 lần 3” để đánh giá được nội dung bài học hôm đó sinh viên nêu được 3 điều đạt được; 3 điều chưa đạt được; 3 ý kiến đóng góp của mỗi sinh viên. Kỹ thuật này giảng viên phải yêu cầu các em lấy giấy bút ra ghi và không cần điền họ tên trên phiếu sau khi giảng viên đã truyền thụ kiến thức của buổi học. Sau đó thu lại và giảng viên tổng hợp các ý kiến của các em để từ đó sẽ điều chỉnh, hoàn thiện và đưa ra các phương pháp, kỹ thuật dạy học tốt hơn, đáp ứng được các yêu cầu và ý kiến đóng góp của người học từ đó giúp người học cũng hứng thú và say mê học tập hơn, thu nhận kiến thức và vận dụng tốt hơn để giải quyết các bài tập và tình huống thực tế hiệu quả.

2.5. Kỹ thuật đóng vai

2.5.1. *Mô tả kỹ thuật đóng vai:* Đóng vai là một kỹ thuật học tập tích cực, trong đó người học thực hiện bài tập đóng vai theo đề bài mà giảng viên giao cho.

2.5.2. Vận dụng kỹ thuật đóng vai đối với học phần kế toán thuế

Đối với học phần kế toán thuế, người học hãy mô phỏng một buổi làm việc giữa kế toán và cán bộ thuế khi doanh nghiệp có cuộc thanh tra và quyết toán thuế; hay mô phỏng một cuộc nói chuyện giữa giám đốc và kế toán doanh nghiệp về một sai phạm nghiệp vụ thuế mà kế toán mắc phải. Người học phải tìm tòi để xây dựng kịch bản, và khi nhập vai thì người học phải diễn tình huống nảy sinh trong cuộc sống kinh doanh thực tế. Đóng vai sẽ mang lại hứng thú học tập cho người học đồng thời cũng sẽ mang lại cơ hội tiếp thu kiến thức thực tế sinh động khi giảng viên và sinh viên cùng đánh giá, phân tích sự ứng xử của từng nhân vật trong tình huống.

KẾT LUẬN

Mỗi học phần, môn học đều có đặc trưng riêng, đòi hỏi giảng viên cần nắm vững lí luận chung về các kỹ thuật dạy học tích cực để vận dụng sáng tạo vào chuyên môn của mình, từ đó giúp người học có thể nắm kiến thức và vận dụng kiến thức một cách linh hoạt và sáng tạo dựa vào năng lực của bản thân. Tuy nhiên, trong điều kiện hiện nay, người học cũng chưa chịu khó học theo hướng nghiên cứu, chủ yếu vẫn phụ thuộc hoàn toàn vào giảng viên, chưa thích ứng tư duy tìm tòi, sáng tạo, học còn đối phó, chưa biết liên hệ thực tế,... Chính vì vậy, giảng viên cần phải đưa ra các phương pháp dạy học tích cực, có hiệu quả đặc biệt là vận dụng các kỹ thuật dạy học trong từng bài học của từng học phần không chỉ cho khối kinh tế mà cho tất cả các ngành đào tạo. Trên đây tác giả đã trình bày các kỹ thuật dạy học như sơ đồ KWL; kỹ thuật tia chớp; kỹ thuật “3 lần 3”; kỹ thuật đóng vai vận dụng trong giảng dạy các học phần Kế toán nhằm nâng cao hiệu quả cũng như chất lượng giảng dạy như hiện tại Trường đại học Kinh tế Nghệ An.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. PGS.TS Đặng Xuân Hải, *Kỹ thuật dạy học trong đào tạo theo học chế tín chỉ*, Nhà xuất bản Bách Khoa - Hà nội (2011), 155 trang
2. PGS.TS Vũ Hồng Tiến, *Một số phương pháp dạy học tích cực*
3. Th.S Ngô Thị Khánh Linh, *Vận dụng một số kỹ thuật dạy học vào giảng dạy học phần kế toán thuế*, Kỷ yếu hội thảo khoa học năm 2020- Trường ĐH Kinh tế Nghệ An

VẬN DỤNG KỸ THUẬT DẠY HỌC "KHĂN TRẢI BÀN" VÀO GIẢNG DẠY HỌC PHẦN KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Họ tên : ThS. Nguyễn Thị Xuân

Đơn vị công tác: Bộ môn Nguyên lý kế toán & kiểm toán, Khoa Kế toán - Phân tích

TÓM TẮT

Tóm tắt: Học phần kiểm toán báo cáo tài chính là một học phần mang tính ứng dụng. Thông qua học phần này để sinh viên vận dụng các phương pháp kiểm toán đã học vào công việc kiểm toán cụ thể báo cáo tài chính tại các đơn vị. Kỹ thuật dạy học "khăn trải bàn" được tiến hành thông qua việc chia lớp thành nhiều nhóm, trong mỗi nhóm vừa có hoạt động cá nhân (mỗi cá nhân làm việc độc lập với nhiệm vụ riêng và đưa ra ý kiến riêng của mình) vừa có hoạt động nhóm (từ các ý kiến cá nhân, nhóm tiến hành thảo luận để đưa ra ý kiến kết luận chung của nhóm). Vận dụng kỹ thuật này vào học phần kiểm toán báo cáo tài chính nhằm giúp sinh viên vận dụng tổng hợp các kiến thức đã học để giải quyết các nhiệm vụ được phân công cho mỗi cá nhân, từ đó rèn luyện kỹ năng và thái độ khi tham gia vào một cuộc kiểm toán. Các công việc cụ thể phải làm như: tự tìm bằng chứng kiểm toán (trong tài liệu cho sẵn), đánh giá các sai phạm để đưa ra ý kiến nhận xét về bộ phận (hoặc chu kỳ) mà mình được giao, tiến hành thảo luận, thông qua việc giải trình các ý kiến từng cá nhân, tổng hợp đưa ra kết luận phù hợp nhất. Đây cũng chính là tiến trình để xây dựng một báo cáo kiểm toán đáng tin cậy, rất cần thiết cho công việc của các kế toán, kiểm toán viên trong tương lai.

LỜI MỞ ĐẦU

Phương pháp dạy học ngày nay đã có nhiều thay đổi so với trước đây, đặc biệt là ở bậc đại học. Từ việc đơn thuần chỉ truyền tải lý thuyết chuyển dần sang thực hành nhiều hơn, sinh viên được chuyển từ hoạt động thụ động (nghe, nhìn, ghi chép là chủ yếu) sang hoạt động chủ động, tích cực (nói, làm, đánh giá, thảo luận, đưa ra ý kiến.v.v.). Để thực hiện tốt các phương pháp dạy học hiện đại, ngày nay chúng ta có thể áp dụng nhiều kỹ thuật dạy học khác nhau. Đó là việc xây dựng và thực hiện các tình huống, cách thức hoạt động của thầy và trò trong lớp học.

Đối với công tác giảng dạy tại trường ĐH kinh tế Nghệ an hiện nay không ngoài mục tiêu "Thực tế - đón đầu - hội nhập". Dạy học luôn phải gắn với thực tế, vừa tránh nhàm chán cho sinh viên, vừa tăng khả năng thích ứng ngay với công việc khi sinh viên ra trường. Ngoài ra, việc giảng dạy không chỉ dừng lại ở việc trang bị năng

lực chuyên môn mà còn cần bổ sung kỹ năng mềm cho sinh viên, đây là yếu tố hỗ trợ quan trọng nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

Sử dụng kỹ thuật dạy học "khăn trải bàn" vào trong quá trình giảng dạy học phần kiểm toán báo cáo tài chính, tôi hy vọng rằng sẽ đem lại những kết quả sau đây:

Một là có thể giúp mỗi sinh viên rèn luyện kỹ năng hoạt động độc lập, tự tìm tòi nghiên cứu và đưa ra nhận xét của riêng mình, biết bảo vệ ý kiến đồng thời biết chịu trách nhiệm về ý kiến của mình.

Hai là thông qua quá trình thảo luận để đưa ra ý kiến chung của nhóm sẽ giúp sinh viên biết tiếp thu ý kiến, biết phản biện, biết phối hợp lẫn nhau để có kết quả tốt nhất, cùng chịu trách nhiệm về kết luận chung, đó chính là kỹ năng hoạt động nhóm.

Ba là với việc bố trí các nhiệm vụ trong nhóm giống với mô hình một cuộc kiểm toán sẽ giúp sinh viên vận dụng được kiến thức của các học phần trước đó và của chính học phần này để tiến hành triển khai cụ thể các bước thực hiện trọn vẹn một cuộc kiểm toán báo cáo tài chính (dù là ở dạng đơn giản nhất). Đây là quá trình phát triển từ lý thuyết đến thực hành, giúp cho bài học trở nên sinh động, dễ hiểu, củng cố toàn diện về kiến thức - kỹ năng và thái độ.

Tuy nhiên, đây mới chỉ là ý tưởng được xây dựng dựa trên việc nghiên cứu tham khảo các kỹ thuật dạy học và tình hình thực tế của việc giảng dạy học phần kiểm toán báo cáo tài chính chứ chưa đưa vào áp dụng thí điểm. Do đó khi đưa vấn đề này trong Hội thảo, tác giả mong muốn nhận được nhiều ý kiến đóng góp của các khách mời để có thể vận dụng tốt vào quá trình giảng dạy, nhằm đạt được các mục tiêu đã đề ra.

NỘI DUNG

Nếu như ở học phần Lý thuyết kiểm toán, sinh viên đã được trang bị những kiến thức cơ bản nhất về kiểm toán như các khái niệm, các phương pháp kiểm toán, các chức năng của kiểm toán... thì học phần kiểm toán báo cáo tài chính sẽ là việc vận dụng tất cả những kiến thức đó vào việc kiểm toán các báo cáo tài chính của đơn vị. Do đó có thể nói học phần này mang tính ứng dụng hơn là lý thuyết, và vấn đề thực hành dù ít hay nhiều cũng là việc không thể bỏ qua.

Chức năng kiểm toán báo cáo tài chính chủ yếu được thực hiện bởi các kiểm toán viên độc lập trong các hãng kiểm toán, nhưng nó vẫn được thực hiện bởi kiểm

toán Nhà nước và kiểm toán nội bộ, thậm chí là vận dụng cho cả kế toán viên, ở những mức độ khác nhau và với các mục đích khác nhau. Việc tiếp cận với mô hình một cuộc kiểm toán báo cáo tài chính cụ thể là việc cần thiết cho sinh viên ngành kế toán, cho dù công việc trong tương lai là kế toán hay là kiểm toán, vì các lý do sau:

- + Mỗi kế toán đều nên là kiểm toán viên của riêng mình
- + Kế toán có thể làm trợ lý kiểm toán hoặc học thêm để trở thành kiểm toán viên ở các cơ quan kiểm toán.

- + Nghị định về kiểm toán nội bộ đã ra đời đánh dấu sự phát triển của hệ thống kiểm toán nội bộ ở các doanh nghiệp, sinh viên kế toán chắc chắn sẽ là đối tượng phù hợp để đảm nhiệm vai trò kiểm toán viên nội bộ.

- + Dù ở vị trí nào, là kế toán (đặc biệt là kế toán tổng hợp, kế toán trưởng) hay trợ lý kiểm toán, kiểm toán viên độc lập, kiểm toán viên nội bộ.... thì ít nhất cũng phải tự thực hiện được các cuộc kiểm toán trong phạm vi nhất định.

Tuy nhiên, do thời lượng của học phần có hạn (2 tín chỉ) với lượng kiến thức khá lớn, đồng thời phải đảm bảo mục tiêu cho bài thi kết thúc học phần đạt kết quả cao nên thời lượng dành cho thực hành thực tế không nhiều. Vì vậy, theo dự kiến, buổi trải nghiệm theo kỹ thuật "khăn trải bàn" có thể chiếm thời lượng là một buổi gồm 2 tiết lên lớp (100 phút), hoặc có thể kết hợp với buổi kiểm tra giữa học phần (sử dụng kết quả đánh giá hoạt động của từng nhóm để thay cho điểm kiểm tra giữa học phần).

I. Những hiểu biết cơ bản về kỹ thuật "khăn trải bàn"

1. *Khái niệm:* Kỹ thuật khăn trải bàn là kỹ thuật tổ chức hoạt động học tập mang tính hợp tác kết hợp giữa hoạt động cá nhân và hoạt động nhóm

2. *Mục tiêu:*

- Kích thích thúc đẩy sự tham gia tích cực của học sinh
- Tăng cường tính độc lập, trách nhiệm của cá nhân học sinh
- Phát triển sự tương tác giữa học sinh với học sinh

3. *Tác dụng:*

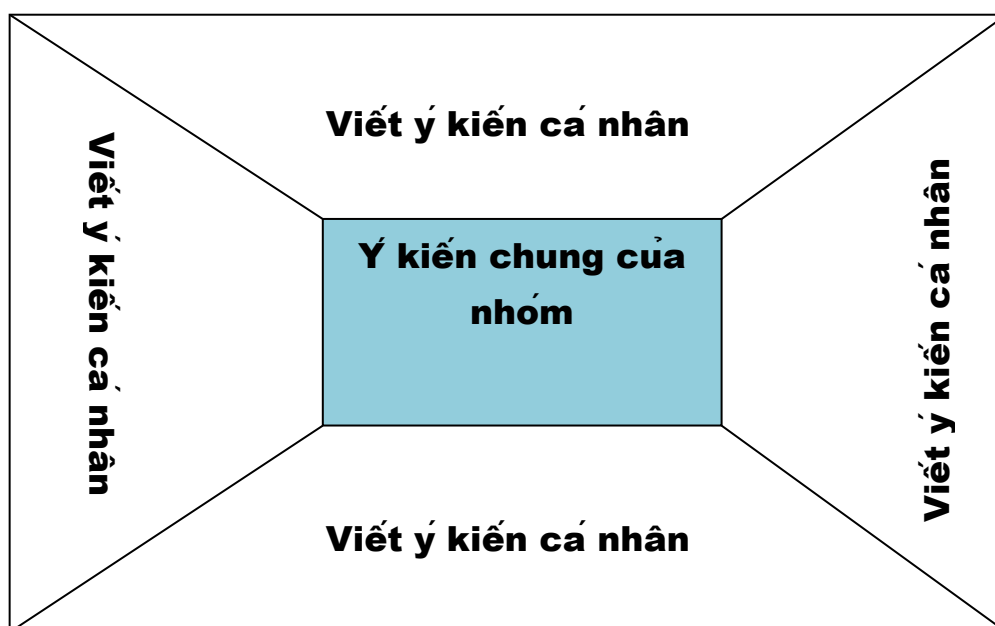
- Học sinh học được cách tiếp cận với nhiều giải pháp khác nhau
- Rèn kỹ năng suy nghĩ, quyết định và giải quyết vấn đề
- Phối hợp giữa làm việc cá nhân và làm việc theo nhóm

- Tăng cường sự hợp tác, giao tiếp, học sinh chia sẻ kinh nghiệm và học tập lẫn nhau

4. Cách tiến hành:

- Chia học sinh thành các nhóm, giao nhiệm vụ và phát cho mỗi nhóm một tờ giấy A0 và tờ giấy này được coi như là một chiếc "khăn trải bàn".

- Chia giấy A0 thành các phần (như hình dưới), mỗi học sinh ngồi vào vị trí tương ứng với từng phần xung quanh "khăn trải bàn".



- Học sinh làm việc độc lập và ghi ý kiến cá nhân của mình trên phần "khăn trải bàn"

- Tiến hành thảo luận, thống nhất ý kiến và viết ý kiến chung vào phần chính giữa "khăn trải bàn".

5. Một số lưu ý khi sử dụng kỹ thuật "khăn trải bàn":

- Câu hỏi thảo luận là câu hỏi mở

- Nếu số người tham gia nhiều hơn, có thể sử dụng các tờ giấy ghi ý kiến cá nhân, sau đó dính vào "khăn trải bàn"

- Trong quá trình thảo luận nếu có ý kiến không thống nhất thì cá nhân có quyền bảo lưu ý kiến

II. Mô tả về học phần và yêu cầu đối với sinh viên, giảng viên để thực hiện được mục tiêu

1. Mô tả về học phần:

Học phần kiểm toán báo cáo tài chính được trình bày trong 6 chương, bao gồm:

- Chương 1: Khái quát về kiểm toán báo cáo tài chính: nhắc lại các khái niệm, nguyên tắc và quy trình thực hiện một cuộc kiểm toán báo cáo tài chính.

- Chương 2: Kiểm toán chu kỳ bán hàng và thu tiền: nghiên cứu các công việc kiểm toán cụ thể của chu kỳ bán hàng và thu tiền, tổng hợp kết quả kiểm toán và đưa ra ý kiến cho chu kỳ này.

- Chương 3: Kiểm toán chu kỳ mua hàng và thanh toán: nghiên cứu các công việc kiểm toán cụ thể của chu kỳ mua hàng và thanh toán, tổng hợp kết quả kiểm toán và đưa ra ý kiến cho chu kỳ này.

- Chương 4: Kiểm toán chu kỳ hàng tồn kho và chi phí: nghiên cứu các công việc kiểm toán cụ thể của chu kỳ hàng tồn kho và chi phí, tổng hợp kết quả kiểm toán và đưa ra ý kiến cho chu kỳ này.

- Chương 5: Kiểm toán các thông tin tài chính khác trên báo cáo tài chính: nghiên cứu các công việc kiểm toán cụ thể các bộ phận còn lại ngoài các chu kỳ trên, tổng hợp kết quả kiểm toán và đưa ra ý kiến cho các bộ phận này.

- Chương 6: Tổng hợp lập báo cáo kiểm toán và thư quản lý: tổng hợp ý kiến của các chu kỳ, tiến hành thảo luận, phân tích để đưa ra kết luận chung cho toàn bộ cuộc kiểm toán.

Kỹ thuật "khăn trải bàn" sẽ được áp dụng trong một buổi, sử dụng toàn bộ kiến thức của các chương, với nhiệm vụ của mỗi cá nhân như là một kiểm toán viên thực hiện công việc kiểm toán của một chu kỳ (một chương) và đưa ra kết luận cho từng chu kỳ, sau đó nhóm sẽ thảo luận và trưởng nhóm sẽ đưa ra kết luận chung của toàn nhóm. Vì vậy việc áp dụng tốt nhất là thực hiện sau khi sinh viên đã nghiên cứu xong cả 6 chương.

2. Yêu cầu đối với sinh viên:

- Kiến thức Sinh viên phải biết (N1): xác định mục tiêu và căn cứ của chu kỳ, tìm ra các sai phạm và hướng dẫn sửa chữa các sai phạm, đánh giá ảnh hưởng của sai phạm đến báo cáo tài chính.

- Kiến thức Sinh viên nên biết (N2): dựa trên những sai phạm đã tìm ra để đưa ra ý kiến kết luận đánh giá đối với chu kỳ (theo mẫu đã có trong giáo trình).

- Kiến thức Sinh viên có thể biết (N3): thảo luận, đánh giá mức độ của sai phạm để đi đến kết luận cuối cùng của một cuộc kiểm toán, đó là kết luận về mức độ trung thực hợp lý của báo cáo tài chính được kiểm toán, hoặc đưa ra các ý kiến tư vấn đối với nhà quản lý.

3. Yêu cầu đối với giảng viên:

- Giảng viên phải truyền tải đầy đủ những kiến thức N1, N2 cho sinh viên.
- Giảng viên phải thiết kế hệ thống bài tập đa dạng để sinh viên có thể luyện tập trước khi vào thực hành.
- Giảng viên phải chuẩn bị sẵn để cung cấp cho sinh viên toàn bộ tài liệu về cuộc kiểm toán: hồ sơ của khách hàng, các mẫu giấy tờ làm việc của kiểm toán viên.
- Hướng dẫn cho sinh viên các nhiệm vụ cụ thể để đảm bảo thời gian được sử dụng hiệu quả.

III. Trình bày quá trình áp dụng kỹ thuật dạy học "khăn trải bàn" vào học phần kiểm toán báo cáo tài chính

1. Chia nhóm và giao nhiệm vụ (thời lượng khoảng 5 phút)

- Chia nhóm: theo nội dung kiến thức, mỗi nhóm sẽ gồm 6 thành viên (6 chương)
- Phân công nhiệm vụ như sau: 01 thành viên (khá nhất) đảm nhiệm trưởng nhóm (Kiểm toán viên chính - trưởng đoàn kiểm toán), 5 thành viên còn lại là các kiểm toán viên thực hiện công việc kiểm toán các chu kỳ (từ chương 2 đến chương 5 - kiểm toán các chu kỳ). Nếu còn lẻ số sinh viên có thể bổ sung vào các đoàn để làm "trợ lý kiểm toán" hoặc tạo thành một nhóm nhỏ hơn.

2. *Cung cấp tài liệu:* (thời lượng khoảng 5 phút) Giảng viên cung cấp hồ sơ khách hàng cho tất cả các nhóm, mỗi "kiểm toán viên" được phát một biểu mẫu "giấy tờ làm việc của kiểm toán viên" để viết ý kiến và một biểu mẫu "tổng hợp kết quả kiểm toán". "Kiểm toán viên chính" được phát một biểu mẫu "Báo cáo kiểm toán", một biểu mẫu "thư quản lý". Việc sử dụng các loại biểu mẫu này giúp cho sinh viên tiếp cận sát hơn với một cuộc kiểm toán mẫu, phù hợp hơn so với việc sử dụng tờ A0.3. *Giảng viên hướng dẫn nhiệm vụ cho sinh viên* (chiếm thời lượng khoảng 10 phút)

- Hướng dẫn cách sử dụng tài liệu
- Hướng dẫn các nội dung cần tìm hiểu

- Hướng dẫn cách viết các loại giấy tờ
- Hướng dẫn cách thảo luận

4. Thực hiện nhiệm vụ cá nhân (thời lượng khoảng 60 phút)

- Mỗi cá nhân tự thực hiện nhiệm vụ của mình (mỗi người một chương):
 - + Xác định mục tiêu, căn cứ của chu kỳ kiểm toán
 - + Tìm kiếm sai phạm
 - + Hướng dẫn sửa chữa
 - + Đánh giá ảnh hưởng của sai phạm đến báo cáo tài chính
 - + Nêu ý kiến cá nhân
 - + Hoàn thiện các biểu mẫu đã phát.
- Trong quá trình thực hiện, sinh viên yếu hơn có thể tham khảo ý kiến các sinh viên trong nhóm hoặc ý kiến của giảng viên để thực hiện được nhiệm vụ.
- Giảng viên quan sát, giúp đỡ sinh viên thực hiện nhiệm vụ của mình, đảm bảo thời gian được sử dụng hiệu quả và kịp thời.

5. Kết thúc thời gian làm việc cá nhân và tiến hành thảo luận nhóm (thời lượng khoảng 15 phút)

- Trưởng nhóm thu thập các "giấy tờ làm việc" của các thành viên, sau đó thảo luận và đưa ra kết luận chung. Để đảm bảo thời gian, trong quá trình các thành viên thực hiện, trưởng nhóm cần giám sát kiểm tra đốc thúc và thu thập số liệu để có cơ sở hình thành báo cáo kiểm toán, thư quản lý một cách kịp thời, không đợi đến lúc các thành viên hoàn tất mọi việc rồi mới tiến hành tổng hợp. Bước thu thập tài liệu và thảo luận chỉ là bước chốt lại kết luận cuối cùng.

6. Thông qua kết quả cuối cùng và nộp cho giảng viên (thời lượng khoảng 5 phút)

Tất cả các nhóm thông qua kết luận của mình cho các thành viên, ký vào báo cáo, ghim kẹp các loại hồ sơ giấy tờ liên quan đến cuộc kiểm toán và nộp cho giảng viên.

7. Cách đánh giá của giảng viên:

- Đánh giá theo nhóm: chấm điểm từng nhóm (lấy làm điểm cho các thành viên trong nhóm)
- Tiêu chí: đạt được N1: 70%; đạt được N2: 20%, đạt được N3: 10%

KẾT LUẬN

Việc trau dồi đồng thời cả về kiến thức - kỹ năng - thái độ trong giảng dạy là việc vô cùng cần thiết, đặc biệt là sinh viên đại học. Với học phần kiểm toán báo cáo tài chính, việc thực hành càng trở nên quan trọng. Thông qua việc nghiên cứu vận dụng các kỹ thuật dạy học tiên bộ vào quá trình giảng dạy, tác giả hy vọng việc vận dụng kỹ thuật "khăn trải bàn" sẽ đem đến cho học phần kiểm toán báo cáo tài chính một làn gió mới, kích thích tinh thần học tập tích cực cho sinh viên, giúp các bài học bớt nhàm chán, sát với thực tiễn, phát huy kỹ năng mềm cho sinh viên thông qua hoạt động cá nhân và hoạt động nhóm. Do chưa áp dụng vào giảng dạy, chưa có trải nghiệm thực tế nên rất cần có sự chia sẻ, đóng góp ý kiến của Hội thảo để tác giả tiếp tục hoàn thiện đưa vào áp dụng.

Xin chân thành cảm ơn!

Tài liệu tham khảo

[1] TS. Lưu Đức Tuyên, ThS. Đậu Ngọc Châu - Học viện tài chính, Giáo trình kiểm toán báo cáo tài chính, NXB tài chính, 2010.

[2] TS. Tống Xuân Tám - Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh, vận dụng một số kỹ thuật dạy học ở trường đại học, <https://text.xemtailieu.com/tai-lieu/van-dung-mot-so-ky-thuat-day-hoc-o-dai-hoc-884058.html>

[3] Trần Quang Hiệp, Kỹ thuật dạy học khăn trải bàn, <https://baigiang.violet.vn/present/ky-thuat-day-hoc-khan-trai-ban-10255524.html>

VẬN DỤNG KỸ THUẬT DẠY HỌC TÍCH CỰC VÀO GIẢNG DẠY CÁC HỌC PHẦN MÔN PHÂN TÍCH – THỐNG KÊ

Họ tên : ThS. Nguyễn Thị Phương Thảo

Đơn vị công tác: Bộ môn Thống kê phân tích, Khoa Kế toán - Phân tích

Tóm tắt: *Đổi mới kỹ thuật và phương pháp giảng dạy là nhiệm vụ thường xuyên đối với mọi giảng viên. Để thực hiện tốt điều này, việc trang bị những kiến thức cơ bản và cập nhật về các phương pháp giảng dạy là rất cần thiết. Trong quá trình giảng dạy môn Phân tích hoạt động kinh doanh, là một môn chuyên ngành quan trọng, trang bị cho sinh viên những kiến thức cần thiết để xử lý, phân tích thông tin thu thập được trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, thì việc lựa chọn kỹ thuật dạy học tích cực phù hợp lại càng cần thiết hơn, giúp sinh viên có những cái nhìn tổng quát về mọi vấn đề trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, nhằm có những đánh giá đầy đủ chính xác về các hoạt động đó, đưa ra những giải pháp hiệu quả nhất đưa doanh nghiệp tiếp cận với mục tiêu đã định. Vì vậy trong quá trình giảng dạy tôi luôn muốn tìm tòi sử dụng những kỹ thuật dạy học phù hợp nhất để giúp sinh viên đạt được mục tiêu môn học tốt nhất.*

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Có rất nhiều kỹ thuật dạy học tích cực mà những nhà nghiên cứu giáo dục đã đưa ra nhằm dạy sinh viên không chỉ tiếp thu kiến thức tốt mà còn phát triển năng lực. Điều quan trọng là giảng viên linh hoạt tùy theo bài học để chọn kỹ thuật phù hợp. Kỹ thuật dạy học là những biện pháp, cách thức hành động của của giảng viên và sinh viên trong các tình huống hành động nhỏ nhằm thực hiện và điều khiển quá trình dạy học. Các kỹ thuật dạy học là những đơn vị nhỏ nhất của phương pháp dạy học.

Trong quá trình giảng dạy tại trường Đại học Kinh tế Nghệ An, việc mỗi giảng viên lựa chọn và vận dụng các kỹ thuật dạy học phù hợp vào các học phần giảng dạy là rất quan trọng. Không những mang lại hiệu quả cao trong việc truyền đạt kiến thức cho sinh viên, mà còn khuyến khích được tính chủ động sáng tạo, và cả tinh thần tự học, thái độ tự giác, hợp tác làm việc nhóm của sinh viên, nâng cao các kỹ năng cần thiết cho sinh viên trong quá trình học tập cũng như làm việc sau này.

Trong rất nhiều kỹ thuật dạy học với nhiều ưu điểm khác nhau, tôi rất thường xuyên sử dụng kỹ thuật mà tôi thấy khá là phù hợp với bộ môn của mình. Đó là kỹ thuật khăn trải bàn.

II. NỘI DUNG

Kĩ thuật "Khăn trải bàn"

Thế nào là kĩ thuật "Khăn trải bàn"?

Là hình thức tổ chức hoạt động mang tính hợp tác kết hợp giữa hoạt động cá nhân và hoạt động nhóm nhằm:

- Kích thích, thúc đẩy sự tham gia tích cực
- Tăng cường tính độc lập, trách nhiệm của cá nhân SV
- Phát triển mô hình có sự tương tác giữa SV với SV

Cách tiến hành kĩ thuật "Khăn trải bàn"



- Hoạt động theo nhóm (4 người / nhóm) (có thể nhiều người hơn)
- Mỗi người ngồi vào vị trí như hình vẽ minh họa
- Tập trung vào câu hỏi (hoặc chủ đề,...)
- Viết vào ô mang số của bạn câu trả lời hoặc ý kiến của bạn (về chủ đề...). Mỗi cá nhân làm việc độc lập trong khoảng vài phút
- Kết thúc thời gian làm việc cá nhân, các thành viên chia sẻ, thảo luận và thống nhất
- Viết những ý kiến chung của cả nhóm vào ô giữa tấm khăn trải bàn (giấy A0)

Ví dụ:

Trong học phần Phân tích hoạt động kinh doanh, ở nội dung phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến Quá trình sử dụng nguyên vật liệu trong sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp. Giảng viên sẽ chia trong lớp thành nhóm, mỗi nhóm có khoảng 8-12 sv, với chủ đề của mỗi nhóm đó là:

- Nhóm 1: Tìm hiểu, xác định các yếu tố thuộc về quá trình chuẩn bị ảnh hưởng đến quá trình sử dụng nguyên vật liệu trong Doanh nghiệp

- Nhóm 2: Tìm hiểu, xác định các yếu tố thuộc về quá trình sản xuất ảnh hưởng đến quá trình sử dụng nguyên vật liệu trong Doanh nghiệp

- Nhóm 3: Tìm hiểu, xác định các yếu tố khách quan bên ngoài Doanh nghiệp ảnh hưởng đến quá trình sử dụng nguyên vật liệu trong Doanh nghiệp

Sau khi các thành viên trong mỗi nhóm đưa ra ý kiến của mình bằng cách viết vào ô của mình, thì mỗi nhóm sẽ thảo luận tổng hợp ý kiến chung của cả nhóm và viết vào ô của nhóm. Cuối cùng giảng viên sẽ tổng hợp ý kiến của từng nhóm để đi đến kết luận.

Một vài ý kiến cá nhân với kỹ thuật "Khăn trải bàn"

- Kỹ thuật này giúp cho hoạt động nhóm có hiệu quả hơn, mỗi sinh viên đều phải đưa ra ý kiến của mình về chủ đề đang thảo luận, không ỷ lại vào các bạn học khá, giỏi.

- Kỹ thuật này áp dụng cho hoạt động nhóm với một chủ đề nhỏ trong tiết học, toàn thể sinh viên cùng nghiên cứu một chủ đề.

- Sau khi các nhóm hoàn tất công việc giảng viên có thể gắn các mẫu giấy "khăn trải bàn" lên bảng để cả lớp cùng nhận xét. Có thể dùng giấy nhỏ hơn, dùng máy chiếu phóng lớn

- Có thể thay số bằng tên của sinh viên để sau đó giảng viên có thể đánh giá được khả năng nhận thức của từng sinh viên về chủ đề được nêu.

III. KẾT LUẬN

Để nâng cao khả năng tiếp cận và ứng dụng các KTDHTC cho sinh viên, theo tôi, cần thực hiện đồng bộ một số giải pháp cần thiết. Đối với giảng viên cần phải thường xuyên tiếp cận các kỹ thuật và phương pháp dạy học tích cực qua nhiều kênh khác nhau như hội thảo, tập huấn, trao đổi chuyên môn từ cấp bộ đến cấp cơ sở. Không để lạc hậu với các phương pháp và KTDHTC trong xu thế hiện đại. Thực hiện nghiên cứu giảng dạy cho sinh viên có thể lồng ghép các KTDHTC với nhau. Thường xuyên tổ

chức cho sinh viên thực hành các KTDHTC để sinh viên có cơ hội cọ xát nắm vững và vận dụng hiệu quả trong những tiết học.

Đối với sinh viên, chủ động tiếp thu các tri thức về KTDHTC trên lớp cụ thể trong từng nhóm, từng tiết học. Đối với trường ĐH, nhà trường cần quan tâm và thường xuyên “tiếp sức” cho giảng viên được tiếp cận, tập huấn để truyền đạt kiến thức, kinh nghiệm cho sinh viên. Hỗ trợ kinh phí cho giảng viên, sinh viên tiếp cận và học tập KTDHTC. Bên cạnh đó, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất phòng học để sinh viên và giảng viên tiến hành thực hiện dạy và học áp dụng các KTDHTC. Những đòi hỏi này có thể là khó khăn nhưng không phải là không thực hiện được.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), Phương pháp dạy học các môn học ở tiểu học, NXB Giáo dục
2. Nguyễn Văn Cường (2006), Một số vấn đề chung về đổi mới PPDH ở trường THPT - dự án phát triển GDTHPT.
3. Cẩm Thị Hồng Thanh (2011) “Một số kỹ thuật dạy học tích cực” <https://thcs-nguyentatthanh-sonla.violet.vn/present/mot-so-ky-thuat-day-hoc-tich-cuc-tai-lieu-tap-huan-6284614.html>

VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC BẰNG TÌNH HUỐNG TRONG VIỆC GIẢNG DẠY CÁC HỌC PHẦN KẾ TOÁN TÀI CHÍNH TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ NGHỆ AN

Họ và tên: ThS. Trần Thị Bích Ngọc

Đơn vị công tác: Bộ môn Kế toán, Khoa Kế toán - Phân tích

Tóm tắt: Bài viết nhằm phân tích và khái quát một cách chi tiết quy trình thực hiện kỹ thuật vận dụng tình huống trong dạy học và các nguyên tắc cần lưu ý khi vận dụng kỹ thuật này. Bên cạnh đó, bài viết đã vận dụng tình huống giảng dạy một số nội dung của học phần kế toán tài chính và đưa ra các ví dụ cụ thể về vận dụng kỹ thuật này trong một số tiết giảng của học phần kế toán tài chính.

Từ khóa: Kỹ thuật dạy học, phương pháp dạy học bằng tình huống, kế toán tài chính

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Môn học kế toán tài chính là môn học cung cấp kiến thức ghi nhận, đánh giá, trình bày và công bố những yếu tố cơ bản trên bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh của Doanh nghiệp. Môn học này dựa trên cơ sở tuân thủ theo luật kế toán, chuẩn mực kế toán và các hướng dẫn của các thông tư mới ban hành để từ đó hướng dẫn sinh viên nghiên cứu từng phần hành cụ thể. Hiện nay, tại Trường Đại học Kinh tế Nghệ An, đối với chuyên ngành đào tạo kế toán, môn học này được tách ra 3 học phần tương ứng với thời lượng 10 tín chỉ. Đây là môn học có tính chất quyết định tới kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên kế toán sau khi ra trường. Tuy nhiên, trong quá trình giảng dạy môn học này tại các lớp còn phát sinh một thực trạng là sinh viên không hào hứng với nội dung môn học mặc dù đây là môn chuyên ngành. Lý do là bởi vì khối lượng kiến thức chuyên ngành quá nhiều và dàn trải nhiều nội dung. Bởi thực chất nếu nói đến các phát sinh kế toán xảy ra ở Doanh nghiệp thì có vô vàn tình huống và với mỗi tình huống như vậy cách ghi nhận là khác nhau. Đây cũng là điểm đặc thù của ngành kế toán đòi hỏi sinh viên phải hiểu được những nguyên lý cơ bản về kế toán, tích cực tư duy, so sánh, phân tích, khái quát hóa,... trong quá trình học để từ đó vận dụng vào những tình huống thực tế tại doanh nghiệp. Do đó, giảng viên có thể vận dụng các tình huống của thực tế để phát triển tư duy khoa học cho các em, khơi gợi tính tích cực học tập, làm cho các em có động cơ học tập đúng đắn và đạt hiệu quả cao.

Phương pháp dạy học bằng tình huống là một phương pháp dạy học tích cực, trong đó sinh viên đặt trong một tình huống thực tiễn hoặc lấy bối cảnh gắn với thực tiễn để giải quyết các vấn đề mà tình huống đặt ra. Đây là phương pháp dạy học có khả năng, làm tăng hứng thú học tập, phát huy năng lực tư duy của sinh viên và gắn kiến thức lí thuyết với thực tiễn.

II. NỘI DUNG

1. Lý luận về phương pháp dạy học bằng tình huống

1.1. Khái niệm

Phương pháp dạy học bằng tình huống là phương pháp dạy học dựa vào các sự kiện, sự việc đã hoặc đang diễn ra trong thực tế. Phương pháp này dựa trên cơ sở lý thuyết kiến tạo và hướng tới mục tiêu: giáo dục là sự chuẩn bị cho việc giải quyết các tình huống cuộc sống. Học tập thông qua giải quyết các tình huống giúp sinh viên tiếp nhận tri thức một cách chủ động, có chiến lược, có thể vận dụng linh hoạt những kiến thức và kĩ năng đã học, phát triển khả năng giải quyết vấn đề.

Dạy học theo tình huống ở cấp độ thấp, sinh viên dựa vào lý thuyết để phân tích tình huống, hiểu và phát hiện được vấn đề trong tình huống, giảng viên là người cung cấp tri thức, hướng dẫn làm việc nhóm mô phỏng quan hệ mang tính xã hội. Như vậy, vai trò của giảng viên vẫn là chủ đạo. Ở cấp độ cao, vai trò của người giảng viên chỉ là hướng dẫn, còn sinh viên tiếp thu, vận dụng kiến thức, kĩ năng thông qua làm việc nhóm hoặc tự đặt mình vào tình huống để giải quyết vấn đề. Vấn đề cơ bản của phương pháp tình huống là phải tìm được tình huống tốt. Tình huống xuất phát từ thực tế và được chỉnh sửa để mang tính điển hình, phục vụ tốt cho mục tiêu dạy học, có thể giúp sinh viên hiểu và vận dụng tri thức, rèn luyện kĩ năng, kỹ xảo. Thông qua làm việc với các tình huống, sinh viên phát triển các thao tác tư duy phân tích, tổng hợp, đánh giá, so sánh và trình bày được ý tưởng của mình, từ đó, vận dụng kiến thức đã học vào thực tế. Hình thức của tình huống khá đa dạng, có thể là một đoạn clip, một đoạn kịch ngắn tranh ảnh, một đoạn ghi âm hoặc có thể đóng vai trên lớp.

1.2. Yêu cầu khi biên soạn tình huống

Tình huống được biên soạn cần đảm bảo các yêu cầu sau:

+ Tình huống phải mang tính thời sự, sát với thực tế; phải chứa đựng thông tin đầy đủ, buộc người học phải sử dụng thông tin trong tình huống để giải quyết vấn đề.

Trong tình huống phải cung cấp đầy đủ các dữ liệu cần thiết như thời gian, địa điểm, những nguyên nhân phát sinh sự kiện, vấn đề.

+ Tình huống đưa ra phải thể hiện những thách thức thực sự đối với người học, phải tạo ra khả năng để người học đưa ra nhiều giải pháp, để thu hút sự chú ý, kích thích tư duy, tình huống phải "có vấn đề" và không có câu trả lời duy nhất đúng cho vấn đề đó. Các nhân vật, sự kiện trong tình huống có tính hiện thực.

+ Tình huống đưa ra phải có tính phức tạp vừa đủ, buộc người học phải suy nghĩ, vận dụng khả năng trí tuệ để giải quyết. Một tình huống có thể rất dài, phức tạp hoặc rất ngắn gọn và đơn giản. Độ dài và độ phức tạp của tình huống không phụ thuộc vào mục tiêu giảng dạy mà giảng viên đề ra. Nói chung, độ dài của tình huống không quyết định mức độ phức tạp của tình huống. Tuy nhiên, giảng viên có thể tạo ra các nhân vật, sự kiện, bổ sung thông tin để phục vụ cho mục tiêu giảng dạy của mình.

+ Nội dung tình huống phải phù hợp với trình độ của người học. Khi viết hoặc lựa chọn tình huống cần lưu ý tới trình độ và kinh nghiệm của người học. Không nên đưa ra tình huống phức tạp, cao hơn khả năng của người học và ngược lại. Điều này có thể làm cho người học nản lòng và không muốn tham gia. Giảng viên cần kiểm tra kỹ các nguồn thông tin trong tình huống, vì có thể người học có nhiều kinh nghiệm liên quan tới tình huống sẽ có thể nhận ra những thông tin không chính xác.

1.3. Điều kiện áp dụng phương pháp dạy học bằng tình huống

Để thực hiện phương pháp dạy học bằng nghiên cứu tình huống, cần có các điều kiện sau:

+ Sinh viên đã được chuẩn bị trước về kiến thức, đã được học hay tự học về nội dung cơ bản của tình huống nghiên cứu và cách ra quyết định khi nghiên cứu tình huống.

+ Giảng viên phải nắm vững kiến thức cơ bản chung về nội dung của nghiên cứu tình huống, tốt nhất là đã gặp và giải quyết tốt tình huống được nêu để đảm bảo tình huống đó có đầy đủ các dữ kiện và giống như trong thực tế đã có (tình huống phải sát với thực tế).

+ Dữ kiện phải đủ thông tin (không thừa, không thiếu, không "bẫy" người học). Tình huống phải được viết, in, phát cho từng người (hoặc chiếu toàn bộ lên màn hình)

để người học có thể tự học, có điều kiện suy nghĩ, nghiên cứu, cân nhắc khi ra quyết định; không thể yêu cầu người học chỉ nghe đọc thoáng qua mà ra ngay quyết định.

+ Nghiên cứu tình huống có thể do mỗi sinh viên nghiên cứu ra quyết định, hoặc tiến hành thảo luận nhóm để lựa chọn hay đề ra quyết định; khi đề ra quyết định đúng sẽ sinh động, sôi nổi và có hiệu quả tốt. Cũng cần nhớ là nhóm càng nhỏ càng tốt.

1.4. Quy trình dạy học bằng nghiên cứu tình huống

Bước 1: Nêu chủ đề.

Bước 2: Xác định mục tiêu học tập.

Bước 3: Nêu tình huống.

Bước 4: Nêu câu hỏi (để SV ra quyết định). Có thể thực hiện theo hai cách:

Câu hỏi mở: Yêu cầu sinh viên tự đề ra biện pháp để giải quyết vấn đề trong nghiên cứu tình huống, giúp cho người học được chủ động, thoải mái hơn. Giảng viên cần dự kiến trước các biện pháp mà sinh viên sẽ đề ra để có thể hướng dẫn thảo luận hoặc giải đáp với các biện pháp chưa đúng, chưa hợp lý.

Câu hỏi đóng: Đề ra sẵn một số biện pháp để sinh viên chọn ra biện pháp đúng, thích hợp nhất sau khi đã nghiên cứu, suy nghĩ trên các dữ kiện của tình huống đã cho. Câu hỏi đóng thường được trình bày theo hai dạng:

- Đề ra hay 5 biện pháp, chọn lấy 1.

- Câu hỏi đúng/sai (Đ/S).

Bước 5: Dẫn dắt sinh viên thảo luận (tổ, nhóm học tập).

Bước 6: Tổng kết (theo mục tiêu học tập).

1.5. Điều kiện về biên soạn và dạy học theo phương pháp dạy học bằng tình huống

Trong quá trình dạy học bằng tình huống ở trên lớp, giảng viên cần:

- Xác định rõ mục tiêu học tập.

- Dành thời gian quan trọng cho việc thu thập, phân loại, phân tích những tình huống có thật liên quan đến bài giảng. Trường hợp cần thiết có thể hư cấu, nhưng cốt lõi của tình huống vẫn phải là có thật, như vậy việc tìm ra phương án xử lý mới mang tính hấp dẫn đối với người học. Giảng viên cần cập nhật thông tin mới, thu thập những "tình huống mới có vấn đề" trong đời sống và trong sách báo nhằm xây dựng "ngân hàng" tình huống có liên quan đến nội dung bài học.

- Để khoảng 50% thời gian giới thiệu lý thuyết hoặc những nguyên tắc cơ bản của nội dung bài học (có thể hướng dẫn cho học viên tự học, giảng viên khái quát lại).
- Khoảng 40% thời gian người học nghiên cứu tình huống (nghiên cứu cá nhân và thảo luận nhóm); sau đó cử ra người trình bày cách xử lý tình huống, trao đổi lớp.
- Khoảng 10% thời gian, giảng viên tổng kết buổi trao đổi, củng cố nâng cao phần đã học.

2. Vận dụng phương pháp dạy học bằng tình huống trong giảng dạy các học phần kế toán tài chính

Kế toán tài chính là môn học chuyên ngành chính và hết sức quan trọng đối với sinh viên ngành kế toán. Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức chuyên ngành về kế toán tài chính doanh nghiệp: Các khái niệm và nguyên tắc kế toán chung được thừa nhận; nội dung tổ chức công tác kế toán các yếu tố của quá trình sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp. Môn học cũng bao gồm cả việc trang bị cho sinh viên các kỹ năng cơ bản trong việc sử dụng các kỹ năng trong quá trình hạch toán các số liệu kinh tế tài chính, phục vụ cho yêu cầu công tác quản lý kinh doanh. Vì vậy việc áp dụng phương pháp dạy học bằng tình huống là hết sức cần thiết, giúp sinh viên tiếp cận và giải quyết được các tình huống thực tế trong doanh nghiệp. Ví dụ như khi dạy về phương pháp hạch toán tiền mặt (nội dung này sinh viên sẽ được tiếp cận ở môn kế toán tài chính, giảng viên có thể lồng phương pháp dạy học bằng tình huống theo những bước cơ bản sau:

Bước 1: Nêu chủ đề : “Phương pháp hạch toán 1 số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu liên quan đến tiền mặt”.

Bước 2: Xác định mục tiêu học tập:

- Trình bày được phương pháp kế toán các giao dịch kinh tế liên quan đến kế toán tiền mặt.
- Xác định và ghi chép được các giao dịch kinh tế liên quan đến kế toán tiền mặt vào chứng từ thu, chi.
- Vận dụng thành thạo khi giải quyết các bài tập và các tình huống thực tế phát sinh tại doanh nghiệp liên quan đến các giao dịch tiền mặt.

Bước 3: Nêu tình huống.

Tại một doanh nghiệp có các giao dịch kinh tế sau:

1. Rút tiền gửi về quỹ tiền mặt 20.000.000đ.
2. Người mua A trả nợ bằng chuyển khoản 48.000.000đ.
3. Mua CCDC nhập kho (giá mua chưa có thuế 4.500.000đ; thuế GTGT 450.000đ) đã thanh toán bằng tiền mặt.
4. Nộp thuế GTGT vào Kho Bạc Nhà nước 9.200.000đ.
5. Nộp tiền vào tài khoản tiền gửi 24.000.000đ.
6. Trả nợ cho người bán B 15.000.000đ bằng tiền mặt.
7. Trả lãi tiền vay kỳ này dùng cho SXKD 5.000.000đ bằng tiền gửi ngân hàng.
8. Tiền điện tháng này phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh là 8.000.000đ.

Bước 4: Nêu câu hỏi (đề học viên ra quyết định).

Hãy xác định trong các giao dịch kinh tế trên, giao dịch nào là thu tiền mặt, chi tiền mặt và định khoản các giao dịch kinh tế trên?

Bước 5: Dẫn dắt sinh viên thảo luận theo từng nhóm theo hướng sau:

- Phân nhóm các giao dịch thu, chi.
- Nêu điểm giống nhau giữa các giao dịch thu và chi khi sử dụng tài khoản 111 để phản ánh?

Bước 6: Tổng kết

Tổng hợp ý kiến từng nhóm bằng cách ghi vào bảng, giấy khổ lớn hoặc trên các thẻ bìa để dính lên bảng và đưa ra kết luận chốt như sau:

- Với các giao dịch thu, Ghi nợ TK 111 và Có các tài khoản đối ứng.
- Với các giao dịch chi, Chi có TK 111 và Nợ các tài khoản đối ứng.

Sau đó tùy vào từng giao dịch cụ thể để xử lý.

Ngoài ra, giảng viên có thể linh hoạt, thay bằng cách đưa tình huống bằng các bài tập, có thể tạo tình huống bằng cách triển khai cho sinh viên quay clip, diễn kịch. Ví dụ như khi dạy đến phần tạm ứng, sinh viên các nhóm có thể đóng giả làm lao động trong doanh nghiệp đến để:

TH1: Tạm ứng lương

TH2: Tạm ứng tiền để đi tiếp khách.

TH3: Doanh nghiệp khác ứng trước tiền hàng

Sau đó yêu cầu sinh viên thảo luận và nhận diện tình huống nào là tạm ứng/ Từ đó đưa ra được khái niệm và yêu cầu của quá trình tạm ứng? Cuối cùng, giảng viên hoặc có thể yêu cầu người học đưa ra các kết luận cần thiết về chủ đề nghiên cứu

Hoặc giảng viên có thể xây dựng một công ty ảo và yêu cầu sinh viên đóng giả là người đi tạm ứng, kế toán thu chi, kế toán bán hàng... để xử lý tình huống khi có các nhu cầu liên quan. Việc để sinh viên tiếp cận thực tế bằng cách này sẽ giúp sinh viên nhìn nhận được khái quát của vấn đề và không bị bối rối nếu có gặp phải tình huống tương tự trong thực tế.

III. KẾT LUẬN

Việc vận dụng tình huống trong giảng dạy các học phần kế toán tài chính là một trong những kỹ thuật dạy học tích cực nhằm đổi mới phương pháp dạy học đối với các học phần chuyên ngành tại trường Đại học kinh tế Nghệ An. Trọng tâm của phương pháp này là việc giảng viên lồng các tình huống thực tế trong quá trình giảng dạy bằng cách đóng vai, chiếu clip, hình ảnh, lời nói... từ đó kích thích người học vận dụng kiến thức đã học để giải quyết tình huống, sự việc cụ thể xảy ra trên thực tế, giúp người học làm quen với cách giải quyết tình huống cụ thể ngay trong quá trình học tập ở trường. Dạy học liên quan đến tình huống hiện đang được áp dụng phổ biến tại các cơ sở đào tạo. Đây là các bài tập tư duy nhằm hình thành năng lực phân tích, ra quyết định xử lý của người học. Việc kết hợp các tình huống với công cụ mô phỏng sẽ làm tăng tính thuyết phục và đẩy nhanh tốc độ hình thành năng lực nghề nghiệp của người học, giúp người học có cảm giác “trải nghiệm” nghề nghiệp ngay tại nhà trường và có khả năng thích ứng với công việc ngay khi quá trình đào tạo kết thúc. Việc áp dụng kỹ thuật này vào giảng dạy sẽ tạo ra nhiều hứng thú, động cơ học tập cho người học, qua đó góp phần nâng cao hiệu quả giảng dạy tại trường Đại học kinh tế Nghệ An.

Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2014, *Tài liệu tập huấn Dạy học theo định hướng phát triển năng lực*, NXB Đại học sư phạm,
2. <http://tapchicongthuong.vn/bai-viet/su-dung-phuong-phap-tinh-huong-trong-day-hoc-dia-ly-kinh-te-viet-nam-nham-phat-trien-tu-duy-cho-sinh-vien-27300.htm>, truy cập vào 8h ngày 01/09/2020.
3. <http://caodangquany1.edu.vn/phuong-phap-day-hoc-nghien-cuu-tinh-huong-giai-quyet-van-de.htm>, truy cập vào 10h ngày 03/09/2020.

SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC NGHIÊN CỨU TÌNH HUỐNG TRONG HỌC PHẦN KỸ NĂNG QUẢN TRỊ

Tác giả: TS. Đặng Thị Thảo

Đơn vị công tác: Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh

1. Đặt vấn đề

Tình huống là một hoàn cảnh thực tế trong đó các chủ thể cần phải đưa ra quyết định. Các tình huống tóm tắt những áp lực và khía cạnh khác nhau mà chủ thể đó phải cân nhắc khi ra quyết định với những thông tin thường không hoàn chỉnh hoặc mâu thuẫn vào lúc đó. Một số thông tin trong tình huống có thể được cố tình bỏ sót, cho phép tình huống có thể có nhiều phương án khả dĩ.

Phương pháp tình huống là một phương pháp dạy học tích cực, trong đó sinh viên đặt trong một tình huống thực tiễn hoặc lấy bối cảnh gắn với thực tiễn để giải quyết các vấn đề mà tình huống đặt ra. Đây là phương pháp dạy học có khả năng, làm tăng hứng thú học tập, phát huy năng lực tư duy của sinh viên và gắn kiến thức lí thuyết với thực tiễn. Kỹ năng quản trị là môn học mang tính thực hành, cầu nối giữa các môn học có tính lý thuyết và các môn học kỹ năng sâu về từng mảng hoạt động kinh doanh. Người học được phát triển các kỹ năng quản trị hiệu quả thông qua các hoạt động học tập hiện đại khác nhau như: thảo luận nhóm, nghiên cứu tình huống, thông qua các trò chơi đóng vai, học tập kinh nghiệm từ các sinh viên khác.

2. Nội dung

Phương pháp nghiên cứu tình huống (PPNCTH) là một phương pháp đặc thù của dạy học giải quyết vấn đề theo tình huống, ở đó, các tình huống là đối tượng chính của quá trình dạy học. Phương pháp dạy học bằng tình huống là GV cung cấp cho SV tình huống dạy học. SV tìm hiểu, phân tích và hành động trong tình huống đó. Kết quả là SV thu nhận được các tri thức khoa học, thái độ và các kỹ năng hành động sau khi giải quyết tình huống đã cho.

Phương pháp nghiên cứu tình huống được dựa trên một số luận điểm quan trọng của lí thuyết phát sinh nhận thức của J. Piaget.

Thứ nhất: Sự phát triển của con người là quá trình thích ứng tích cực với những yêu cầu thường xuyên đổi mới của môi trường. Quá trình thích ứng là quá trình tạo ra

sự cân bằng giữa chủ thể với môi trường, được thiết lập nhờ hai quá trình: đồng hóa và điều ứng. Đồng hóa diễn ra khi những tri thức, kĩ năng và phương pháp hành động mà cá nhân thu được, chỉ có tác dụng củng cố và mở rộng những tri thức học tập đã có, không tạo ra các cấu trúc mới. Điều ứng là những tri thức học tập thu nhận được dẫn đến sự cải tổ lại các tri thức đã có, tạo ra tri thức, kĩ năng và phương pháp mới. Đồng hóa là tăng trưởng, còn điều ứng là phát triển. Học tập được coi là quá trình tạo ra các năng lực thích ứng tích cực của cá nhân với môi trường. Dạy học bằng phương pháp nghiên cứu tình huống là dạy người học cách hành động để tạo ra năng lực thích ứng.

Thứ hai: Học tập là hành động tìm tòi, khám phá, phát minh của học viên. Đó là quá trình người học tự xây dựng cho mình các tri thức khoa học và kĩ năng hành động trong những tình huống nhất định. Nói tóm lại, học là công việc tự lực của người học.

Thứ ba: Hành động học tập của người học có thể được tiến hành trong môi trường bị khúc xạ qua bài giảng của GV, nhưng tốt nhất là trong môi trường hàm chứa nội dung dạy học. Đó chính là những tri thức, kĩ năng và phương pháp giải quyết một tình huống cụ thể. Vì vậy, các tình huống học tập chính là môi trường học tập. Quá trình học tập là quá trình giải quyết các tình huống. Có hai khả năng xảy ra khi người học giải quyết thành công một tình huống:

- Do việc vận dụng những tri thức, kĩ năng và phương pháp đã có. Trong trường hợp này, những tri thức thu được qua việc giải quyết tình huống giúp cho việc củng cố và mở rộng hơn tri thức đã có. Khi đó, việc giải quyết tình huống mang lại cho cá nhân khả năng đồng hóa.

- Do việc sử dụng những tri thức, kĩ năng và phương pháp mới. Trong trường hợp này, những tri thức thu được từ việc giải quyết thành công tình huống dẫn đến sự cải tổ những tri thức đã có, tạo thành tri thức mới. Khi đó, việc giải quyết tình huống mang lại cho cá nhân khả năng điều ứng.

Các loại tình huống trong dạy học

Trong thực tiễn, một tình huống dạy học có thể được GV chọn lọc từ những tình huống thực trong cuộc sống, cũng có thể do GV tạo dựng nên, tức là tình huống giả định.

Trong trường hợp tình huống giả định thì người GV cần dựa vào lịch sử phát triển của lĩnh vực khoa học để “phục chế lại” con đường và các điều kiện, các sự kiện

hình thành tri thức khoa học cần truyền đạt. Quá trình này được gọi là hoàn cảnh hóa, thời gian hóa và cá nhân hóa lại những tri thức khoa học.

Trên thực tế, có rất nhiều loại tình huống cũng như cách thức phân loại chúng. Một trong những cách tương đối phổ biến là phân loại tình huống theo dạng thức (format). Theo cách này tình huống được chia thành 6 dạng cơ bản với những đặc điểm, phương pháp tiến hành tương đối khác nhau

Tình huống lớn (tình huống chi tiết)

Tình huống mô tả

Tình huống nhỏ

Tình huống trực tiếp

Tình huống hạt nhân

Tình huống lựa chọn

Cấu trúc của một tình huống

Thông thường, một tình huống có 3 phần:

- Phần mở đầu: Nêu vấn đề bối cảnh của các sự kiện trong tình huống
- Phần nội dung tình huống: Đây là phần chính của một tình huống, vì nó cung cấp cho người học những chi tiết và dữ kiện cần thiết cho công việc thảo luận, tổng hợp nên giải pháp và cũng là phần mà những mâu thuẫn, xung đột được đẩy đến đỉnh điểm, buộc người học phải có sự lựa chọn.

- Kết luận: Phần kết luận trong một tình huống thường là nêu lên vấn đề, yêu cầu, đề nghị phải giải quyết.

Tình huống thường trình bày một sự mâu thuẫn/xung đột, đặc biệt là sự căng thẳng giữa những phương án hành động khác nhau mà những phương án này có thể tạo ra những quan điểm, lợi ích và những giá trị khác nhau trong sự mâu thuẫn và nó đòi hỏi phải được giải quyết bằng một quyết định. Thông thường các tình huống được trình bày trong các ấn bản. Hiện nay, ngày càng có nhiều tình huống được trình bày dưới dạng phim, băng video, CD ROM...

Các tình huống yêu cầu các sinh viên đóng vai của nhân vật chính và ra một hoặc nhiều quyết định quan trọng.

Phương pháp tình huống là một quá trình gồm ba bước: chuẩn bị cá nhân, thảo luận nhóm nhỏ và thảo luận cả lớp. Học bằng tình huống là PP học dựa trên cơ sở thảo

luận. Nó cho phép người tham dự học bằng cách thực hành. Bằng việc đóng vai các nhân vật trong tình huống, sinh viên có cơ hội nhập vai và gánh trách nhiệm của những con người cụ thể trong những tổ chức cụ thể.

Phương pháp tình huống cho phép sinh viên tham gia vào quá trình ra quyết định mà người ta phải thực sự đương đầu trong một tổ chức thật, có quyền sở hữu, cảm giác được áp lực, nhận rủi ro và trình bày ý tưởng của mình với người khác giúp buổi học có sự trao đổi thông tin đa chiều. Các tình huống giúp sinh viên phát triển lòng tự tin, khả năng suy nghĩ độc lập và hợp tác trong công việc với đồng nghiệp. Ngoài ra, PP tình huống cũng là công cụ tuyệt vời để giảng viên kiểm tra kiến thức lý thuyết và những hiểu biết sâu sắc hơn của sinh viên.

3. Vận dụng Phương pháp nghiên cứu tình huống trong học phần Kỹ năng quản trị

3.1 Thiết kế tình huống trong dạy học Kỹ năng quản trị

Trong phương pháp nghiên cứu tình huống, điều đầu tiên và quan trọng nhất là tìm được tình huống tốt. Có nhiều yêu cầu đối với một tình huống tốt, nhưng để đảm bảo phát triển tư duy cho sinh viên thì một tình huống phải đảm bảo các yêu cầu sau:

Tình huống phải làm cho người học có nhu cầu tư duy: Phân tích, đánh giá, liên tưởng và nêu lên ý tưởng của mình, từ đó, sinh viên chiếm lĩnh tri thức hoặc vận dụng kiến thức vào thực tế. Vì tư duy chỉ phát triển khi gặp tình huống có vấn đề. Tuy nhiên, đối với sinh viên, tư duy trừu tượng phát triển khá tốt nên có thể tạo ra tình huống kiểu đóng vai để các em phát huy năng lực giải quyết vấn đề. Tình huống mang tính thời sự, sát với thực tế để tạo hứng thú và mang tính giáo dục cho sinh viên. Nội dung kiến thức trong mỗi tình huống nên vừa đủ để kích thích sinh viên suy nghĩ, tìm hiểu. Tình huống nên có nhiều giải pháp để sinh viên phân tích, đánh giá và tìm ra giải pháp tối ưu. Cách viết tình huống rõ ràng, dễ hiểu để sinh viên không tư duy sai hướng. Câu chuyện trong tình huống tương đối hoàn chỉnh để không phải tìm hiểu thêm quá nhiều thông tin.

3.2. Ví dụ tình huống: Bạn là trưởng phòng bán hàng, bạn sẽ làm gì khi có khách hàng đã mua sản phẩm của công ty bạn và đến kêu ca và đòi đổi sản phẩm?

Các tình huống yêu cầu các sinh viên đóng vai của nhân vật chính và ra một hoặc nhiều quyết định quan trọng. Với tình huống thực tế trên, có nhiều định hướng cho sinh viên:

Thứ nhất: giảng viên phân nhóm, giao nội dung tình huống vào các trường hợp cụ thể, sau khi sinh viên thành lập nhóm, xác định được các vai và nội dung vào vai.

Thứ hai: giảng viên phân nhóm, cho các nhóm tự chọn nội dung cụ thể

Thứ ba: giảng viên sẽ vào vai khách hàng, sinh viên sẽ vào các vai bán hàng, doanh nghiệp, tổ chức.

Với các trường hợp trên, dù là tình huống nào thì sinh viên phải xác định được ba phần cơ bản:

Phần mở đầu: vấn đề lại nội dung tình huống thông qua các nhân vật, xác định sản phẩm gì, lỗi như thế nào, tại sao lại trả?

Phần nội dung tình huống: Với nội dung đó xử lý như thế nào: trước hết phải nắm bắt được hành động, thái độ của khách hàng, xác định được nguyên nhân.

Sau khi nắm bắt được nội dung từ phía khách hàng, bạn tìm hiểu được nguyên nhân, trước hết bạn phải cảm ơn khách hàng vì đã cung cấp thông tin và xin lỗi khách hàng vì đã làm phiền khách hàng mất thời gian, sau đó giải thích qua những vấn đề, nguyên nhân. Trong quá trình giải thích sẽ có sự trao đổi qua lại, là trưởng bộ phận bán hàng bạn luôn thể hiện sự tôn trọng và lắng nghe khách hàng. Bạn cần lưu ý: Không căng thẳng và luôn cho rằng khách hàng sai. Sau đó, tìm mọi cách thuyết phục khách hàng nhẹ nhàng.

Phần kết luận: Giải thích, thuyết phục cho khách hàng xong, bạn đưa ra kết luận vấn đề cho khách hàng.

Kết thúc phần xử lý và giải quyết tình huống của sinh viên/ nhóm sinh viên, giảng viên cho nhóm sinh viên khác nhận xét nội dung, cách giải quyết và cả kỹ năng ứng xử, giao tiếp của sinh viên. Qua đó, góp ý bổ sung hoặc định hướng cách giải quyết khác. Giảng viên kết luận và đánh giá kết quả của sinh viên/ nhóm sinh viên.

4. Kết luận

Tình huống thường trình bày một sự mâu thuẫn/xung đột, đặc biệt là sự căng thẳng giữa những phương án hành động khác nhau mà những phương án này có thể tạo ra những quan điểm, lợi ích và những giá trị khác nhau trong sự mâu thuẫn và nó

đòi hỏi phải được giải quyết bằng một quyết định. Thông thường, các tình huống được trình bày trong các ấn bản. Hiện nay, ngày càng có nhiều tình huống được trình bày dưới dạng phim, băng video, CD ROM...

Phương pháp tình huống cho phép sinh viên tham gia vào quá trình ra quyết định mà người ta phải thực sự đương đầu trong một tổ chức thật, có quyền sở hữu, cảm giác được áp lực, nhận rủi ro và trình bày ý tưởng của mình với người khác giúp buổi học có sự trao đổi thông tin đa chiều. Các tình huống giúp sinh viên phát triển lòng tự tin, khả năng suy nghĩ độc lập và hợp tác trong công việc với đồng nghiệp. Ngoài ra, PP tình huống cũng là công cụ tuyệt vời để giảng viên kiểm tra kiến thức lý thuyết và những hiểu biết sâu sắc hơn của sinh viên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thị Phương Hoa, Sử dụng phương pháp tình huống trong giảng dạy môn giáo dục học tại trường ĐHNN-ĐHQG Hà Nội, Đề tài cấp Đại học quốc gia, 2010.
2. Ngô Kim Thanh - Giáo trình Kỹ năng quản trị - NXB ĐH Kinh tế Quốc dân – 2012.
3. Nguyễn Xuân Thúc, Giáo trình tâm lí học đại cương, NXB Đại học Sư phạm, 2013.

MỘT SỐ TRAO ĐỔI VỀ VẬN DỤNG SƠ ĐỒ TƯ DUY TRONG QUÁ TRÌNH DẠY HỌC

Tác giả: ThS. Ngô Thị Thương Huyền

Đơn vị công tác: Khoa Kế toán – Phân tích, Trường Đại học Kinh tế Nghệ An

Tóm tắt: Sơ đồ tư duy được xem là một trong những phương pháp dạy học hết sức hữu hiệu hình thành từ các “hình ảnh liên kết”, hiện đang được ngành giáo dục khuyến khích đưa vào giảng dạy và học tập để phát huy khả năng sáng tạo ra các ý tưởng mới, tăng sự tự tin và kỹ năng giao tiếp của người học. Bài viết này cung cấp một số lý luận cơ bản liên quan đến sơ đồ tư duy và đề xuất một số lưu ý trong việc vận dụng sơ đồ tư duy vào quá trình dạy học. Đồng thời chia sẻ cá nhân về việc vận dụng công cụ sơ đồ tư duy vào học phần kế toán tài chính.

Từ khóa: Sơ đồ tư duy, dạy học, quá trình dạy học, giảng viên

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Phương pháp dạy học tích cực yêu cầu sinh viên cần tự học, tự nghiên cứu bằng cách tiếp cận các nguồn tài liệu đa dạng như: sách, tạp chí, báo, các kỹ yếu, internet Với “biên thông tin” như thế để học được hiệu quả cần phải có 1 phương pháp giúp hệ thống lại những kiến thức đó. Việc xây dựng được một “hình ảnh” thể hiện mối liên hệ giữa các kiến thức, sẽ mang lại những lợi ích đáng quan tâm về các mặt: ghi nhớ, phát triển nhận thức, tư duy, óc tưởng tượng và khả năng sáng tạo... Một trong những công cụ hết sức hữu hiệu để tạo nên các “hình ảnh liên kết” là Sơ đồ Tư duy. Bài viết này, xin giới thiệu công cụ sơ đồ tư duy do Tony Buzan đề xuất, được mệnh danh là “công cụ vạn năng cho bộ não” hiện đang được ngành giáo dục khuyến khích đưa vào thực hiện trong giảng dạy và học tập. Đồng thời chia sẻ bản thân với việc vận dụng sơ đồ tư duy vào học phần kế toán tài chính - môn học ở phần kiến thức chuyên môn chuyên ngành khối kinh tế.

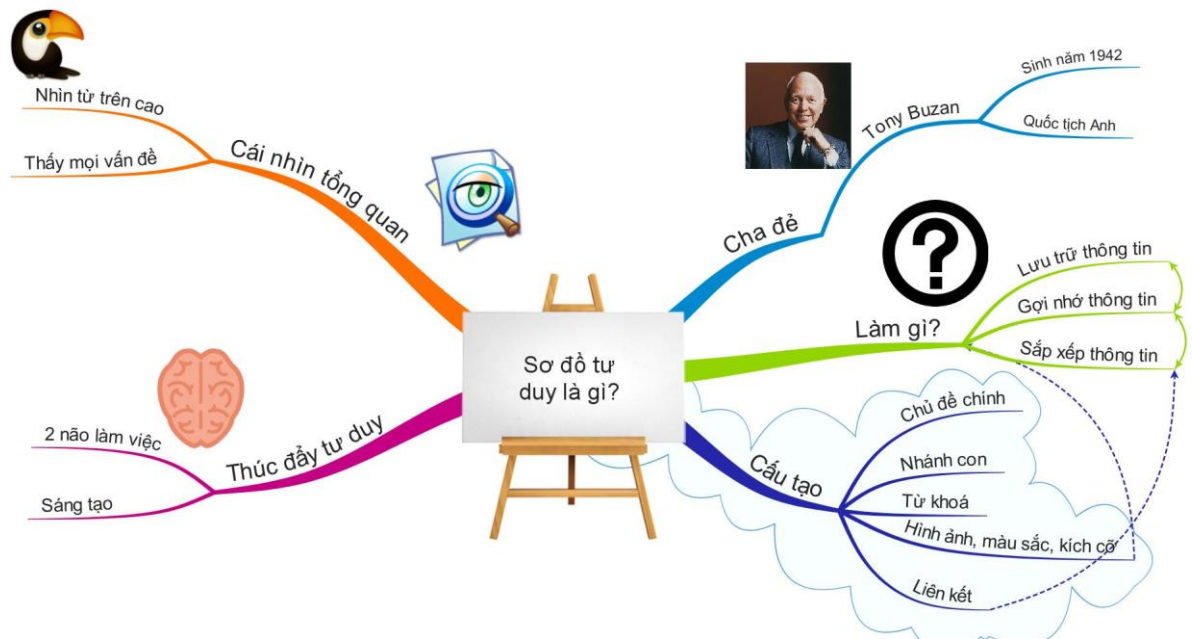
II. NỘI DUNG

1. Xuất xứ của sơ đồ tư duy

Tony Buzan sinh năm 1942 tại Luân Đôn, là cha đẻ của sơ đồ tư duy, ông đã miêu tả sơ đồ tư duy là một hình thức ghi chép sử dụng màu sắc và hình ảnh để mở rộng và đào sâu các ý tưởng. Ở giữa sơ đồ là một ý tưởng hay một hình ảnh trung tâm. Từ đó sẽ phát triển bằng các nhánh tượng trưng cho các ý chính và đều được nối với

các ý trung tâm. Với phương thức tiến dần từ trung tâm ra xung quanh, sơ đồ tư duy sẽ thúc đẩy tư duy con người khiến não bộ hoạt động và phát huy khả năng sáng tạo.

Ngay từ khi ra đời, sơ đồ tư duy đã thu hút được sự quan tâm của các tập đoàn, đơn vị trường học trên khắp thế giới tiếp nhận thành chương trình chính thức, với hơn 250 triệu người áp dụng.



Sơ đồ tư duy là gì?

2. Khái niệm sơ đồ tư duy

Sơ đồ tư duy là hình thức ghi chép nhằm tìm tòi đào sâu, mở rộng một ý tưởng, hệ thống hóa một chủ đề hay một mạch kiến thức,... bằng cách kết hợp việc sử dụng đồng thời hình ảnh, đường nét, màu sắc, chữ viết với sự tư duy tích cực. Đặc biệt đây là một sơ đồ mở, không yêu cầu tỉ lệ, chi tiết chặt chẽ như sơ đồ địa lí, có thể vẽ thêm hoặc bớt các nhánh, mỗi người vẽ một kiểu khác nhau, dùng màu sắc, hình ảnh, các cụm từ diễn đạt khác nhau, cùng một chủ đề nhưng mỗi người có thể “thể hiện” nó dưới dạng sơ đồ tư duy theo một cách riêng. Do đó, việc lập sơ đồ tư duy phát huy được tối đa khả năng sáng tạo của mỗi người.

Đây là 1 hình thức phát huy khả năng sáng tạo của cá nhân hay nhóm về một chủ đề. Gồm 2 loại: Sơ đồ tư duy bằng tay thể hiện trên giấy, trên bản trong, trên bảng và bằng phần mềm thực hiện trên máy tính.

Cấu tạo của **sơ đồ tư duy** gồm có:

- Chủ đề chính
- Nhánh con
- Từ khoá
- Hình ảnh gợi nhớ
- Liên kết
- Màu sắc, kích cỡ

3. Lý do nên sử dụng sơ đồ tư duy trong quá trình dạy học

Theo nghiên cứu của các nhà khoa học việc áp dụng phương pháp giảng dạy truyền thống mới chỉ huy động 10% khả năng của bộ não và đa phần là não trái – tư duy logics. Khi học giảng viên làm việc là chủ yếu, kiến thức truyền tải mang tính 1 chiều, thường nhận được ít phản hồi của sinh viên trong lớp, dường như sinh viên thiếu hứng thú, tư tưởng không tập trung, và buồn ngủ dẫn đến quá trình học chưa hiệu quả. Làm thế nào để có thể sử dụng tối đa công suất của bộ não? Đầu tiên phải hiểu bộ não của chúng ta được chia thành 2 bán cầu: bán cầu não trái – tư duy logic, bán cầu não phải – tưởng tượng và hình ảnh. Muốn bắt bộ não hoạt động tối đa rất đơn giản là phát huy não phải – tưởng tượng và phân tích thông tin thông qua hình ảnh. Đó chính là lý do vì sao “Sơ đồ tư duy” ra đời.

4. Quy trình tổ chức thực hiện sơ đồ tư duy trong quá trình dạy học

Trong phạm vi bài viết này chỉ giới hạn về quy trình tổ chức thực hiện sơ đồ tư duy bằng tay, đây là một trong những công cụ góp phần gia tăng khả năng giao tiếp và hoạt động nhóm của sinh viên trong quá trình học tập của mình.

Quy trình được thực hiện qua 7 bước sau:

Bước 1: Bắt đầu từ TRUNG TÂM của một tờ giấy trắng và kéo sang một bên. Tại sao? Bởi vì bắt đầu từ trung tâm cho bộ não, sự tự do để trải rộng một cách chủ động và để thể hiện phóng khoáng hơn, tự nhiên hơn.

Bước 2: Dùng một HÌNH ẢNH hay BỨC TRANH cho ý tưởng trung tâm. Tại sao? Do một hình ảnh có giá trị tương đương cả nghìn từ và giúp ta sử dụng trí tưởng tượng của mình.

Bước 3: Luôn sử dụng MÀU SẮC. Tại sao? Bởi vì màu sắc cũng có tác dụng kích thích não như hình ảnh. Màu sắc mang đến cho sơ đồ tư duy những rung động cộng

hưởng, mang lại sức sống và năng lượng vô tận cho tư duy sáng tạo và nó cũng thật vui mắt.

Bước 4: Nói các NHÁNH CHÍNH tới HÌNH ẢNH trung tâm, và nói các nhánh cấp hai, cấp ba với nhánh cấp một và cấp hai, v.v... Tại sao? Bởi vì, như ta đã biết, bộ não làm việc bằng sự liên tưởng. Nếu ta nối các nhánh lại với nhau, sẽ hiểu và nhớ nhiều thứ dễ dàng hơn rất nhiều.

Bước 5: Vẽ nhiều nhánh CONG hơn đường thẳng. Tại sao? Vì chẳng có gì mang lại sự buồn tẻ cho não hơn các đường thẳng. Giống như các nhánh cây, các đường cong có tổ chức sẽ lôi cuốn và thu hút được sự chú ý của mắt hơn rất nhiều.

Bước 6: Sử dụng MỘT TỪ KHÓA TRONG MỖI DÒNG. Bởi, các từ khóa mang lại cho Sơ đồ tư duy của ta nhiều sức mạnh và khả năng linh hoạt cao. Mỗi từ hay mỗi hình ảnh đơn lẻ giống như một cấp số nhân, mang đến cho những sự liên tưởng và liên kết của nó diện mạo đặc biệt.

Bước 7: Dùng những HÌNH ẢNH xuyên suốt. Bởi vì giống như hình ảnh trung tâm, mỗi hình ảnh cũng có giá trị của một ngàn từ. Vì vậy, nếu ta chỉ có mười hình ảnh trong sơ đồ tư duy của mình thì nó đã ngang bằng với mười nghìn từ của những lời chú thích.

5. Một số trường hợp vận dụng sơ đồ tư duy trong quá trình dạy học

Việc lập sơ đồ tư duy phát huy tối đa khả năng sáng tạo của mỗi người. Vậy giảng viên và sinh viên nên sử dụng sơ đồ tư duy trong hoạt động nào của quá trình dạy học?

- Tóm tắt nội dung, ôn tập một chủ đề;
- Trình bày tổng quan một chủ đề;
- Chuẩn bị ý tưởng cho một báo cáo hay buổi nói chuyện, bài giảng;
- Thu thập, sắp xếp các ý tưởng;

Nhìn chung, giảng viên có thể áp dụng sơ đồ tư duy vào hỗ trợ dạy học kiến thức mới, củng cố kiến thức sau mỗi tiết học, ôn tập hệ thống hoá kiến thức sau mỗi chương, mỗi kỳ. Trong một số trường hợp, giảng viên có thể vận dụng kỹ thuật này trong việc giao nhiệm vụ về nhà, hay những buổi thảo luận cho sinh viên để có thể làm tăng khả năng làm việc nhóm cũng như tinh thần làm việc đồng đội.

6. Lợi thế và bất lợi khi áp dụng sơ đồ tư duy trong quá trình dạy học

6.1. Lợi thế khi áp dụng sơ đồ tư duy

So với các cách thức ghi chép truyền thống, thì sơ đồ tư duy có những điểm vượt trội như sau:

- Ý chính sẽ ở trung tâm và được xác định rõ ràng.
- Quan hệ hỗ tương giữa mỗi ý được chỉ ra tường tận. Ý càng quan trọng thì sẽ nằm vị trí càng gần với ý chính.
- Liên hệ giữa các khái niệm then chốt sẽ được tiếp nhận lập tức bằng thị giác.
- Ôn tập và ghi nhớ sẽ hiệu quả và nhanh hơn.
- Nội dung muốn bổ sung, phát triển dễ dàng hơn bằng cách vẽ chèn thêm vào sơ đồ.
- Mỗi sơ đồ sẽ phân biệt nhau tạo sự dễ dàng cho việc gọi nhớ.
- Các ý mới có thể được đặt vào đúng vị trí trên hình một cách dễ dàng, bất chấp thứ tự của sự trình bày, tạo điều kiện cho việc thay đổi một cách nhanh chóng và linh hoạt cho việc ghi nhớ.

6.2. Bất lợi khi áp dụng sơ đồ tư duy

Bên cạnh những lợi thế kể trên, việc áp dụng sơ đồ tư duy trong quá trình dạy học cũng gặp những bất lợi nhất định:

Đối với những người rất logic thì việc vận dụng sơ đồ tư duy sẽ gặp khó khăn. Vì họ khó tin vào mặt trực quan của họ khi logic đang suy nghĩ là không khả thi. Trong khi đó sơ đồ tư duy khuyến khích bạn để dòng chảy ý tưởng tự do. Bạn thậm chí cần phải để trực giác của bạn làm việc.

Để có thể hiểu đầy đủ ý nghĩa sự đóng góp tích cực của sơ đồ tư duy là rất quan trọng. Bạn phải biết rằng sơ đồ tư duy cung cấp một thông tin và cấu trúc tự giải thích có thể được hiểu rõ nhất bởi người hoặc những người tham gia tạo ra nó. Vì vậy, có thể có một chút khó khăn cho những người khác không chứng kiến hiệu quả hoàn toàn với sơ đồ tư duy.

Việc sử dụng bất kỳ kỹ thuật dạy học nào cũng có những lợi thế và bất lợi riêng, do đó đòi hỏi giảng viên cần phải sử dụng các kỹ thuật dạy học một cách linh hoạt để có thể khơi dậy được sự hứng thú của sinh viên trong quá trình học tập, nhằm đảm bảo buổi học đạt hiệu quả cao

7. Một số lưu ý khi áp dụng sơ đồ tư duy

Với phương pháp giáo dục hiện đại, việc sử dụng sơ đồ tư duy để hệ thống công việc và thậm chí là cả các hoạt động trong cuộc sống đều rất hiệu quả. Dưới đây là những lưu ý thú vị khi sử dụng sơ đồ tư duy:

- Sử dụng một đến hai màu sắc trong sơ đồ tư duy để tiết kiệm thời gian.
- Vẽ nhiều nhánh cong hơn là đường thẳng để tránh sự buồn tẻ, tạo sự mềm mại, cuốn hút.
- Sử dụng nhiều từ khoá riêng lẻ để khơi gợi những ý tưởng mới
- Chỉ nên viết 1 đến 2 từ khoá ở mỗi nhánh đề khi đọc lại, não của bạn có thể kết nối thông tin và năng lực gợi nhớ.
- Nên sử dụng ký hiệu hoặc từ khóa để viết lên sơ đồ thay vì diễn giải bằng câu chữ. Não của bạn sẽ mất hết hứng thú khi tiếp nhận một thông tin hoàn chỉnh.
- Nên thường xuyên sử dụng sơ đồ tư duy khi làm việc nhóm. Việc cả người quản lý, người nhân viên đều sử dụng sơ đồ tư duy mô phỏng công việc thực hiện đối với từng vị trí sẽ giúp việc triển khai, quản lý và giám sát thực hiện công việc được tốt hơn.

Khi sử dụng sơ đồ tư duy sẽ phát huy sự hứng thú, chủ động, sáng tạo, rèn luyện tư duy logic... ở sinh viên. Nhờ vậy bài giảng của giảng viên chắc chắn sẽ hiệu quả hơn. Tuy nhiên, giảng viên cần biết tiết chế đủ liều lượng, chừng mực không quá lạm dụng. Việc lạm dụng vẽ sơ đồ tư duy sẽ có tác dụng ngược làm cho lớp học nhàm chán, thiếu hứng khởi cho sinh viên mà phải dùng đúng cách, đúng liều lượng và đúng thời điểm. Có như vậy sơ đồ tư duy mới thực sự là một công cụ, một phương pháp dạy học hiệu quả.

8. Vận dụng sơ đồ tư duy vào tiết giảng: “ Kế toán dự phòng nợ phải thu khó đòi”

Giảng viên chia lớp thành 4 nhóm, mỗi nhóm 9-10 sinh viên. Mỗi nhóm cử 1 bạn nhóm trưởng và đề nghị đặt tên của nhóm. Sau đó đề nghị các nhóm đọc giáo trình kế toán tài chính 1 trang 51 đến 56. Sau đó trả lời các câu hỏi sau:

- Khái niệm dự phòng nợ phải thu khó đòi
- Nguyên tắc kế toán
- Phương pháp hạch toán

Các nhóm thảo luận sau đó đưa ra ý kiến của mình và thảo luận. Giảng viên nhận xét và đánh giá bài thảo luận của nhóm

VẬN DỤNG KỸ THUẬT DẠY HỌC TÍCH CỰC NHẪM NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIẢNG DẠY MÔN PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ NGHỆ AN

Tác giả: ThS. Nguyễn Văn Điệp

Đơn vị công tác: Bộ môn Thống kê phân tích – Khoa Kế toán phân tích

Tóm tắt: Phân tích hoạt động kinh doanh là môn chuyên ngành cho những sinh viên chuyên ngành Kinh tế, trang bị cho sinh viên những kiến thức cần thiết để xử lý, phân tích thông tin thu thập được trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Từ quá trình phân tích đề xuất những giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của đơn vị mình. Với mục đích đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tích cực của sinh viên, cũng như truyền tải nội dung trong từng bài học, tôi lựa chọn kỹ thuật động não để áp dụng vào giảng dạy môn học này. Qua một quá trình thực hiện đổi mới phương pháp dạy học bằng kỹ thuật này, tôi đã rút ra được những kinh nghiệm song vẫn mong muốn được tham gia các hội thảo, hội giảng, các lớp học chuyên đề, sinh hoạt chuyên môn để các giảng viên trau dồi kiến thức, nâng cao kỹ năng sư phạm, học hỏi, trao đổi kinh nghiệm lẫn nhau về phương pháp dạy học mới hiện nay.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hiện nay vấn đề chất lượng nguồn lực con người đang rất được quan tâm. Đổi mới phương pháp giảng dạy là một trong những yêu cầu cấp thiết đối với ngành giáo dục, đặc biệt là giáo dục Đại học, nhằm nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo cho xã hội nguồn nhân lực lao động giỏi, tay nghề cao. Trong đó, các kỹ thuật dạy học là những đơn vị nhỏ nhất của phương pháp dạy học, là yếu tố quan trọng và ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng đào tạo. Kỹ thuật dạy học là những biện pháp, cách thức hành động của người dạy và người học trong các tình huống hành động nhỏ, nhằm thực hiện và điều khiển quá trình dạy học. Có rất nhiều kỹ thuật dạy học tích cực mà những nhà nghiên cứu giáo dục đã đưa ra nhằm dạy cho sinh viên không chỉ tiếp thu kiến thức tốt mà còn phát triển năng lực. Điều quan trọng là giảng viên linh hoạt tùy theo bài học, môn học để lựa chọn kỹ thuật phù hợp dựa trên cơ sở lý luận dạy học bộ môn.

Trường Đại học Kinh tế Nghệ An chuyên đào tạo ra những lao động có trình độ theo từng chuyên ngành. Phân tích hoạt động kinh doanh thuộc môn chuyên ngành cho những sinh viên chuyên ngành Kinh tế, giúp sinh viên hiểu và biết cách xử lý thông tin

thu thập được trong các khâu, các mối quan hệ của quá trình kinh doanh, để làm rõ chất lượng của hoạt động kinh doanh, phục vụ cho việc soạn thảo các phương án và giải pháp quản lý tối ưu, giúp cho doanh nghiệp tạo ra nhiều lợi nhuận, nâng cao hiệu quả kinh doanh. Với mục đích đó cũng như nội dung trong từng bài học tôi lựa chọn kỹ thuật động não để áp dụng vào giảng dạy, là kỹ thuật dạy học tích cực giúp đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tích cực của sinh viên. Tuy nhiên trong thực tế, giảng viên còn gặp nhiều khó khăn trong việc tổ chức hoạt động dạy học trên lớp với việc thiết kế và sử dụng các kỹ thuật dạy học tích cực, cũng như chưa phát huy tối đa hiệu quả của tiết dạy. Kết quả sinh viên vẫn chỉ tiếp nhận kiến thức một cách thụ động và chưa tư duy. Hy vọng qua bài viết này sẽ được sự tiếp thu và góp ý của các đồng nghiệp để có những quan điểm tốt hơn trong việc thực hiện đổi mới phương pháp dạy học.

II. NỘI DUNG

1. Lý thuyết kỹ thuật dạy học tích cực

Kỹ thuật Động não: Là một kỹ thuật nhằm huy động những tư tưởng mới mẻ, độc đáo về một chủ đề của các thành viên trong thảo luận. Các em được cổ vũ tham gia một cách tích cực, không hạn chế các ý tưởng.

Ưu điểm: Dễ thực hiện, không tốn kém, sử dụng được hiệu ứng cộng hưởng, huy động tối đa trí tuệ của tập thể, huy động được nhiều ý kiến, tạo cơ hội cho tất cả thành viên tham gia.

Nhược điểm: Dễ bị lạc đề, tản mạn nếu chủ đề không rõ ràng, mất thời gian nhiều trong việc chọn các ý kiến thích hợp, có thể có một số sinh viên không tham gia.

2. Biện pháp tiến hành

Sử dụng kỹ thuật dạy học tích cực vào kiến thức mới giúp sinh viên học tập một cách chủ động, tích cực và huy động được tất cả sinh viên tham gia xây dựng bài sôi nổi, hiệu quả tiếp thu bài tốt. Trong tiết học tôi sử dụng kỹ thuật động não như sau:

Hoạt động 1: Giảng viên dẫn nhập vào chủ đề và xác định rõ một vấn đề.

Hoạt động 2: Các sinh viên đưa ra những ý kiến của mình: Trong khi thu thập ý kiến, không đánh giá, nhận xét. Mục đích là huy động nhiều ý kiến tiếp nối nhau.

Hoạt động 3: Đánh giá.

Ví dụ minh họa 1:

Với ý nghĩa của phân tích chi tiêu chi phí sản xuất, việc tiết kiệm chi phí sẽ hạ thấp giá thành sản phẩm và tăng lợi nhuận, đồng thời đảm bảo tính cạnh tranh trên thị trường, doanh nghiệp sẽ mở rộng được quy mô sản xuất và phát triển bền vững. Vậy để chi phí bỏ ra ở mức thấp nhất mà chất lượng sản phẩm không thay đổi và vẫn được người tiêu dùng lựa chọn thì các nhà quản trị cũng như cán bộ quản lý doanh nghiệp phải biết cách điều hành và xử lý trong quá trình sản xuất của doanh nghiệp.

Bước 1: Giáo viên nêu câu hỏi: *“Những yếu tố chi phí sản xuất ảnh hưởng đến việc hạ thấp giá thành sản phẩm?”*

Bước 2: Sinh viên được phép suy nghĩ trong 5 phút sau đó đưa ra ý kiến cá nhân.

Sinh viên 1: - Chất lượng nguyên vật liệu tốt

- Đơn giá nguyên vật liệu thấp

Sinh viên 2: - Máy móc thiết bị hiện đại

- Trình độ tay nghề của người công nhân cao

Sinh viên 3: - Công nhân có ý thức tiết kiệm điện, nước, ...

- Bảo trì, bảo dưỡng máy móc thường xuyên.

- Tìm kiếm, lựa chọn yếu tố đầu vào hợp lý. `

Sinh viên 4: Tiết kiệm chi phí ở bộ phận quản lý, tinh giảm bớt bộ phận không cần thiết, bố trí công việc kiêm nhiệm.

.....

Bước 3: Giảng viên đánh giá và tổng kết bao gồm các yếu tố sau cần được thực hiện tốt và tiết kiệm ở mức thấp nhất:

- Chi phí nguyên vật liệu thấp nhưng chất lượng vẫn đảm bảo.

- Chi phí tiền lương và các khoản trích theo lương cần đáp ứng thoả mãn với năng suất lao động của công nhân, tạo động lực cho công nhân có tinh thần trách nhiệm và ý thức cao đối với doanh nghiệp.

- Chi phí khấu hao Tài sản cố định.

- Chi phí dịch vụ mua ngoài như tiền điện, tiền nước, điện thoại, thuê ngoài sửa chữa máy móc thiết bị.

- Chi phí bằng tiền khác.

III. KẾT LUẬN

Đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng lấy người học làm trung tâm đang được hầu hết giảng viên thực hiện, áp dụng các kỹ thuật dạy học là sự kết hợp hài hoà nhuần nhuyễn giữa thuyết giảng và đối thoại với mục tiêu phát huy cao độ tính tích cực, năng động, độc lập, sáng tạo của người học. Vì vậy yêu cầu người giảng không chỉ nắm vững những vấn đề cần trình bày mà còn phải rất năng động, nhạy bén và sáng tạo ngay trong giờ giảng, chuẩn bị bài thật kỹ, lựa chọn kỹ thuật phù hợp, trên cơ sở đó người giảng có thể truyền thụ những vấn đề cần thiết cơ bản đến người học một cách tự nhiên, sinh động và hứng thú. Người giảng viên cần nâng cao chất lượng giảng dạy, cần sát sao, gần gũi tiếp cận với từng đối tượng sinh viên.

Qua một quá trình thực hiện đổi mới phương pháp dạy học bằng kỹ thuật này, tôi đã rút ra được những kinh nghiệm như sau:

+ Đầu tiên giảng viên phải nghiên cứu kỹ chương trình và tài liệu chuẩn kiến thức kỹ năng để xác định mục tiêu theo từng bài, từ đó thiết kế giáo án và vận dụng các kỹ thuật dạy học sao cho phù hợp, nhằm đạt được những yêu cầu tối thiểu về kiến thức, kỹ năng.

+ Nắm vững nguyên tắc đổi mới phương pháp dạy học, cách thức hướng dẫn học sinh lựa chọn phương pháp học tập, coi trọng tự học và biết xây dựng các tài liệu chuyên môn phục vụ đổi mới phương pháp dạy học.

+ Nghiên cứu các kỹ thuật dạy học tích cực để vận dụng một cách thành thạo và có hiệu quả vào quá trình dạy học.

+ Giảng viên cần đa dạng hóa các hình thức tổ chức dạy học nhằm tạo sự hứng thú cho sinh viên.

+ Biết cách khơi gợi tư duy để sinh viên tăng tính chủ động, sáng tạo và phát triển tư duy theo chiều hướng tích cực.

+ Thường xuyên sinh hoạt tổ chuyên môn, giảng viên cần tập trung thảo luận, trao đổi những vướng mắc khi sử dụng những kỹ thuật dạy học tích cực.

+ Tìm những giáo viên dạy giỏi có phương pháp dạy học tiên tiến cùng môn để học hỏi kinh nghiệm ở trong trường và trường bạn.

+ Tùy vào điều kiện của trường để có thể khai thác giúp bản thân đổi mới phương pháp dạy học (cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị dạy học, tài liệu tham khảo...)

+ Biết cách tiếp nhận những thông tin phản hồi từ sự đánh giá nhận xét xây dựng của học sinh về phương pháp dạy học và giáo dục của mình, kiên trì phát huy mặt tốt, khắc phục mặt yếu, tự tin, không chủ quan thỏa mãn.

Từ những thực tế trên tôi mong muốn được tham gia các hội thảo, hội giảng, các lớp học chuyên đề, sinh hoạt chuyên môn để các giảng viên trao đổi kiến thức, nâng cao kỹ năng sư phạm, học hỏi, trao đổi kinh nghiệm lẫn nhau về phương pháp dạy học mới hiện nay.

Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2016), tài liệu Phương pháp và kỹ thuật tổ chức hoạt động học theo nhóm và hướng dẫn học sinh tự học (Vụ Giáo dục Trung học)

2. Trần Bá Hoàn (2003), Dạy học lấy người học làm trung tâm, Thông tin khoa học giáo dục số 96

3. Cầm Thị Hồng Thanh (2011) “Một số kỹ thuật dạy học tích cực” <https://thcs-nguyentatthanh-sonla.violet.vn/present/mot-so-ky-thuat-day-hoc-tich-cuc-tai-lieu-tap-huan-6284614.html>

SỬ DỤNG KỸ THUẬT DẠY HỌC THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC NGƯỜI HỌC Ở MỘT SỐ NỘI DUNG, BÀI GIẢNG CỦA MÔN LỊCH SỬ CÁC HỌC THUYẾT KINH TẾ

Tác giả: TS. Trần Thị Bình

Đơn vị công tác: Khoa Lý luận Chính trị, Trường Đại học Kinh tế Nghệ An

LỜI MỞ ĐẦU

Một trong những giải pháp góp phần thành công đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng được nhu cầu của doanh nghiệp và các tổ chức xã hội trong giai đoạn hiện nay là đổi mới phương pháp giảng dạy. Vấn đề cốt lõi là phải đổi mới nội dung, phương pháp, kỹ thuật dạy - học ở các cấp bậc học, đặc biệt là giáo dục đại học. Cần vận dụng triệt để ưu điểm các phương pháp, kỹ thuật mới, đem lại sự phát triển tư duy độc lập, sáng tạo năng lực người học, chủ động tích cực trong quá trình tương tác. Xóa bỏ lối áp đặt kiến thức theo kiểu thầy chiếu, trò chép, thầy đọc trò ghi, người học thụ động, thiếu tự tin trong quá trình tiếp nhận tri thức.

Trong phạm vi bài viết này, tác giả đề cập đến một số phương pháp, kỹ thuật dạy học ở một số nội dung, bài giảng môn Lịch sử các học thuyết kinh tế theo hướng tôn trọng, phát triển năng lực người học ở trường Đại học Kinh tế Nghệ An hiện nay.

1. Vị trí và đặc điểm cơ bản của môn Lịch sử các học thuyết kinh tế

Môn Lịch sử các học thuyết kinh tế là một trong những học phần tiên quyết thuộc môn cơ sở ngành thuộc ngành kinh tế của các trường Đại học Kinh tế nói chung và Đại học Kinh tế Nghệ An nói riêng.

Lịch sử các học thuyết kinh tế là môn khoa học xã hội, nghiên cứu quá trình phát sinh, phát triển, đấu tranh và thay thế lẫn nhau của các hệ thống quan điểm kinh tế của các giai cấp cơ bản trong các hình thái kinh tế - xã hội khác nhau. Nội dung môn học bao gồm hệ thống các quan điểm kinh tế của tác giả thuộc các hình thái kinh tế - xã hội khác nhau ở các giai đoạn phát triển khác nhau của lịch sử. Nó chỉ ra những cống hiến, những giá trị khoa học, cũng như phê phán có tính lịch sử những hạn chế của các trường phái kinh tế học trên thế giới.

Xuất phát từ đối tượng nghiên cứu của nó, Lịch sử các học thuyết kinh tế là cần thiết cho mọi đối tượng sinh viên các trường kinh tế, kể cả các ngành kinh tế và kinh

doanh như tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán và các ngành về quản lý sản xuất kinh doanh. Những ai nghiên cứu khoa học về kinh tế vĩ mô, kinh tế vi mô, hay nói cách khác là nghiên cứu khoa học quản lý nhà nước về kinh tế và quản lý sản xuất kinh doanh thì những kiến thức về Lịch sử các học thuyết kinh tế là không thể thiếu được. Chỉ có thể hiểu một cách sâu sắc và hoàn chỉnh các tư tưởng, học thuyết kinh tế trong lịch sử, các nhà khoa học và quản lý tương lai ở cả tầm vĩ mô và tầm vi mô mới có cơ sở đầy đủ hơn, vững vàng hơn để hoạch định chính sách cũng như để quản lý sản xuất kinh doanh.

Trong điều kiện kinh tế thế giới hiện nay nói chung và của nước ta nói riêng, việc nghiên cứu Lịch sử các học thuyết kinh tế càng cần thiết để hiểu và thực hiện thắng lợi đường lối của Đảng ta trong quá trình xây dựng kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Với tính chất môn học hấp dẫn và gắn với thực tiễn phát triển kinh tế, xã hội nên ở mỗi nội dung, bài giảng, giảng viên cần sử dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học mới nhằm tạo không khí, lôi cuốn sinh viên vào nhìn nhận, đánh giá giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội của thế giới cũng như Việt Nam ở mỗi giai đoạn lịch sử khác nhau.

2. Một số kỹ thuật dạy học được vận dụng qua một số nội dung, bài giảng

2.1. Kỹ thuật "Động não" và phân tích phim vi deo

- Thế nào là kỹ thuật "Động não"?

Động não (công não) là một kỹ thuật nhằm huy động những tư tưởng mới mẻ, độc đáo về một chủ đề của các thành viên trong thảo luận. Các thành viên được cổ vũ tham gia một cách tích cực, không hạn chế các ý tưởng (nhằm tạo ra "con lóc" các ý tưởng). Kỹ thuật động não do Alex Osborn (Mỹ) phát triển, dựa trên một kỹ thuật truyền thống từ Ấn độ.

Quy tắc của động não

- Không đánh giá và phê phán trong quá trình thu thập ý tưởng của các thành viên
- Liên hệ với những ý tưởng đã được trình bày
- Khuyến khích số lượng các ý tưởng
- Cho phép sự tưởng tượng và liên tưởng

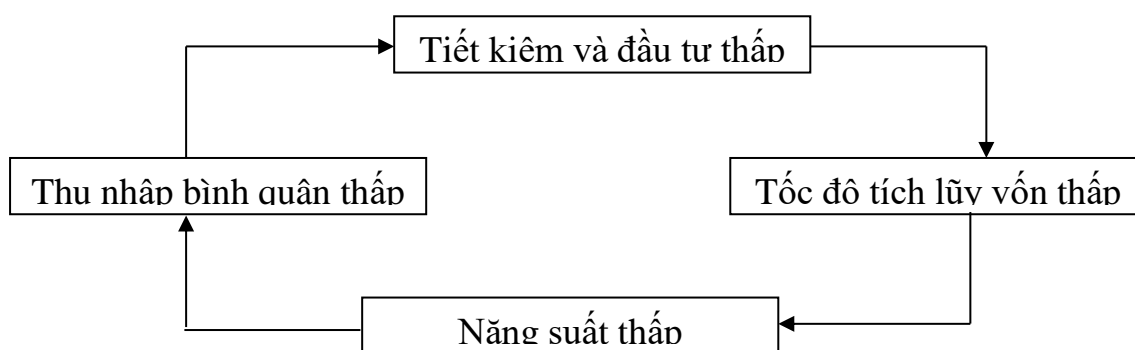
*** Ưu điểm**

- Dễ thực hiện, không tốn kém, sử dụng được hiệu ứng cộng hưởng, huy động tối đa trí tuệ của tập thể, huy động được nhiều ý kiến. Tạo cơ hội cho tất cả thành viên tham gia.

* **Nhược điểm:** Có thể đi lạc đề, tản mạn, có thể mất thời gian nhiều trong việc chọn các ý kiến thích hợp. Có thể có một số HS "quá tích cực", số khác thụ động, kỹ thuật động não được áp dụng phổ biến và người ta xây dựng nhiều kỹ thuật khác dựa trên kỹ thuật này, có thể coi là các dạng khác nhau của kỹ thuật động não.

Tác giả vận dụng kỹ thuật này vào lý thuyết "**Cái vòng luẩn quẩn và cú huých từ bên ngoài**" tại **chương 10: Một số lý thuyết tăng trưởng và phát triển kinh tế ở các nước đang phát triển**. Với những nội dung dễ hiểu, sát với thực tế được hướng dẫn trước, tác giả sử dụng "kỹ thuật động não" để khai phá sức sáng tạo đồng thời kiểm tra sự hiểu biết cũng như quá trình nghiên cứu tài liệu trước của sinh viên. Tác giả sử dụng câu hỏi: *Hãy lựa chọn bất kỳ một nước đang phát triển như; Việt Nam, Philipin, Indonexia để chứng minh biểu đồ: "Cái vòng luẩn quẩn của sự nghèo khổ". Theo anh/chị để thoát khỏi cái vòng luẩn quẩn của sự nghèo khổ cần phải có "Cú huých" từ bên ngoài nào?*

Biểu đồ **Cái vòng luẩn quẩn của sự nghèo khổ ở các nước đang, chậm phát triển**.



Để phát triển phải có "Cú huých" từ bên ngoài nhằm phá "cái vòng luẩn quẩn" ở nhiều điểm. Điều này có nghĩa là phải có đầu tư của nước ngoài vào các nước đang phát triển. Muốn vậy, phải tạo ra các điều kiện thuận lợi nhằm kích thích tính cực đầu tư của tư bản nước ngoài.

- Giảng viên gợi ý: (hướng sinh viên liên hệ đến Việt Nam).

Cú huých từ bên ngoài chính là thu hút, kích thích đầu tư của tư bản nước ngoài.

- Để kích thích, khơi gợi trí tuệ của sinh viên, GV phải gợi ý, sử dụng câu hỏi mở và trình chiếu đoạn video về phỏng vấn các doanh nghiệp trong nước cũng như nước ngoài khi về đầu tư tại Việt Nam thì gặp rào cản nào? Từ đó sinh viên có thể tự trả lời được vấn đề này. Ví dụ, doanh gia Lê Văn Duyên - việt kiều Mỹ cho rằng: Đầu tư ở Việt Nam, thứ nhất phải kiên nhẫn, thứ hai, chịu đựng, thứ ba, chịu chơi. Giảng viên cùng gợi ý để sinh viên hình dung và trả lời được cốt lõi của vấn đề: Vì sao phải kiên nhẫn? Có phải là vướng mắc từ cơ chế, chính sách không? chịu đựng điều gì? chịu chơi nghĩa là thế nào?

Muốn đưa sinh viên vào tâm thế, không khí học tập, đều phải có sự dẫn dắt của giảng viên, để có thể trả lời được theo những hướng sau:

+ Việt Nam thuộc nước đang phát triển, vì thế rất cần thiết phải vận dụng lý thuyết này để tăng trưởng kinh tế.

+ Trong nhiều chủ trương, chính sách, Đảng và nhà nước thể hiện rất rõ quan điểm tạo mọi điều kiện để phát triển kinh tế quốc tế, tranh thủ nguồn lực từ bên ngoài như: Việt nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các quốc gia và vùng lãnh thổ; chủ động hội nhập kinh tế quốc tế . . .

+ Để tạo điều kiện thu hút đầu tư từ nước ngoài, nhà nước đã có nhiều chính sách để tạo môi trường đầu tư thuận lợi như:

* Xây dựng chính phủ kiến tạo..

* Thực hiện cải cách thủ tục hành chính để giảm bớt phiền hà về giấy tờ cho các nhà đầu tư.

* Xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế và xã hội tạo điều kiện cho kinh tế thị trường phát triển nhằm hấp dẫn các nhà đầu tư.

* Hoàn chỉnh hệ thống luật pháp phù hợp với thông lệ quốc tế.

* Giữ vững an ninh, ổn định chính trị, kinh tế, xã hội

* Chống tham nhũng, sử dụng có hiệu quả vốn ODA .v. v. ./.

2.2. Kỹ thuật giao nhiệm vụ

Yêu cầu của kỹ thuật này:

- Giao nhiệm vụ phải cụ thể, rõ ràng
- Nhiệm vụ giao cho cá nhân/ nhóm nào?
- Địa điểm thực hiện nhiệm vụ ở đâu?

- Thời gian thực hiện nhiệm vụ là bao nhiêu?
- Phương tiện thực hiện nhiệm vụ là gì?
- Sản phẩm cuối cùng cần có là gì?
- Cách thức trình bày/ đánh giá sản phẩm như thế nào?

Nhiệm vụ phải phù hợp với: mục tiêu hoạt động, trình độ SV, thời gian, không gian hoạt động và cơ sở vật chất, trang thiết bị.

Một trong những nét đặc thù của dạy học tín chỉ, giảng viên không còn đóng vai trò là người truyền đạt kiến thức một chiều mà là người gợi mở, tư vấn, hướng dẫn, tổ chức cho sinh viên tự nghiên cứu, tự học, tự tìm kiếm tri thức. Tự học cũng có nhiều hình thức: một là tính tương ứng giờ tín chỉ (1 giờ lý thuyết có 2 giờ tự học ở nhà), hai là tự học những nội dung, bài giảng có trong giáo trình nhưng không đưa vào giảng trên lớp, nhưng sinh viên phải đọc, học, lĩnh hội được kiến thức. Bởi nếu học các môn Lý luận chính trị nói chung và môn Lịch sử các học thuyết kinh tế nói riêng mà sinh viên chỉ học, làm việc trên lớp thì chưa đủ, mà phải có ý thức, tự giác, hợp tác tìm kiếm tri thức ở các loại hình thông tin như: sách, báo chí, internet... mới tăng vốn hiểu biết và góp phần làm cho giờ học của giảng viên và sinh viên thành công.

Vậy làm thế nào để giảng viên biết, đánh giá được quá trình “tự học”, tự nghiên cứu của sinh viên.

Chẳng hạn: Chương 4: " CNXH không tưởng" của môn Lịch sử các học thuyết kinh tế là sinh viên tự nghiên cứu. Để hình thành ở các em nhu cầu học tập nghiêm túc, thực hiện đúng nhiệm vụ học tập, biết gắn lý luận với thực tiễn, giảng viên phải định hướng, đưa ra những câu hỏi vừa trong nội dung bài học vừa cập nhật trong thực tiễn cuộc sống, với những yêu cầu cụ thể để tránh sự lười biếng, không tiếp cận thi trực của sinh viên. **Giảng viên đã thiết kế phiếu học tập như sau:**

Đưa vào chương 4

“Học thuyết kinh tế của các nhà XHCN không tưởng thế kỷ XIX ở Tây Âu”

Anh (chị) hãy tìm hiểu những nội dung sau:

I. Hoàn cảnh lịch sử ra đời và đặc điểm của CNXHKT ở Tây Âu đầu thế kỷ 19

.....

II. Làm rõ các đặc điểm học thuyết kinh tế của Saint Simon (Pháp); Charles Phurie (Pháp); Robert Owen (Anh).

Tác giả	Đặc điểm Năm sinh, Năm mất Con người, Tác phẩm chính, Phương pháp luận...)	Phê phán CNTB (Những điểm nổi bật)	Dự đoán xã hội tương lai (Những điểm nổi bật)	Dự án tiền lao động, sự trao đổi công bằng và khoa học hợp tác hóa)
1				
2				
3				

Anh (chị, hãy dùng kiến thức cả lý luận và thực tiễn để phân tích vấn đề sau:

Câu 1: Dù phê phán CNTB ở đầu TK 19, song trong XHTB hiện nay còn có những tồn tại nào giống như dự đoán của 3 ông? Hãy chứng minh.

Câu 2: Cả 3 ông đều dự đoán về xã hội tương lai. Những dự đoán nào đã trở thành hiện thực ở các nước XHCN? (VD: VN, TQ, CHDCND Triều Tiên, Cu Ba, Venezuela...).

Lưu ý: Anh (chị) có thể lựa chọn một trong những vấn đề mình tâm đắc nhất để phân tích.

VD: - “Vấn đề khủng hoảng kinh tế trong XHTB, gây ra sự tàn phá mọi cơ sở xã hội, làm cho các dân tộc phải chịu nhiều tai họa” (Saint Simon).

- “Sự nghèo đói chính là do sự thừa thãi sinh ra” (C. Phurie).

- “Xã hội tương lai là một nền sản xuất công bằng và hấp dẫn”
(C. Phurie).

- “XH tương lai không có sự đối lập giữa thành thị và nông thôn, giữa lao động trí óc và lao động chân tay” (R. Owen).

Yêu cầu: - Làm bài nghiêm túc

- Thời gian làm bài và nộp bài: giờ đầu tuần sau (cách 1 tuần kể từ khi giao bài).

Lưu ý: - Câu hỏi đặt ra gắn với bài học với thực tiễn.

- Nguồn tri thức, số liệu được cập nhật mới hiện nay
- Tôn trọng sinh viên bằng cách luôn hỏi những thắc mắc của sinh viên đối với các câu hỏi trong phiếu học tập.
- Giảng viên phải hướng dẫn sinh viên làm, lấy ví dụ cụ thể để sinh viên hiểu.

Để những hình thức học tập này có hiệu quả, giảng viên phải giới hạn thời gian, thu sản phẩm, phải đọc, nhận xét, đánh giá, công bố trước lớp để sinh viên thấy sản phẩm của mình được tôn trọng và thấy được thái độ làm việc tâm huyết của giảng viên, để sinh viên nghiêm túc thực hiện ở những yêu cầu “tự học” lần sau.

Kết luận

Như vậy, sử dụng kỹ thuật dạy học tích cực trong giảng dạy các môn học nói chung và môn Lịch sử các học thuyết kinh tế nói riêng, nhằm góp phần thành công của yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực, tôn trọng người học. Tuy nhiên, để sử dụng các kỹ thuật thành công, ngoài cơ sở vật chất, trang thiết bị của nhà trường thì quyết định nhất là phụ thuộc vào trình độ, năng lực, lòng nhiệt huyết của giảng viên cũng như sự tự giác, ham học hỏi, nghiêm túc, đam mê học tập, khả năng tiếp nhận và xử lý thông tin của sinh viên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

(1) Nguyễn Thị Lan, (2015), *Giáo trình lịch sử các học thuyết kinh tế*. trường Đại học Kinh tế Nghệ An.

(2) Đại học Quốc gia Hà Nội - Trường Đại học Giáo dục (2016) *Phương pháp dạy học đại học theo tiếp cận phát triển năng lực*.

<https://bigschool.vn/10-ki-thuat-day-hoc-tich-cuc-danh-cho-cac-thay-co>

XÂY DỰNG CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ BẰNG HỒ SƠ HỌC TẬP (PORTFOLIO) TRONG DẠY HỌC CÁC HỌC PHẦN KINH TẾ TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ NGHỆ AN

Tác giả: ThS. Hà Thị Hồng Nhung

Đơn vị công tác: Bộ môn Nguyên lý kế toán – kiểm toán, Khoa Kế toán - Phân tích

Tóm tắt: *Quan điểm dạy học theo định hướng phát triển năng lực đặt ra những yêu cầu liên quan đến việc thiết kế chương trình, điều chỉnh nội dung, phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá (KTĐG) trong nhà trường. Trong bối cảnh đó, tổ chức dạy học và đánh giá bằng Hồ sơ học tập (Portfolio Assessment) được ứng dụng rộng rãi bởi tính khả thi và hiệu quả, đặc biệt phù hợp với đặc thù của các học phần kinh tế hệ đại học. Bài viết này trình bày về những cơ sở lý luận và thực tiễn trong KTĐG, từ đó đề xuất xây dựng bộ công cụ đánh giá sử dụng cho việc đánh giá Hồ sơ học tập trong dạy học các học phần kinh tế tại trường Đại học kinh tế Nghệ An dựa trên nguyên tắc chính xác, khách quan và vì sự tiến bộ của người học.*

Từ khóa: *kiểm tra đánh giá, Hồ sơ học tập, học phần kinh tế*

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong những năm gần đây, thực hiện chủ trương của đổi mới giáo dục đại học, Trường Đại học kinh tế Nghệ An đã và đang triển khai mô hình đào tạo theo học chế tín chỉ. Do mục tiêu cá thể hóa việc học tập, đào tạo theo tín chỉ có đặc điểm quan trọng nhất là làm cho mỗi người học có thể học theo năng lực và điều kiện của riêng mình. Đặc điểm này buộc người học phải sử dụng, khai thác và phát huy được tính chủ động tự học của mình, và việc học như thế đồng thời giúp người học biết cách học để tự học – tự hoàn thiện kiến thức. Do đó, chương trình đào tạo theo tín chỉ chú trọng đến việc đánh giá kết quả học tập thường xuyên. Tuy nhiên, hiện nay nền giáo dục đại học ở Việt Nam nói chung và tại trường Đại học kinh tế Nghệ An nói riêng đang tồn tại những vấn đề trong việc đánh giá sinh viên trong các học phần kinh tế với đào tạo tín chỉ như sau:

Thứ nhất, về mặt hình thức, hầu hết việc đánh giá chủ yếu dựa vào kết quả của các bài kiểm tra giữa kỳ, bài thi kết thúc học phần dưới dạng trắc nghiệm, tự luận hoặc vấn đáp; sử dụng hạn chế các hình thức đánh giá mới. Việc kiểm tra - đánh giá theo hình thức truyền thống này chỉ đòi hỏi sinh viên miêu tả lại những sự kiện riêng rẽ, hiếm khi yêu cầu sinh viên vận dụng những kiến thức đã học vào một tình huống thực

té. Và kết quả là nguồn nhân lực được đào tạo trong bối cảnh như vậy khó có khả năng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội trong kỷ nguyên hội nhập kinh tế thế giới mới

Thứ hai, về mặt nội dung, các đề kiểm tra và đề thi hầu hết được ra theo dạng "đề đóng", tính tích hợp chưa cao. Phần lớn nội dung câu hỏi đề thi kiểm tra về kiến thức cơ bản đã học trong chương trình và sách giáo trình, đề cương ôn tập, do đó việc đánh giá chỉ chú trọng đến kiến thức chưa khuyến khích sự sáng tạo và năng lực bậc cao (như năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo...) của người học.

Thứ ba, điểm yếu trong đánh giá sinh viên hiện tại là đánh giá (chấm điểm) mà không có sự phản hồi cho sinh viên. Giảng viên (GV) chấm bài kiểm tra và trả bài cho sinh viên thường chỉ cho điểm hoặc chỉ phê "sai", "làm lại" hay chỉ viết ký hiệu sai hay ký hiệu đúng chứ chưa giải thích rõ cho sinh viên (SV) biết tại sao sai, sai như thế nào. Một số GV chấm bài có sự phản hồi nhưng phản hồi không đủ, không mang tính xây dựng (Ví dụ: GV phê làm sai, làm ẩu, không hiểu....) làm cho SV chán nản, không có động lực để sửa lỗi. Bên cạnh đó, hầu hết nếu GV có phản hồi chung (chữa bài kiểm tra trên lớp) lại thường đưa ra lời giải đúng theo cách tư duy "áp đặt" của GV mà chưa giúp phân tích mổ sẻ những cách tư duy chưa phù hợp của SV dẫn đến sự sai sót.

Tuy nhiên, một thực tế hiện nay trong sinh viên mà thầy cô nào tham gia giảng dạy đều dễ dàng nhận thấy đó là sự ỳ và tính thụ động của sinh viên còn rất lớn. Hoạt động tự học vẫn còn mang tính hình thức, đối phó với các bài kiểm tra. Theo khảo sát trong sinh viên ở một số lớp, hầu hết các sinh viên được hỏi cho rằng tính chủ động trong học tập của sinh viên thấp. Đa số ý kiến cho rằng sinh viên không có thói quen tự học, chuẩn bị bài trước khi đến lớp. Đa phần sinh viên đợi đến khi thi mới học. Như vậy, rõ ràng nếu giảng viên nỗ lực để sinh viên tự học, học ngay từ đầu và đưa ra các phương pháp giảng dạy hướng tới mục tiêu này trong khi sinh viên thì cứ nhờn nhờ, lười học, trốn học... thì không thể có kết quả tốt.

Do đó, cần thiết phải có sự đổi mới về công tác kiểm tra đánh giá trong giảng dạy bậc đại học để kéo theo sự thay đổi về phương pháp dạy học và quá trình học của sinh viên. Triết lí đánh giá vì sự tiến bộ của người học dẫn đến việc không chỉ coi trọng đánh giá tổng kết mà còn đánh giá quá trình, trong đó, đánh giá cũng được xem như là quá trình dạy học. Ở một số cơ sở giáo dục, việc đổi mới phương pháp dạy học và

KTĐG đã trở thành yêu cầu bắt buộc, đem lại hiệu quả giáo dục cao và nhận được phản hồi tích cực từ phía cộng đồng, xã hội. Trong các phương pháp KTĐG tích cực, đánh giá bằng Hồ sơ học tập (*Portfolio Assessment*) được ứng dụng rộng rãi bởi tính khả thi và hiệu quả, phù hợp với định hướng phát triển năng lực người học. Đối với các học phần kinh tế nói chung, Hồ sơ học tập vừa được xem như là phương pháp triển khai dạy học, vừa là công cụ KTĐG, phù hợp với tính chất đặc thù của bộ môn, đặc biệt đem lại hiệu quả cao khi dạy học tích hợp nhiều nội dung và thực hiện trong một thời gian học tập nhất định. Việc thiết kế các công cụ đánh giá Hồ sơ học tập là rất quan trọng, phải được xây dựng trên cơ sở khoa học, được công khai rõ ràng và có sự tham gia của cả GV và sinh viên (SV) để phát huy tối đa hiệu quả của hình thức đánh giá này. Vì vậy, với mong muốn tiếp tục phát triển và nghiên cứu về ứng dụng Hồ sơ học tập trong dạy học và đánh giá các học phần kinh tế hệ đại học, bài viết này tập trung đề cập đến nội dung "*Xây dựng công cụ đánh giá bằng hồ sơ học tập (portfolio) trong dạy học các học phần kinh tế tại trường Đại học kinh tế Nghệ An*".

II. NỘI DUNG

1. Hồ sơ học tập như là một phương pháp và công cụ trong dạy học và đánh giá các học phần kinh tế bậc Đại học.

1.1. Định nghĩa về hồ sơ học tập

Hồ sơ học tập là cách dịch từ thuật ngữ *portfolio* theo tiếng Việt. Thuật ngữ *portfolio* nói chung được hiểu theo nhiều cách, được dùng trong nhiều chuyên ngành khác nhau như tài chính, kinh tế, thương mại, nghệ thuật. Có thể dịch định nghĩa này sang tiếng Việt như sau: Portfolio là tổng hợp các sản phẩm học tập và làm việc của một người. Những tác phẩm này phản ánh quá trình phát triển ý tưởng cũng như kỹ năng của cá nhân qua 1 khoảng thời gian. Nó thể hiện sự sáng tạo, cá tính, khả năng và sự cam kết với công việc; và từ đó được sử dụng để đánh giá tiềm năng của cá nhân đó. Trong giáo dục, *portfolio* hay *portfolio assessment* thường được sử dụng như là một công cụ đánh giá học tập tích cực.

1.2. Hiệu quả của việc sử dụng Hồ sơ học tập

Mặc dù việc thiết kế và triển khai Hồ sơ học tập mất nhiều thời gian và đòi hỏi sự đầu tư kỹ lưỡng từ phía GV, nhưng đây rõ ràng là một phương pháp và là một công cụ mang lại nhiều hiệu quả không thể chối cãi. Robert Tierney, Mark Carter và Laura

Desai (1991) trong dự án *Portfolio Assessment in the Reading-Writing Classroom* đã nghiên cứu về hiệu quả của Hồ sơ học tập ở các trường học trong vòng 3 năm trước khi đưa ra kết luận về hiệu quả của Hồ sơ học tập so với các bài kiểm tra truyền thống. Sự khác biệt giữa hai loại đánh giá trên có thể tổng hợp trong bảng dưới đây:

Bảng 1.1. Bảng so sánh đánh giá bằng Hồ sơ học tập và đánh giá bằng bài kiểm tra

Hồ sơ học tập	Bài kiểm tra
Trình bày một loạt các hoạt động, sản phẩm của SV trong một lĩnh vực, nội dung học tập cụ thể	Thường giới hạn về nội dung và không thể thể hiện chính xác kiến thức của SV
Cho phép SV tự đánh giá	Được chấm điểm một cách máy móc hoặc bởi GV, không có sự tham gia của SV
Cho phép dạy học phân hóa	Tất cả SV đều làm chung một bài kiểm tra, khó có thể phân hóa
Khuyến khích sự hợp tác giữa SV với GV	GV điều khiển, kiểm soát toàn bộ
Một trong những mục tiêu quan trọng là SV tự đánh giá việc học của mình	Không cho phép SV tự đánh giá
Chú trọng vào nỗ lực, những tiến bộ và kết quả đạt được của SV	Chỉ chú ý vào kết quả học tập của SV
Kết hợp đánh giá trong quá trình dạy học (đánh giá quá trình)	Tách đánh giá ra khỏi quá trình dạy học

2. Thiết kế công cụ đánh giá bằng Hồ sơ học tập trong giảng dạy các học phần kinh tế tại trường Đại học kinh tế Nghệ An

2.1. Phạm vi, dạng thức và đối tượng sử dụng:

Phạm vi: Hồ sơ học tập bao gồm các sản phẩm học tập tương ứng với các nhiệm vụ, hoạt động, dự án, chủ đề học tập trong chương trình các học phần kinh tế.

Dạng thức: Hồ sơ học tập được thiết kế dưới dạng bản cứng như cuốn sổ, tập tài liệu,... kết hợp với bản mềm trên máy tính nếu có (để lưu trữ một số sản phẩm công nghệ như video, hình ảnh, các bài thuyết trình đa phương tiện,...).

Đối tượng sử dụng: Hồ sơ học tập cá nhân, do sinh viên khối ngành kinh tế tự thiết kế và thực hiện dưới sự hướng dẫn, định hướng của GV bộ môn. Ngoài ra, các

sản phẩm của nhóm SV có thể được sao chép hoặc lưu trữ dưới dạng cứng hoặc bản mềm để đưa vào Hồ sơ học tập của từng cá nhân.

2.2. Cấu trúc của Hồ sơ học tập

Hồ sơ đóng thành quyển, bao gồm:

- Trang bìa: Được thiết kế, trang trí theo sở thích của mỗi cá nhân. Trang bìa phải thể hiện được các thông tin sau:

+ Tên hồ sơ

+ Tên tác giả hồ sơ (tên SV)

- Trang giới thiệu

+ Lời giới thiệu/mở đầu

+ Tóm tắt tiểu sử: thông tin cá nhân, thông tin về quá trình học tập trước đó

- Bảng chú dẫn: Các kí hiệu, viết tắt trong hồ sơ

- Kế hoạch phát triển cá nhân: Mục tiêu học tập; Những điểm mạnh, điểm yếu, sở thích, năng khiếu cá nhân; Mô tả phong cách học tập của cá nhân; Kế hoạch học tập của bản thân để hoàn thành Hồ sơ học tập; Kế hoạch phát triển cá nhân về lâu dài

- Thư mục tài liệu:

+ Phân loại tài liệu: Phân loại theo dạng thức của tài liệu (văn bản, hình ảnh, video,...), phân loại theo người thực hiện (cá nhân, nhóm, lớp), phân loại theo nhiệm vụ thực hiện (sưu tầm, tạo lập), phân loại theo phạm vi thực hiện (ở lớp, ở nhà),...

+ Sắp xếp tài liệu: theo thời gian thực hiện/theo phân loại tài liệu

- Các sản phẩm kèm theo các đánh giá cho từng sản phẩm

2.3. Thống kê các sản phẩm dự kiến trong Hồ sơ học tập các học phần kinh tế tại trường Đại học kinh tế Nghệ An:

Dựa vào chương trình đào tạo tín chỉ hệ đại học, tôi thống kê một số sản phẩm dự kiến trong Hồ sơ học tập của sinh viên có thể thực hiện theo nội dung chương trình gồm:

- Các phiếu học tập

- Sơ đồ tư duy

- Video thuyết trình hoặc bài thuyết trình đa phương tiện

- Các dự án học tập theo nhóm

- Các sơ đồ, bảng biểu tổng kết nội dung bài học

- Ghi chép cá nhân (Nhật kí học tập ghi lại quá trình thực hiện các hoạt động, nhiệm vụ học tập; bảng thống kê số lần phát biểu xây dựng bài, các ý kiến phản hồi trong quá trình học tập, các ý tưởng, đề xuất, nguyện vọng của cá nhân,...)

- Biên bản làm việc nhóm

- Các bài phỏng vấn, trao đổi,...

- Các sản phẩm thuộc công tác tổ chức các hoạt động ngoại khóa: truyền thông (chiến dịch truyền thông, các văn bản, bài viết truyền thông,...), hậu cần (trang trí, tổ chức, sắp đặt,...), nội dung hoạt động,...

Trong quá trình xây dựng Hồ sơ học tập với định hướng những sản phẩm như trên, GV và SV cần lưu ý một số điều sau:

- Các sản phẩm có thể thay đổi linh hoạt tùy theo kế hoạch dạy học của từng GV, theo trình độ, khả năng của SV và theo điều kiện của từng lớp học, nhà trường, địa phương.

- Các sản phẩm được thực hiện theo cá nhân hoặc theo nhóm, được lưu vào hồ sơ cá nhân của SV.

- Cần lựa chọn các nội dung đưa vào Hồ sơ học tập một cách hợp lí, hiệu quả, tránh trường hợp đưa quá nhiều nội dung gây ra tình trạng quá tải, lộn xộn.

- Có thể xây dựng Hồ sơ học tập theo phạm vi từng nhóm kĩ năng.

2.4. Xây dựng công cụ đánh giá Hồ sơ học tập trong dạy học các học phần kinh tế tại trường Đại học kinh tế Nghệ An

Sau khi có Hồ sơ học tập, GV cần đánh giá kết quả Hồ sơ học tập của SV, vì vậy tôi đề xuất quy trình thiết kế công cụ đánh giá Hồ sơ học tập của SV gồm 5 bước như sau:

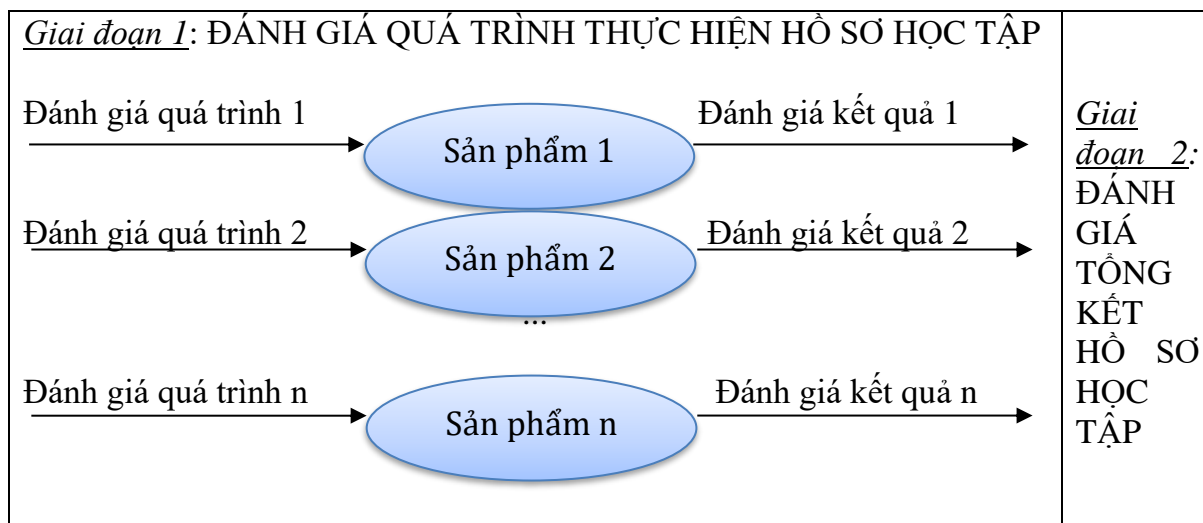
Bước 1: Xác định mục tiêu đánh giá

Một mặt, các mục tiêu đánh giá Hồ sơ học tập phải dựa trên yêu cầu cần đạt của chương trình học các học phần kinh tế hệ đại học. Mặt khác, việc xây dựng bộ công cụ đánh giá Hồ sơ học tập này còn hướng đến mục tiêu công khai hóa nhận định về năng lực và kết quả học tập của mỗi SV, nhóm SV và tập thể lớp, tạo cơ hội cho các em phát triển kĩ năng tự đánh giá, nhận ra sự tiến bộ của mình, khuyến khích động viên việc học tập của các em; đồng thời giúp cho GV có cơ sở thực tế để nhận ra những

điểm mạnh và điểm yếu của mình, tự hoàn thiện hoạt động dạy, phấn đấu không ngừng nâng cao chất lượng và hiệu quả dạy học

Bước 2: Thiết kế quy trình, lịch trình, kế hoạch đánh giá Hồ sơ học tập

Quy trình đánh giá Hồ sơ học tập gồm 2 giai đoạn. Sơ đồ quy trình đánh giá Hồ sơ học tập như sau:



Bước 3: Phân loại sản phẩm, dự kiến công cụ đánh giá cho từng nhóm sản phẩm

Dựa vào các sản phẩm trong Hồ sơ học tập đã thống kê ở trên, tôi đưa ra cách phân loại sản phẩm và dự kiến công cụ đánh giá cho từng nhóm sản phẩm như sau:

Bảng 2.1: Bảng phân loại sản phẩm và dự kiến công cụ đánh giá cho sản phẩm

Sản phẩm	Mục đích đánh giá sản phẩm	Đối tượng đánh giá	Đối tượng được đánh giá	Công cụ đánh giá
<i>Ghi chép, biên bản làm việc</i>	- Đánh giá quá trình làm việc của SV một cách chính xác, trung thực - Đánh giá năng lực tự chủ của SV trong học tập	- GV	- Cá nhân SV - Nhóm SV	Rubric định tính (Holistic Rubric)
<i>Phiếu học tập</i>	- Đánh giá quá trình và kết quả lĩnh hội tri thức của SV - Đánh giá thái độ học tập	- GV - SV đánh giá đồng đẳng	- Cá nhân SV - Nhóm SV	Rubric định tính
<i>Sơ đồ, bảng biểu</i>	- Đánh giá mức độ kiến thức mà SV đã lĩnh hội. - Đánh giá năng lực tư duy logic và sáng tạo của SV	- GV - SV đánh giá đồng đẳng	- Cá nhân SV - Nhóm SV	Rubric định tính

<i>Tài liệu và xử lý tài liệu sưu tầm</i>	Đánh giá năng lực đọc, tìm kiếm và xử lý tài liệu của SV theo các yêu cầu cụ thể	- GV - SV đánh giá đồng đẳng	- Cá nhân SV - Nhóm SV	Rubric định tính
<i>Các bài thuyết trình đa phương tiện</i>	- Đánh giá kiến thức mà SV lĩnh hội được. - Đánh giá năng lực sử dụng các công cụ, phương tiện, kỹ thuật thuyết trình - Đánh giá năng lực nói. - Đánh giá thái độ làm việc của SV	- GV - SV đánh giá đồng đẳng	- Nhóm SV	Rubric định lượng
<i>Video, Hình ảnh</i>	- Đánh giá năng lực công nghệ của SV - Đánh giá năng lực tổ chức, hợp tác của SV	- GV - SV đánh giá đồng đẳng	- Cá nhân SV - Nhóm SV	Rubric định lượng
<i>Test, câu hỏi, bài tập, bài kiểm tra</i>	- Đánh giá nhanh chóng năng lực của SV theo các mức độ phân hóa	- GV - SV tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng	- Cá nhân SV	Ma trận đề, đáp án

Bước 4: Thiết kế công cụ đánh giá cho từng sản phẩm/nhóm sản phẩm trong Hồ sơ học tập

Căn cứ vào sự phân loại các sản phẩm, nhóm sản phẩm, căn cứ vào quy trình xây dựng Rubrics, tôi xin trình bày một số Rubrics đánh giá các sản phẩm, nhóm sản phẩm trong Hồ sơ học tập như sau:

Bảng 2.2. Rubric đánh giá bản báo cáo, biên bản, ghi chép

RUBRIC ĐÁNH GIÁ BẢN GHI CHÉP, BÁO CÁO	
Mức độ	Tiêu chí
Giỏi (9-10)	- Cung cấp một cách đầy đủ và chính xác về quá trình/kết quả làm việc, đưa ra nhiều kiến nghị, giải pháp sáng tạo và hiệu quả - Trình bày đúng quy cách, diễn đạt mạch lạc, văn phong sáng rõ
Khá (7-8)	- Cung cấp khá đầy đủ, chính xác thông tin về quá trình/kết quả làm việc - Trình bày đúng quy cách, còn một số lỗi diễn đạt và lỗi chính tả

Trung bình (5-6)	- Cung cấp một số thông tin về quá trình/kết quả làm việc - Trình bày được cơ bản về quy cách, tuy nhiên vẫn còn nhiều lỗi trình bày, lỗi ngữ pháp và chính tả
Cần cố gắng (0-4)	- Chưa cung cấp thông tin về quá trình/kết quả làm việc hoặc cung cấp thông tin không chính xác, chân thực - Trình bày sai quy cách, không rõ ràng

Bảng 2.3. Rubric đánh giá Phiếu học tập

RUBRIC ĐÁNH GIÁ PHIẾU HỌC TẬP	
Mức độ	Tiêu chí
Giỏi (9-10)	Hoàn thành tốt tất cả các nhiệm vụ trong phiếu học tập, cho thấy khả năng thông hiểu và vận dụng thành thạo các nội dung học tập
Khá (7-8)	Hoàn thành gần hết các nhiệm vụ trong phiếu học tập, thông hiểu nội dung học tập, chất lượng làm việc khá tốt
Trung bình (5-6)	Thực hiện được một số nhiệm vụ trong phiếu học tập, bước đầu hiểu được nội dung học tập, tuy nhiên chất lượng làm việc chưa cao
Cần cố gắng (0-4)	Chưa nhận thức được nhiệm vụ trong phiếu học tập hoặc hiểu sai yêu cầu thực hiện, chưa hiểu nội dung học tập, không hoàn thành phiếu học tập

Bảng 2.4. Rubric đánh giá sơ đồ, sơ đồ, bảng biểu

RUBRIC ĐÁNH GIÁ SƠ ĐỒ, BẢNG BIỂU	
Mức độ	Tiêu chí
Giỏi (9-10)	Sơ đồ, bảng biểu trình bày được các nội dung theo hệ thống và thể hiện được mối quan hệ logic chặt chẽ giữa các đơn vị kiến thức, HS có sáng tạo trong việc thiết kế sơ đồ, bảng biểu, sử dụng các kí hiệu độc đáo, hiệu quả
Khá (7-8)	Sơ đồ, bảng biểu thể hiện được hầu hết nội dung học tập, các đơn vị kiến thức được trình bày khá hệ thống và liên kết với nhau, thể hiện tư duy logic của HS ở một mức độ nhất định
Trung bình (5-6)	Sơ đồ, bảng biểu thể hiện được một phần nội dung học tập, tuy nhiên sự liên kết giữa các đơn vị kiến thức chưa được thể hiện rõ, còn rời rạc, trình

6)	bày chưa có hệ thống
Cần cố gắng (0-4)	Sơ đồ, bảng biểu chưa thể hiện được nội dung học tập, cho thấy HS chưa lĩnh hội được kiến thức, chưa có tư duy liên kết, sắp xếp các đơn vị kiến thức

Bảng 2.5. Rubric đánh giá video

RUBRIC ĐÁNH GIÁ VIDEO					
Tiêu chí	Giỏi (9-10)	Khá (7-8)	Trung bình (5-6)	Cần cố gắng (0-4)	Điểm
Nội dung chủ đề (30%)	Chủ đề rõ ràng, đưa ra thông điệp sâu sắc, bám sát nội dung học tập; thông tin được chọn lựa kĩ càng, thuyết phục, làm nổi bật chủ đề	Video có chủ đề liên quan đến nội dung học tập, thông tin chính xác, tập trung làm rõ nội dung chủ đề.	Video có nội dung chủ đề nhưng chưa rõ, các thông tin đôi lúc còn lộn xộn, lan man	Thông tin trong video không chính xác, rời rạc, không có chủ đề, không liên quan đến nội dung học tập	
Chất lượng hình ảnh (20%)	Hình ảnh, cảnh quay được đầu tư kĩ lưỡng, sát nội dung, chất lượng hình ảnh tốt, độ phân giải cao, không bị vỡ nét, rung lắc	Hình ảnh, cảnh quay phù hợp với nội dung, chất lượng hình ảnh tương đối tốt	Hình ảnh, cảnh quay thể hiện một phần nội dung nhưng chất lượng chưa cao, độ phân giải kém, quay rung lắc, thiếu ánh sáng	Hình ảnh, cảnh quay không phù hợp với nội dung, chất lượng hình ảnh kém	
Chất lượng âm thanh	Âm thanh rõ ràng, các phần lồng tiếng lưu loát,	Âm thanh khá rõ, sử dụng lồng ghép	Một số phần âm thanh không nghe	Âm thanh đa phần không nghe rõ, lẫn	

(20%)	ghép nhạc chuyên nghiệp, có hiệu quả cao	nhạc khá phù hợp	rõ, nhạc lồng ghép nhiều lúc chưa phù hợp	quá nhiều tạp âm, nhạc không phù hợp	
Biên tập (20%)	Kịch bản video được triển khai tốt, sử dụng các kĩ thuật và hiệu ứng đẹp mắt, các yếu tố trong video đều mang ý nghĩa, video chuyên nghiệp; đáp ứng yêu cầu thời lượng video	Nội dung video được thể hiện thông qua kịch bản rõ ràng, sử dụng kĩ thuật và hiệu ứng để chuyển tiếp, liên kết hình ảnh, cảnh quay khá hợp lí; đáp ứng yêu cầu thời lượng	Xây dựng được kịch bản nhưng chưa thể hiện được nội dung, sử dụng một số hiệu ứng kĩ thuật đơn giản để tổ chức hình ảnh, âm thanh; đáp ứng tương đối yêu cầu thời lượng video	Video lộn xộn, không theo kịch bản nào, chưa có sự sắp xếp các hình ảnh, cảnh quay, âm thanh, không sử dụng các hiệu ứng kĩ thuật; không đáp ứng yêu cầu thời lượng	
Sáng tạo (10%)	Sáng tạo trong ý tưởng thực hiện và cách triển khai vấn đề, đưa ra những giải pháp hiệu quả	Có một vài điểm sáng tạo trong ý tưởng và cách triển khai vấn đề	Đề xuất được ý tưởng tuy nhiên chưa độc đáo, còn phổ biến.	Không đề xuất được ý tưởng hoặc ý tưởng nghèo nàn, rập khuôn	
KẾT LUẬN					Tổng

Bước 5: Thiết kế công cụ đánh giá tổng kết Hồ sơ học tập

Việc đánh giá tổng kết Hồ sơ học tập của SV cần hướng đến hai nhiệm vụ: Đánh giá chất lượng Hồ sơ học tập và đánh giá năng lực thực hiện Hồ sơ học tập của

SV. Hai nhiệm vụ này phải được thực hiện song song với nhau. Nói cách khác, cần phải đánh giá mức độ hoàn thành Hồ sơ học tập của từng SV theo năng lực của chính SV đó.

Tôi đề xuất xây dựng Rubric đánh giá tổng kết Hồ sơ học tập nhằm đánh giá chất lượng Hồ sơ học tập và đánh giá năng lực thực hiện Hồ sơ học tập. Ngoài Rubric đánh giá tổng kết Hồ sơ học tập, giảng viên kết hợp với Phiếu tự đánh giá của cá nhân SV, nhóm SV đánh giá lẫn nhau để làm Phiếu đánh giá tổng kết hồ sơ học tập. Trong các phiếu đánh giá này có ghi mức điểm SV đạt được dựa trên kết quả đánh giá bằng Rubric, cùng với những lời nhận xét/tự nhận xét, chia sẻ về quá trình thực hiện Hồ sơ học tập, quan điểm cá nhân về các sản phẩm trong Hồ sơ, đánh giá hiệu suất thực hiện nhiệm vụ, những ưu điểm, hạn chế và đề xuất các biện pháp khắc phục, những điều cần lưu ý và điều chỉnh trong các Hồ sơ học tập tiếp theo. Như vậy, việc đánh giá tổng kết Hồ sơ học tập được đảm bảo được thực hiện trên cả 3 cấp độ: SV tự đánh giá, đánh giá đồng đẳng và đánh giá từ GV.

Bảng 2.6: Rubric đánh giá tổng kết Hồ sơ học tập của SV

		RUBRIC ĐÁNH GIÁ TỔNG KẾT HỒ SƠ HỌC TẬP				
Tiêu chí		Giỏi (9-10)	Khá (7-8)	Trung bình (5-6)	Cần cố gắng (0-4)	Điểm
Chất lượng Hồ sơ học tập	Nội dung, hình thức Hồ sơ (30%)	Nội dung Hồ sơ đầy đủ, phong phú, vượt trên mức mong đợi. SV vận dụng thuần thực nội dung học tập. Bố cục hợp lí, trình bày chuyên nghiệp	SV đã vận dụng được phần lớn nội dung học tập, nội dung Hồ sơ khá đầy đủ. Hồ sơ trình bày tốt, đầy đủ các phần chính	SV có cố gắng vận dụng nội dung học tập. Nội dung Hồ sơ đáp ứng được các yêu cầu cơ bản, tuy nhiên còn sai sót một vài chỗ. Trình bày hồ sơ nhiều chỗ còn thiếu logic.	Chỉ thực hiện phần nhỏ nội dung học tập, nội dung sơ sài. Trình bày chưa đạt yêu cầu, không tuân thủ quy tắc thiết kế Hồ sơ.	
	Số lượng,	Ngoài tất cả các sản phẩm	Có đầy đủ tất cả các	Có hầu hết sản phẩm theo yêu	Có quá ít sản phẩm so với	

	chất lượng sản phẩm (30%)	yêu cầu còn có sản phẩm thêm, hầu hết chất lượng sản phẩm tốt.	sản phẩm theo yêu cầu, đa số sản phẩm chất lượng khá.	cầu, tuy nhiên chất lượng sản phẩm chưa cao	yêu cầu, chất lượng sản phẩm chưa đạt	
Năng lực thực hiện Hồ sơ học tập	Năng lực tự chủ và hợp tác (15%)	Tự chủ, tự đề xuất thiết kế, triển khai Hồ sơ, tự đánh giá và lập kế hoạch. Hợp tác với bạn bè, GV rất hiệu quả.	Có khả năng tự chủ thiết kế, triển khai Hồ sơ và đánh giá cá nhân. Hợp tác với bạn bè, GV khá hiệu quả.	Nhiều lúc còn phụ thuộc vào các bạn và GV, tự đánh giá còn chưa khách quan, chính xác. Hiệu quả hợp tác ở mức trung bình.	Không thể tự thực hiện Hồ sơ, hoàn toàn phụ thuộc GV và các bạn, không có khả năng tự đánh giá. Hợp tác không hiệu quả.	
	Năng lực tư duy và sáng tạo (15%)	SV thể hiện tư duy logic, khoa học trong quá trình thực hiện Hồ sơ. Hồ sơ rất sáng tạo, độc đáo, có dấu ấn cá nhân.	SV biết cách tư duy để giải quyết các nhiệm vụ, có sự tìm tòi. Hồ sơ khá sáng tạo.	SV đã bước đầu biết tư duy để giải quyết các nhiệm vụ, tuy nhiên nhiều chỗ chưa hợp lí, logic. Khả năng sáng tạo còn hạn chế.	Chưa có năng lực tư duy để giải quyết các nhiệm vụ. Chưa sáng tạo trong quá trình thực hiện Hồ sơ	
	Ý thức, thái độ (20%)	Say mê, không ngừng tìm tòi, học hỏi và cầu thị	Nghiêm túc thực hiện các nhiệm vụ, ý thức tốt	Có ý thức hoàn thành nhiệm vụ nhưng chưa hứng thú	Thiếu nghiêm túc, thực hiện Hồ sơ hời hợt, đối phó	
	Kết luận					Tổng

Sau khi sử dụng các công cụ trên để đánh giá, cần tổ chức phản hồi kết quả đánh giá để đưa ra những điều chỉnh, thay đổi phù hợp cho quá trình dạy học. Từ việc sử dụng bộ công cụ (dự thảo lần 1) để đo lường trên đối tượng cụ thể đến phân tích kết quả, phản hồi, điều chỉnh hoạt động dạy học, rồi điều chỉnh lại các công cụ đánh giá (dự thảo lần 2). Các bước này khiến cho hoạt động dạy học và kiểm tra đánh giá trở thành chu trình, lặp lại, chứ không kết thúc ở bước cuối cùng, nhằm thúc đẩy quá trình dạy ngày càng tích cực, tiến bộ, đem đến hiệu quả giáo dục cao nhất.

III. KẾT LUẬN

Đổi mới KTĐG theo định hướng tiếp cận năng lực người học không chỉ là xu hướng, mà đã trở thành yêu cầu nhất thiết trong bối cảnh đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. KTĐG có thể được xem là khâu cuối cùng của QTDH, nhưng vấn đề đổi mới KTĐG thì phải được thực hiện đồng bộ, song song, tạo động lực cho đổi mới phương pháp, hoạt động dạy học. Điều này một lần nữa chứng tỏ các thành tố của QTDH luôn có tác động qua lại mật thiết với nhau, tất cả hướng tới mục đích vì sự phát triển của người học.

Việc sử dụng Hồ sơ học tập trong dạy học và đánh giá, đặc biệt là trong các học phần kinh tế tại trường Đại học kinh tế Nghệ An là hoàn toàn phù hợp với định hướng phát triển năng lực người học. Sự tập trung đầu tư và lên kế hoạch cẩn thận cho việc thiết kế và sử dụng Hồ sơ học tập, đặc biệt đưa ra được bộ công cụ đánh giá chính xác và toàn diện cho Hồ sơ học tập sẽ mang lại hiệu quả cao trong giáo dục.

Tuy nhiên, để phát huy hiệu quả của Hồ sơ học tập trong mô hình đào tạo theo hệ thống tín chỉ, ngoài nỗ lực từ phía nhà trường trong việc xây dựng chương trình đào tạo phù hợp, đổi mới phương pháp giảng dạy, nâng cấp cơ sở vật chất còn cần có sự nỗ lực của bản thân mỗi sinh viên trong việc chủ động trong học tập, “tự xây dựng cho mình kế hoạch học tập riêng, phù hợp với năng lực học tập, hoàn cảnh gia đình và sở thích cá nhân”.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014), *Tài liệu tập huấn các chuyên đề dạy học và kiểm tra đánh giá*.
- [2] Trần Bá Hoàng (1997), *Đánh giá trong giáo dục*, Nxb Giáo dục.

- [3] Nguyễn Công Khanh (chủ biên), *Kiểm tra đánh giá trong giáo dục*, Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội.
- [4] Phương Thảo (2017), *Đánh giá bằng hồ sơ cá nhân: Một hoạt động có ý nghĩa nhằm đánh giá người học*, Tạp chí Giáo dục Số đặc biệt tháng 4/2017.
- [5] Trần Thị Tuyết Oanh (2007), *Đánh giá và đo lường kết quả học tập*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội.
- [6] Savin, N.V (1983), *Giáo dục học*, (Nguyễn Đình Chính dịch), Nxb Giáo dục.